

Số: /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2024

DỰ THẢO

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**  
**ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ**  
**(SỬA ĐỔI)**

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 22/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt nhiệm vụ lập *Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050* (Ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 22/01/2021).

Ngày 30/8/2021, Chính phủ đã thông qua Nghị quyết số 99/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Theo Chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) được giao chủ trì thực hiện Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử (NLNT).

Thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW (kèm theo Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021). Thực hiện nhiệm vụ được Kế hoạch giao, Bộ KH&CN đã tiến hành nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật NLNT 2008 và báo cáo Chính phủ (Báo cáo số 684/BC-BKHCN ngày 31/3/2023). Trên cơ sở Báo cáo này, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ KH&CN trình Chính phủ Đề nghị xây dựng Luật NLNT 2008 (sửa đổi) (Công văn số 2850/VPCP-PL ngày 08/5/2022).

Chính phủ cũng đã đề nghị đưa Luật NLNT 2008 (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2026 (Báo cáo số 277/BC-CP ngày 16/8/2022 của Chính phủ gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Căn cứ Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024: Tại Phụ lục IV. Một số nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, lĩnh vực năm 2024 ban hành kèm theo Nghị quyết, Mục II. Nhóm nhiệm vụ về rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa

*thủ tục hành chính, quy định kinh doanh*, Bộ KH&CN được giao Nhiệm vụ số 61 về lập Đề nghị xây dựng Luật NLNT 2008 (sửa đổi), tiến độ trình Chính phủ tháng 7/2024.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Trên cơ sở những căn cứ này, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch chi tiết lập Đề nghị xây dựng Luật NLNT 2008 (sửa đổi) (kèm theo Quyết định số 1794/QĐ-BKH&CN ngày 15/8/2023), trong đó, Bộ KH&CN đã xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách của Đề nghị xây dựng Luật với các nội dung chính sau đây:

## **A. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

### **I. BỐI CẢNH LUẬT NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ NĂM 2008 (LUẬT NLNT)**

Luật Năng lượng nguyên tử được Quốc hội Khóa XII (kỳ họp 3) thông qua ngày 03/6/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018) và Luật Phòng thủ dân sự (Luật số 18/2023/QH15 ngày 20/6/2023). Luật NLNT bao gồm 11 Chương, 93 Điều, quy định về các hoạt động trong lĩnh vực NLNT và các yêu cầu bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân cho các hoạt động đó. Luật NLNT áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tiến hành các hoạt động trong lĩnh vực NLNT tại Việt Nam. Với vai trò là đạo luật gốc trong lĩnh vực chuyên ngành đặc thù, Luật NLNT đã thể chế hoá chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong phát triển ứng dụng NLNT phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, hội nhập quốc tế phù hợp với điều kiện trong nước và bối cảnh quốc tế lúc bấy giờ.

Các chính sách phát triển ứng dụng NLNT, bảo đảm an toàn, an ninh đã được thể chế hóa bằng pháp Luật NLNT, bao gồm:

(1) Đẩy mạnh phát triển ứng dụng NLNT, quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học công nghệ (KH&CN).

(2) An toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân.

(3) Quản lý cơ sở bức xạ, cơ sở hạt nhân.

(4) Thăm dò, khai thác, chế biến quặng phóng xạ.

(5) Quản lý vận chuyển và nhập khẩu, xuất khẩu vật liệu phóng xạ, thiết bị hạt nhân.

(6) Phát triển dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT.

(7) Khai báo và cấp phép.

(8) Ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

(9) Bồi thường thiệt hại bức xạ, thiệt hại hạt nhân.

Phát triển ứng dụng NLNT về cơ bản bao gồm hai cấu phần chính là: (1) phát triển năng lượng (điện) hạt nhân và (2) phát triển ứng dụng năng lượng bức xạ (ứng dụng bức xạ).

Về *phát triển điện hạt nhân*: cụ thể hóa đường lối của Đảng, Chính phủ đã trình Quốc hội khóa XII thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận (Nghị quyết số 41/2009/QH12 ngày 25/11/2009). Trong giai đoạn 2010-2015, các công tác chuẩn bị cho việc xây dựng hai nhà máy điện hạt nhân tại Ninh Thuận đã được tích cực chuẩn bị, bao gồm việc ban hành hàng loạt văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn hạt nhân, chương trình đào tạo nhân lực về công nghệ nhà máy điện hạt nhân và an toàn hạt nhân tập trung tại 05 trường đại học lớn của đất nước, đồng thời đã gửi hơn 400 sinh viên đi đào tạo tại Liên bang Nga, một số tại Nhật Bản (là hai đối tác quốc tế của dự án điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và Ninh Thuận 2) nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc triển khai dự án điện hạt nhân này. Tuy nhiên, vì một số lý do, ngày 22/11/2016 Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 31/2016/QH14 về việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận.

*Ứng dụng bức xạ* đã được triển khai ở Việt Nam cách đây hơn một thế kỷ, kể từ ngày thành lập Viện Radium Đông Dương tại Hà Nội ngày 19/10/1923 với máy chụp X-quang và nguồn phóng xạ Ra-đi điều trị ung thư. Trong hơn 20 năm trở lại đây ứng dụng bức xạ ở nước ta đã phát triển mạnh mẽ, đóng góp hiệu quả trong phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt ở một số lĩnh vực then chốt như công nghiệp, y tế, nông nghiệp và tài nguyên môi trường. Hiện nay, theo thống kê, trên cả nước có khoảng 1.900 cơ sở bức xạ, một số cơ sở hạt nhân trực thuộc Viện NLNT Việt Nam trong đó Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt đang quản lý, vận hành an toàn 01 lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu công suất 500 kW ứng dụng cho nghiên cứu vật lý hạt nhân, vật lý bức xạ, kỹ thuật phân tích hạt nhân và đặc biệt sản xuất một số đồng vị phóng xạ cho y tế. Việt Nam đang nghiên cứu triển khai

dự án xây dựng Trung tâm Nghiên cứu khoa học và công nghệ hạt nhân (CNST) với lò phản ứng nghiên cứu đa mục tiêu công suất 10 MW, dự kiến địa điểm tại Long Khánh, Đồng Nai.

Chính phủ tiếp tục khẳng định chính sách coi trọng ứng dụng NLNT vào việc phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Ngày 22/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt nhiệm vụ lập *Quy hoạch phát triển, ứng dụng NLNT thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050* (Ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 22/01/2021).

Trong thời gian qua, Luật NLNT đã phát huy vai trò quan trọng trong việc tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ trong lĩnh vực NLNT. Nhìn chung, Luật này đã góp phần thúc đẩy sự phát triển KH&CN nói chung và lĩnh vực NLNT nói riêng, bảo đảm an toàn, an ninh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng NLNT vì mục đích hòa bình.

Cùng với sự phát triển của ứng dụng NLNT, bên cạnh lợi ích to lớn, chúng ta cũng phải đối mặt với các thách thức, nguy cơ liên quan đến quản lý an toàn, an ninh các nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, chiếu xạ y tế và công nghiệp, khai thác và chế biến quặng phóng xạ, quản lý chất thải thải phóng xạ; các yêu cầu tăng cường năng lực chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân (bao gồm cả sự cố xuyên biên giới); tuân thủ các cam kết về không phổ biến hạt nhân, chống buôn bán, vận chuyển trái phép vật liệu phóng xạ, vật liệu hạt nhân; tuân thủ yêu cầu về thanh sát hạt nhân với Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA).

Đây không chỉ là vấn đề của riêng đất nước, mà còn là vấn đề toàn cầu, nhất là trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng và đã tham gia hầu hết các điều ước quốc tế về NLNT, an toàn, an ninh và thanh sát hạt nhân.

## **II. CÁC BẤT CẬP, HẠN CHẾ TRONG QUY ĐỊNH CỦA LUẬT NLNT**

Trong hơn 15 năm triển khai thực hiện, bên cạnh vai trò, tác động và đóng góp lớn của Luật NLNT trong việc hình thành công tác quản lý nhà nước, bảo đảm an toàn, an ninh, thúc đẩy sự phát triển bền vững ứng dụng NLNT vì hòa bình, tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì một số quy định pháp luật về NLNT đã bộc lộ bất cập, hạn chế về yêu cầu quản lý, sự đồng bộ với một số luật mới ban hành và sự phù hợp với các yêu cầu, hướng dẫn mới của IAEA; phát sinh sự chồng chéo trong chức năng quản lý của một số bộ ngành; một số quy định thiếu tính khả thi; chưa đáp ứng hoặc theo kịp sự phát triển nhanh của khoa học và công nghệ hạt nhân, công nghệ bức xạ. Vì vậy, Luật NLNT 2008 cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

### **II.1 Các quy định còn thiếu:**

- a) Quy định về thanh sát hạt nhân:

Điều 10 Luật NLNT quy định về Kiểm soát hạt nhân, thực chất là quy định về *thanh sát hạt nhân*. Trong thời gian qua Việt Nam thực hiện các nghĩa vụ theo Hiệp định Thanh sát, các hoạt động liên quan đều sử dụng thuật ngữ *thanh sát hạt nhân (Nuclear safeguards)* – là *thuật ngữ chuẩn của IAEA*. Tuy nhiên, tại thời điểm xây dựng dự thảo Luật có những ý kiến khác nhau về việc sử dụng thuật ngữ này. Vì vậy, thuật ngữ *thanh sát hạt nhân* đã được thay bằng thuật ngữ *kiểm soát hạt nhân*. Việc sử dụng “*kiểm soát hạt nhân*” đã bộc lộ bất cập, vì có thể hiểu *kiểm soát hạt nhân (nuclear control)* gồm cả an toàn hạt nhân, an ninh nhân. Vì vậy, cần trở lại sử dụng thuật ngữ *thanh sát hạt nhân* một cách đúng nghĩa theo thông lệ quốc tế, đồng thời trong Luật NLNT (sửa đổi) cần thiết kế một Chương riêng về thanh sát hạt nhân.

b) Quy định về chính sách quốc gia dài hạn về quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng

Quy định trách nhiệm quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, cơ sở lưu giữ quốc gia, kho nguồn phóng xạ quốc gia cùng với nguồn và cơ chế bảo đảm tài chính (phí, quỹ) cho việc quản lý tập trung, chôn cất vĩnh viễn chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ ngoài sự quản lý, cùng với cơ quan có thẩm quyền quy định cơ chế bảo đảm tài chính này.

c) Quy định về thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại tố cáo trong lĩnh vực NLNT

Luật NLNT hiện hành mới chỉ có 01 khoản giao trách nhiệm cho cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền (Khoản 4 Điều 8). Tuy nhiên theo thông lệ về bộ cục của Luật Việt Nam và hướng dẫn của IAEA (Sổ tay Luật Hạt nhân năm 2010) thì cần có các quy định chi tiết về thẩm quyền của cơ quan thanh tra, thanh tra viên nhằm đáp ứng các yêu cầu đặc thù, phản ứng nhanh của cơ quan thanh tra trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân.

d) Quy định về ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân

- Trách nhiệm của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Môi quan hệ giữa kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở, kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh và kế hoạch ứng phó sự cố cấp quốc gia. Việc tích hợp kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở vào kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh, kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh vào kế hoạch ứng phó sự cố cấp quốc gia.

- Ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân xuyên biên giới.

e) Quy định cơ chế thực hiện các điều ước quốc tế về an toàn, an ninh, thanh sát và không phổ biến hạt nhân mà Việt Nam đã tham gia (quy định nội luật hóa)

## II.2. Các quy định chưa hoặc không còn phù hợp:

a) Quy định về chính sách tập trung đầu tư, tạo điều kiện phát triển điện hạt nhân (Khoản 1 Điều 5) chưa phù hợp hoàn toàn với đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước hiện nay là cần chú trọng đẩy mạnh ứng dụng NLNT phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng và trật tự xã hội.

b) Quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân chưa phù hợp với các công ước quốc tế liên quan:

Quy định tại Luật NLNT về tổng mức bồi thường thiệt hại hạt nhân đối với mỗi sự cố tại nhà máy điện hạt nhân không vượt quá 150 triệu SDR. Điều này không phù hợp với quy định tại các Công ước quốc tế về bồi thường thiệt hại hạt nhân là 300 SDR hoặc 700 SDR.

c) Quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp giấy phép:

- Điểm b khoản 2 Điều 73: Chưa quy định cơ quan có thẩm quyền ban hành Danh mục nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ không phải xin cấp giấy phép

- Điểm b khoản 1 Điều 77 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế là không phù hợp, chỉ cần giao cho Sở Khoa học và Công nghệ vì đây là hoạt động cấp phép có tính chuyên môn sâu, thực tế các Sở vẫn đang được phân cấp hoặc ủy quyền thực hiện. Sự không thống nhất giữa các tỉnh trong phân cấp, ủy quyền đã gây khó khăn cho công tác quản lý, công bố, thực hiện, kiểm soát và liên thông thủ tục hành chính.

- Điểm c khoản 1 Điều 77 quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép chế biến quặng phóng xạ chưa phù hợp với Luật khoáng sản năm 2010. Theo Luật này, công việc chế biến quặng phóng xạ không phải là hoạt động khoáng sản. Bộ Công Thương quản lý việc chế biến khoáng sản theo điểm a khoản 9 Điều 2 Nghị định của Chính phủ số 96/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022.

- Điểm d khoản 1 Điều 77 quy định Bộ Công Thương cấp giấy phép vận hành thử và vận hành chính thức nhà máy điện hạt nhân là chưa bảo đảm tính độc lập, tính liên tục của hoạt động quản lý nhà nước vì hai lý do: (1) Bộ Công Thương quản lý hoạt động Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); (2) Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy phép xây dựng, Giấy phép chấm dứt hoạt động của nhà máy điện hạt nhân. Quy định này gây khó khăn cho công tác quản lý toàn bộ vòng đời của nhà máy điện hạt nhân nói chung và quản lý hồ sơ, đặc biệt là hồ sơ an toàn của nhà máy điện hạt nhân nói riêng.

d) Quy định về hàng hóa có chứa chất phóng xạ:

Khoản 3 Điều 66 Luật NLNT quy định Bộ Y tế ban hành danh mục sản phẩm tiêu dùng đã chiếu xạ hoặc chứa chất phóng xạ được phép nhập khẩu và mức chiếu xạ đối với hàng hoá tiêu dùng trên cơ sở kết quả thẩm định an toàn của

cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân. Tuy nhiên, Luật NLNT lại chưa có quy định về việc ban hành hàng hóa chứa chất phóng xạ thuộc chức năng quản lý của các Bộ khác. Vì vậy, Luật sửa đổi cần khắc phục sự bất cập này.

đ) Quy định về kiểm soát vận chuyển quá cảnh vật liệu phóng xạ:

Theo quy định tại Điều 64 Luật NLNT: Việc vận chuyển vật liệu phóng xạ quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, hoạt động của tàu biển, phương tiện khác có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân trên lãnh thổ Việt Nam phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép và phải chịu sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Quy định này cơ bản là hợp lý, duy chỉ có bất cập đối với vận chuyển quá cảnh các nguồn phóng xạ kín nhóm 2, 3, 4, 5 vì mức độ an toàn an ninh và tác động không quá nghiêm trọng như vật liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân và nguồn phóng xạ nhóm 1.

e) Quy định về dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT:

- Điều 69 Luật NLNT quy định Điều kiện hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT: Việc giao Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đăng ký hoạt động không là phù hợp về thẩm quyền quy định tại Luật Đầu tư 2020.

- Khoản 3 Điều 70 Luật NLNT quy định Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT: Quy định Bộ Khoa học và Công nghệ cấp, thu hồi, công nhận chứng chỉ là không phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư 2020.

Bất cập của Luật NLNT bắt nguồn từ các nguyên nhân chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, lần đầu tiên Việt Nam xây dựng một đạo luật để điều chỉnh toàn diện các quan hệ xã hội trong lĩnh vực NLNT (trước kia chúng ta chỉ có Pháp lệnh an toàn và kiểm soát bức xạ năm 1996) trong điều kiện còn thiếu chuyên gia có kinh nghiệm về xây dựng pháp luật hạt nhân nói chung và các quy định về an toàn, an ninh bức xạ và hạt nhân nói riêng.

*Thứ hai*, Luật NLNT có phạm vi rộng và chuyên sâu về kỹ thuật, đồng thời còn liên quan đến chính trị, xã hội, quan hệ đối ngoại, an ninh quốc gia.

*Thứ ba*, Luật NLNT chưa dự báo đầy đủ và kịp thời sự phát triển nhanh chóng các ứng dụng NLNT, khoa học và công nghệ bức xạ, kỹ thuật hạt nhân, hội nhập quốc tế cũng như các nguy cơ ngày càng gia tăng liên quan đến an toàn, an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu và thiết bị hạt nhân. Vì vậy, một số quy định đã không đáp ứng thực tiễn quản lý, đặt ra yêu cầu cần sửa đổi, bổ sung Luật NLNT.

*Thứ tư*, từ năm 2010, Việt Nam đã tham gia nhiều điều ước quốc tế về an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân (Công ước về An toàn hạt nhân; Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân, Phần sửa đổi của Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân; Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định Thanh sát Việt Nam-IAEA; Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất

thải phóng xạ; Công ước về Trấn áp các hành vi khủng bố hạt nhân... Việc triển khai thực hiện các điều ước quốc tế đặt ra yêu cầu hoàn thiện pháp luật NLNT để bảo đảm nội luật hóa, thực hiện nghĩa vụ và cam kết quốc gia quy định tại điều ước quốc tế.

### **III. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT NLNT (SỬA ĐỔI)**

Quá trình tổng kết hơn 15 năm thực hiện Luật đã cho thấy việc xây dựng Luật NLNT (sửa đổi) là cần thiết vì:

*Thứ nhất*, để hoàn thiện cơ sở pháp lý phục vụ mục tiêu phát triển các ứng dụng năng lượng nguyên tử đóng góp nhiều hơn nữa cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, củng cố an ninh quốc gia trong tình hình mới. Việc sửa đổi Luật NLNT góp phần thực hiện chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước là hoàn thiện thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh.

*Thứ hai*, yêu cầu thống nhất, đồng bộ và hài hòa giữa Luật NLNT và nhiều pháp luật liên quan khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Quy hoạch (2017), Luật Đầu tư (2020), Luật Xây dựng (2014; sửa đổi, bổ sung 2020), Luật Khoáng sản (2010; sửa đổi, bổ sung 2018), Luật Dược (2016), Luật Bảo vệ môi trường (2020),... nhằm không để phát sinh chồng chéo, chưa thống nhất, bất cập trong quản lý nhà nước và triển khai thực hiện.

*Thứ ba*, trong giai đoạn vừa qua, Việt Nam đã tham gia các điều ước quốc tế về an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân, thanh sát hạt nhân: Công ước về An toàn hạt nhân (2010); Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định Thanh sát Việt Nam-IAEA (2012); Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và Phần sửa đổi (2012); Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất thải phóng xạ (2014). Việc triển khai thực hiện các điều ước quốc tế đặt ra yêu cầu nội luật hóa, hoàn thiện chính sách, pháp luật NLNT để bảo đảm thực thi nghĩa vụ và cam kết quốc gia của Việt Nam.

### **IV. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**

Dự án xây dựng Luật NLNT (sửa đổi) nhằm mục tiêu chính sau:

1. Thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển NLNT vì mục đích hòa bình, bảo đảm an toàn, an ninh và không phổ biến hạt nhân.

2. Phù hợp với Hiến pháp năm 2013, các luật hiện hành có liên quan nhằm bảo đảm hài hòa và thống nhất của Luật NLNT (sửa đổi) trong hệ thống pháp luật Việt Nam.



3. Khắc phục triệt để những tồn tại, bất cập, hạn chế, mâu thuẫn, chồng chéo của quy định và khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật NLNT 2008.

## V. CÁC VẤN ĐỀ TỔNG THỂ CẦN GIẢI QUYẾT

1. Xây dựng Luật NLNT (sửa đổi) tổng hợp (bao gồm các quy định về đẩy mạnh phát triển ứng dụng NLNT và các quy định về an toàn, an ninh, thanh sát và không phổ biến hạt nhân, bồi thường hạt nhân, quản lý nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân) thay thế cho Luật NLNT;

2. Kế thừa những quy định hợp lý, có tính nguyên tắc của Luật NLNT năm 2008; chuyển những quy định quá chi tiết hoặc mang tính kỹ thuật, quy định thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng vào các văn bản quy định, hướng dẫn thi hành Luật theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

3. Nghiên cứu các quy định liên quan tại Hiến pháp 2013, các luật hiện hành có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong thời gian từ 2009 đến nay, đặc biệt mối quan hệ và ảnh hưởng của các luật đó đến Luật NLNT để bảo đảm các quy định của Luật NLNT (sửa đổi) hài hòa, thống nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Dự báo sự phát triển của NLNT (như tái khởi động chương trình điện hạt nhân, điện hạt nhân nổi, công nghệ lò phản ứng module SMR,...) để bảo đảm tuổi thọ lâu dài của Luật.

5. Áp dụng phù hợp các nguyên tắc cơ bản, yêu cầu, hướng dẫn của Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA), hướng dẫn của IAEA về bố cục và nội dung của Luật hạt nhân; Tham khảo Luật về NLNT, an toàn bức xạ và hạt nhân và các luật liên quan của một số nước, đặc biệt các nước có trình độ phát triển NLNT tương đồng. Trong đó, Luật NLNT (sửa đổi) phải bảo đảm 11 nguyên tắc của Luật hạt nhân theo khuyến cáo của IAEA là:

- (a) Nguyên tắc an toàn (*The safety principle*);
- (b) Nguyên tắc an ninh (*The security principle*);
- (c) Nguyên tắc trách nhiệm (*The responsibility principle*);
- (d) Nguyên tắc cho phép (*The permission principle*);
- (đ) Nguyên tắc kiểm soát liên tục (*The continuous control principle*);
- (e) Nguyên tắc bồi thường (*The compensation principle*);
- (g) Nguyên tắc phát triển bền vững (*The sustainable development principle*);
- (h) Nguyên tắc tuân thủ (*The compliance principle*);

- (i) Nguyên tắc độc lập (*The independence principle*);
- (j) Nguyên tắc minh bạch (*The transparency principle*);
- (k) Nguyên tắc hợp tác quốc tế (*The international co-operation principle*).

6. Thực hiện cam kết nội luật hóa các điều ước quốc tế trong lĩnh vực NLNT mà Việt Nam đã tham gia về an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân, thanh sát hạt nhân: Công ước về An toàn hạt nhân (CNS), Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định Thanh sát Việt Nam-IAEA (AP), Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất thải phóng xạ (Joint Convention), Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và phần sửa đổi của Phần sửa đổi (CPPNM/A).

## **VI. CÁC CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ**

Sau khi tổng kết và phân tích hiện trạng của việc thi hành Luật NLNT, Bộ KH&CN đã xác định 06 vấn đề cần ưu tiên phân tích, đánh giá theo một phương pháp có hệ thống, trong đó mỗi vấn đề khi phân tích, đánh giá sẽ bao gồm giải pháp giữ nguyên hiện trạng (nghĩa là không thay đổi quy định hiện hành trong Luật) và tối thiểu 01 giải pháp được đề xuất để giải quyết hạn chế, bất cập của quy định. Từ đó, các phân tích sẽ được thực hiện trên cơ sở đánh giá tác động của sự thay đổi, nghĩa là phải so sánh tác động của các giải pháp đề xuất với giải pháp giữ nguyên hiện trạng để tìm hiểu rõ tác động của việc thay đổi, qua đó làm rõ và khẳng định giải pháp đề xuất.

Các vấn đề được phân tích, đánh giá trong dự thảo Báo cáo cũng đáp ứng tiêu chí của chính sách cần được sửa đổi, bổ sung trong lập Đề nghị xây dựng Luật NLNT (sửa đổi), bao gồm:

- Chính sách 1: Thúc đẩy phát triển ứng dụng NLNT, coi trọng năng lượng hạt nhân, chế tạo thiết bị, hợp tác quốc tế và đào tạo nguồn nhân lực;
- Chính sách 2: Bảo đảm an toàn, an ninh nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân và vật liệu hạt nhân;
- Chính sách 3: Thanh sát và không phổ biến vũ khí hạt nhân;
- Chính sách 4: Quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng;
- Chính sách 5: Ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại hạt nhân;
- Chính sách 6: Quản lý nhà nước trong lĩnh vực NLNT (Khai báo, đăng ký, cấp giấy phép, cấp chứng chỉ; Thanh tra, kiểm tra; xử lý vi phạm; giải quyết khiếu nại, tố cáo);

Một số chính sách được kế thừa từ các quy định của Luật NLNT 2008 và một

số chính sách được điều chỉnh, bổ sung mới, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, toàn diện ứng dụng NLNT. Những vấn đề được lựa chọn đưa vào Báo cáo đánh giá tác động chính sách mang tính tiêu biểu, thực tiễn của công tác QLNN và hoạt động triển khai ứng dụng NLNT, có ảnh hưởng và tác động tới nhiều đối tượng liên quan.

Đối với từng chính sách, Bộ KH&CN đã thực hiện đánh giá theo quy trình: xác định vấn đề bất cập hiện tại (nêu rõ tác động và nguyên nhân), đưa ra các mục tiêu chính sách, đề xuất phương án dự kiến để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động có thể (bao gồm kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật) đối với phương án chính sách dự kiến.

## **B. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

### **I. CHÍNH SÁCH 1: THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG NLNT**

#### **1. Xác định vấn đề bất cập**

##### ***a) Các chính sách, quy định còn thiếu***

- Luật NLNT được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018) có quy định “*Quy hoạch phát triển, ứng dụng NLNT là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, được lập trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược ứng dụng NLNT vì mục đích hòa bình, quy hoạch ngành quốc gia có liên quan, đề ra định hướng cơ bản dài hạn và xác định các mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể phát triển, ứng dụng NLNT vì mục đích hòa bình.*”

Tuy nhiên trong Luật NLNT chưa có quy định về xây dựng chiến lược phát triển ứng dụng NLNT, nội dung cùng với việc phân công trách nhiệm trong việc xây dựng chiến lược.

- Luật NLNT được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018). Tuy nhiên có một số quy định còn chưa có, bao gồm:

+ Về quy hoạch phát triển ứng dụng NLNT: Chưa có quy định về quy trình lập quy hoạch; Chưa có quy định về nguồn kinh phí lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch

+ Về quy hoạch phát triển điện hạt nhân: chưa có quy định về cơ sở xây dựng quy hoạch; cơ quan chủ trì lập quy hoạch.

+ Chưa có quy định về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển phát triển, ứng dụng NLNT, quy hoạch phát triển điện hạt nhân

##### ***b) Các chính sách quy định chưa toàn diện để triển khai đầy đủ trong thực tế***

- Về đầu tư và tăng cường xã hội hóa:

Khoản 1 Điều 5 của Luật NLNT có quy định “*Đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đầu tư vào hoạt động trong lĩnh vực NLNT phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.*” Mối quy định về chính sách đầu tư cho phát triển điện hạt nhân; đầu tư cơ sở vật kỹ thuật và nguồn nhân lực cho đảm bảo an toàn, an ninh.

Trong thời gian qua, chính sách xã hội hóa trong lĩnh vực y tế đã được triển khai và có kết quả, hiệu quả nhất định. Đầu tư khu vực tư nhân đã góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế về xạ trị (máy gia tốc điện tử LINAC, xạ trị áp sát, dao gamma, ...), điện quang và y học hạt nhân (PET/CT, SPECT/CT). Tuy nhiên, việc đầu tư trang bị các thiết bị lớn như xạ trị proton và một số kỹ thuật công nghệ cao vẫn cần có vai trò dẫn dắt của nhà nước. Đầu tư của tư nhân trong lĩnh vực chiếu xạ công nghiệp đã được triển khai mạnh mẽ, phát huy hiệu quả đối với hoạt động xuất khẩu thủy hải sản, sản phẩm nông nghiệp, trái cây. Hiện tại trên cả nước đang có 11/13 cơ sở chiếu xạ công nghiệp là doanh nghiệp tư nhân với tổng số 16/20 thiết bị chiếu xạ (nguồn Co-60 và máy gia tốc điện tử). Vì vậy, trong giai đoạn tới cần đẩy mạnh cơ chế xã hội hóa, khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư mở rộng ứng dụng NLNT.

- Về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng NLNT:

Điều 17 Luật NLNT quy định: “*Nhà nước có chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển, ứng dụng NLNT trong lĩnh vực kinh tế - xã hội*”.

Quy định này đã được triển khai trong nhiều năm ở các chương trình phát triển KH&CN cấp quốc gia của Bộ KH&CN đối với nhiều lĩnh vực bao gồm khoa học tự nhiên, khoa học xã hội trong đó có lĩnh vực NLNT. Tuy nhiên, do sự phát triển nhanh của thiết bị công nghệ bức xạ và hạt nhân ứng dụng trong y tế, công nghiệp và các ngành kinh tế-xã hội khác nên các yêu cầu nội địa hóa, tăng cường năng lực chế tạo, sản xuất trở nên cấp bách. Quy định tại Điều 17 Luật NLNT chưa thể hiện trực diện vấn đề này.

- Về phát triển nguồn nhân lực:

Điều 16 của Luật NLNT có quy định về phát triển nguồn nhân lực như sau:

“1. *Nhà nước có chương trình đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực, đặc biệt là chuyên gia có trình độ cao đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và bảo đảm an toàn, an ninh trong lĩnh vực NLNT.*

2. *Nhà nước có chính sách ưu đãi, thu hút chuyên gia có trình độ cao trong và ngoài nước làm việc trong lĩnh vực NLNT.*

*3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế tham gia thực hiện chương trình đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực quy định tại khoản 1 Điều này.”*

Trong thời gian triển khai 02 dự án điện hạt nhân (ĐHN) Ninh Thuận từ 2008-2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cử hơn 400 sinh viên đi đào tạo tại một số trường đại học chuyên ngành của LB Nga, Bộ KH&CN và Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) của Bộ Công thương đã cử hàng trăm lượt cán bộ đi thăm quan, học hỏi kinh nghiệm về công nghệ ĐHN và các ngành liên quan tại châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc, cử hàng chục cán bộ đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tại Nhật Bản, Hàn Quốc và LB Nga. Đồng thời, 05 trường đại học, bao gồm Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Điện lực, Đại học Khoa học Tự nhiên TpHCM và Đại học Đà Lạt, đã được đầu tư trang thiết bị, chuyên gia nước ngoài, tài liệu và chương trình đào tạo cùng với chính sách ưu tiên, ưu đãi để thu hút sinh viên vào học ngành NLNT và công nghệ ĐHN. Điều này đã góp phần tăng cường đáng kể nhân lực của ngành, trong số đó nhiều cử nhân, kỹ sư và những cán bộ có chuyên môn cao về làm việc tại các viện trực thuộc Viện Năng lượng nguyên tử VN, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ KH&CN), Tập đoàn Điện lực VN, Viện Năng lượng (Bộ Công thương), trở thành cán bộ giảng dạy tại các khoa của một số trường đại học lớn trên cả nước. Tuy nhiên, sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 31/2016/QH14 về việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận thì việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực trong lĩnh vực NLNT nói chung gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về cơ chế và tài chính, dẫn đến sự suy giảm chất lượng nguồn nhân lực trong những năm gần đây.

Đối với các quy định tại Điều 16 Luật NLNT nên có sự thay đổi về khái niệm cũng như nhận thức liên quan đến phát triển nguồn nhân lực, cụ thể: (1) khái niệm “chuyên gia có trình độ cao” thường dẫn đến suy nghĩ về người có học hàm, học vị cao. Điều này không sai nhưng chưa toàn diện, chưa phản ánh đúng thực tiễn trong hoạt động khoa học và công nghệ vì có những cán bộ không có học hàm, học vị cao nhưng làm việc lâu năm, chuyên tâm nên tích lũy được nhiều kinh nghiệm, hiểu biết và kỹ năng trong một hoặc một số vấn đề, khía cạnh, đặc thù công nghệ để đạt đến trình độ, năng lực chuyên gia, nghĩa là hơn hẳn những đồng nghiệp cùng đơn vị, cùng ngành nghề; (2) khái niệm “đào tạo chuyên gia có trình độ cao” là không chuẩn xác vì chuyên gia chỉ có thể đạt được bằng con đường tự học, tự đào tạo, rèn luyện để tích lũy kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng, trưởng thành trong công việc một cách tận tâm, trách nhiệm (sau quá trình học tập, đào tạo ở bậc đại học hoặc sau đại học như những đồng nghiệp khác).

## **2. Mục tiêu của Chính sách**

Dự án xây dựng Luật NLNT (sửa đổi) nhằm mục tiêu chính sau:

Xây dựng đạo luật có khả năng tác động tích cực, hiệu quả tới công tác quản lý nhà nước về an toàn, an ninh và các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng NLNT theo cách tiếp cận toàn diện, bao gồm tạo ra tri thức, ứng dụng tri thức và truyền bá tri thức mạnh mẽ hơn trong đời sống xã hội, từ đó thúc đẩy vai trò của NLNT đóng góp cho tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

Mục tiêu của chính sách nhằm:

*Thứ nhất*, thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao vai trò quản lý nhà nước về phát triển ứng dụng NLNT

*Thứ hai*, hoàn thiện các quy định của Luật phù hợp với thực tế, đẩy mạnh ứng dụng NLNT, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và năng lực kỹ thuật về nội địa hóa và chế tạo thiết bị đóng góp ngày càng hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

### 3. Các giải pháp thực hiện chính sách

Có 2 phương án giải pháp thực hiện chính sách

**Phương án 1:** Giữ nguyên quy định về các biện pháp thúc đẩy phát triển ứng dụng NLNT.

**Phương án 2:** Chính sửa, bổ sung quy định để thúc đẩy phát triển ứng dụng NLNT, cụ thể:

a) Bổ sung Điều về Chiến lược phát triển ứng dụng NLNT bao gồm quy định về nội dung, tầm nhìn và phân công trách nhiệm xây dựng Chiến lược phát triển, ứng dụng NLNT.

b) Chính sửa, bổ sung quy định về nội dung quy hoạch phát triển ứng dụng NLNT; quy hoạch phát triển điện hạt nhân; việc điều chỉnh quy hoạch phát triển ứng dụng NLNT, quy hoạch phát triển điện hạt nhân.

c) Chính sửa, bổ sung quy định về đầu tư, tăng cường xã hội hóa cho phát triển ứng dụng NLNT.

d) Chính sửa, bổ sung quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng NLNT.

đ) Chính sửa quy định về phát triển nguồn nhân lực.

### 4. Đánh giá tác động của chính sách

**4.1. Phương án 1:** Giữ nguyên quy định về các biện pháp thúc đẩy phát triển, ứng dụng NLNT.

a). Tác động về kinh tế, xã hội:

*Tích cực:*

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực NLNT: không có.

*Hạn chế:*

- Đối với Nhà nước: hiệu quả công tác quản lý nhà nước bị ảnh hưởng do hành lang pháp lý chưa được quy định đầy đủ liên quan đến công tác xây dựng Chiến lược phát triển ứng dụng NLNT, quy hoạch phát triển ĐHN.

- Đối với các tổ chức, cá nhân: thiếu các chính sách, quy định để thúc đẩy phát triển bền vững ứng dụng NLNT thông qua nhiệm vụ xây dựng Chiến lược, quy hoạch phát triển ứng dụng NLNT, đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và năng lực nội địa hóa, chế tạo thiết bị.

b) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Phương án không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

Hệ thống pháp luật không đáp ứng và theo kịp sự phát triển của công nghệ bức xạ và hạt nhân để giải quyết vướng mắc, tồn tại hiện nay.

**4.2. Phương án 2:** Chỉnh sửa, bổ sung quy định để thúc đẩy phát triển ứng dụng NLNT như đã nêu ở mục I.3.

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

*Tích cực:*

- Đối với Nhà nước: Bổ sung các quy định còn thiếu, khắc phục những vướng mắc khó khăn trong công tác xây dựng Chiến lược, quy hoạch trong lĩnh vực NLNT; hoàn thiện các chính sách để nâng cao hiệu quả quản lý, thúc đẩy phát triển bền vững ứng dụng NLNT và phát triển tiềm lực KH&CN hạt nhân quốc gia.

- Đối với các tổ chức, cá nhân: tạo động lực cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực NLNT, góp phần triển khai mạnh mẽ các ứng dụng NLNT trong các ngành kinh tế-xã hội, giúp cho người dân được thụ hưởng rộng rãi các thành

tự của khoa học và công nghệ hạt nhân; được tiếp cận với môi trường thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, phát triển ứng dụng NLNT.

*Hạn chế:*

Đối với Nhà nước: Tốn kém thời gian nghiên cứu, rà soát, chi phí khảo sát thực tiễn phục vụ sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật; Rà soát, phân bổ nguồn lực để thúc đẩy sự phát triển ứng dụng NLNT.

b) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Việc áp dụng các quy định không làm tăng điều kiện với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực NLNT.

d) Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: Giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.
- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nội dung được giao trong Luật.
- Phù hợp hệ thống pháp luật: Giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.
- Tương thích với các điều ước quốc tế: Giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

## **5. Kiến nghị lựa chọn phương án**

Từ những phân tích nêu trên, Bộ KH&CN kiến nghị lựa chọn **Phương án 2** - là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững các ứng dụng NLNT.

## **II. CHÍNH SÁCH 2: BẢO ĐẢM AN TOÀN, AN NINH LIÊN QUAN ĐẾN THANH LÝ NGUỒN PHÓNG XẠ**

Bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động ứng dụng NLNT là nhiệm vụ trọng tâm của công tác QLNN, trong đó nguồn phóng xạ là một trong những loại hình được sử dụng rộng rãi nhất của ứng dụng bức xạ, có mặt trong tất cả các lĩnh vực từ công nghiệp, y tế cho đến nông nghiệp, tài nguyên môi trường, xây dựng và các hoạt động nghiên cứu.

Nguồn phóng xạ có hai đặc tính vật lý cơ bản là hoạt độ phóng xạ (liên quan trực tiếp đến liều bức xạ - là chỉ số cho biết mức độ nguy hiểm của bức xạ



đối với con người và môi trường) và thời gian bán rã. Sự suy giảm hoạt độ gắn liền với thời gian bán rã. Đa số các nguồn phóng xạ đang được sử dụng có phổ thời gian bán rã thay đổi rất rộng từ hàng chục, hàng trăm năm (ví dụ: nguồn  $\text{Am}^{241}$  ứng dụng trong lĩnh vực xây dựng, công nghiệp; nguồn  $\text{Cs}^{137}$  ứng dụng trong chiếu xạ y tế) cho đến một vài giờ (ví dụ: nguồn  $\text{Tc}^{99m}$ ,  $\text{FDG-F}^{18}$  - là các dược chất phóng xạ, ứng dụng trong y học hạt nhân). Đối với các nguồn phóng xạ sống ngắn, sau một khoảng thời gian sử dụng hoạt độ phóng xạ suy giảm nhanh, khi đạt đến mức thanh lý trở xuống thì không còn khả năng gây chiếu xạ ngoài ảnh hưởng tới con người, môi trường, và có thể xem xét ứng xử như chất thải không phóng xạ thông thường.

Báo cáo này tập trung phân tích tác động chính sách về thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

## 1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, theo số liệu của Cục ATBXHN, nguồn phóng xạ đang được sử dụng rộng rãi và hiệu quả trong hai lĩnh vực công nghiệp và y tế, trong số đó nguồn  $\text{Ir-192}^1$  ứng dụng trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp (NDT) và xạ trị áp sát được quản lý với số lượng tương đối lớn, lên đến hàng nghìn nguồn, bao gồm từ các nguồn đang được sử dụng, đang lưu giữ (từ nhiều năm nay) và đã chuyển trả lại nhà sản xuất (do đã hết hoạt độ sử dụng). Việc gửi lưu giữ tập trung hoặc xuất khẩu trả lại nhà sản xuất đều gây lãng phí nguồn lực, cụ thể:

- Đối với việc lưu giữ: gây lãng phí cơ sở vật chất kỹ thuật (phòng, kho lưu giữ, các biện pháp, quy trình bảo đảm an toàn, an ninh,...), nhân lực (người phụ trách, quản lý, kiểm đếm các nguồn lưu giữ), các chi phí phát sinh liên quan. Trường hợp gửi nguồn phóng xạ đi lưu giữ tại các cơ sở lưu giữ tập trung: cần thêm chi phí cho việc thỏa thuận lưu giữ nguồn, nhân lực chuẩn bị các hồ sơ cấp phép liên quan (vận chuyển, lưu giữ); nguồn lực, thiết bị, con người của cơ sở lưu giữ trong quản lý nguồn phóng xạ.

- Đối với việc xuất khẩu trả lại nhà sản xuất: gây lãng phí chi phí xuất khẩu, vận chuyển trong nước và quốc tế; nhân lực, trang thiết bị liên quan đến việc áp tải trong quá trình vận chuyển. Ngoài ra, việc phải thỏa thuận với nhà sản xuất về tiếp nhận lại nguồn phóng xạ đã qua sử dụng sẽ làm tăng giá mua ban đầu.

Điều 31 Luật NLNT đã quy định lưu giữ và thanh lý vật thể bị nhiễm bản phóng xạ, đồng thời quy định trách nhiệm của Bộ KH&CN đối với việc hướng dẫn nội dung “Mức miễn trừ khai báo, cấp phép, *mức thanh lý, thủ tục thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ*, vật thể bị nhiễm bản phóng xạ” tại Điều 33, khoản 1, điểm (l). Tuy nhiên, Luật NLNT chưa quy

<sup>1</sup> Chu kỳ bán rã của đồng vị  $\text{Ir-192}$  là 73,8 ngày

định việc thanh lý nguồn phóng xạ. Trong văn bản hướng dẫn tại Thông tư số 22/2014/TT-BKHCHN<sup>2</sup> hiện mới chỉ quy định mức thanh lý cho chất thải phóng xạ/vật thể nhiễm bản phóng xạ. Cụ thể, mức thanh lý được định nghĩa trong Thông tư 22/2014/TT-BKHCHN là: “*giá trị nồng độ hoạt độ của các nhân phóng xạ mà khi chất thải chứa các nhân phóng xạ có nồng độ hoạt độ nhỏ hơn hoặc bằng giá trị đó sẽ được coi là không gây nguy hại bức xạ đối với con người và môi trường và được quản lý như chất thải không phóng xạ*”. Định nghĩa này chỉ áp dụng cho chất thải phóng xạ hoặc vật thể nhiễm bản phóng xạ, chưa có định nghĩa mức thanh lý cho nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và cũng chưa có quy định/hướng dẫn/quy trình cụ thể đối với việc thanh lý nguồn phóng xạ.

## 2. Mục tiêu của chính sách

- a) Góp phần hoàn thiện các quy định và hướng dẫn liên quan trong lĩnh vực NLNT, từ đó nâng cao công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ;
- b) Tiết kiệm, tối ưu nguồn lực, kinh phí cho cơ sở tiến hành công việc bức xạ và cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời bảo đảm công tác quản lý nhà nước, bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

## 3. Các giải pháp đề xuất

**3.1. Phương án 1:** Giữ nguyên quy định trong Luật và các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

**3.2. Phương án 2:** Bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ và các hướng dẫn liên quan (nguồn phóng xạ khi phân rã đến mức dưới thanh lý có thể được xử lý như chất thải không phóng xạ thông thường).

Theo đó, bên cạnh việc lưu giữ và thanh lý vật thể bị nhiễm bản phóng xạ, Luật NLNT sẽ bổ sung quy định về việc thanh lý nguồn phóng xạ; đồng thời xây dựng bổ sung các quy định về mức thanh lý cho nguồn phóng xạ; cũng như các quy định, hướng dẫn về thủ tục thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ, trong đó phân công cụ thể đơn vị chịu trách nhiệm thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ cũng như cơ quan/đơn vị chịu trách nhiệm giám sát, quản lý quá trình này (Bộ KH&CN). Như vậy, cơ sở tiến hành công việc bức xạ trước khi thanh lý nguồn phóng xạ sẽ phải thực hiện thủ tục thanh lý với cơ quan quản lý.

**3.3. Phương án 3:** Bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ và các hướng dẫn liên quan như ở phương án 2.

Theo đó, Luật NLNT sẽ bổ sung quy định về việc thanh lý nguồn phóng xạ (tương tự như phương án 2). Tuy nhiên, Chính phủ sẽ không quy định các thủ tục

<sup>2</sup> Thông tư số 22/2014/TT-BKHCHN ngày 25/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ, mà chỉ ban hành hướng dẫn về quy trình thanh lý nguồn phóng xạ, quy định trách nhiệm gửi thông báo cho cơ quan quản lý khi cơ sở thực hiện việc thanh lý nguồn phóng xạ. Như vậy, cơ sở tự thực hiện việc thanh lý nguồn phóng xạ (căn cứ theo hướng dẫn) và có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý.

#### **4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

##### **4.1. Phương án 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành**

###### **a) Tác động về kinh tế**

- Lợi ích: Không phát sinh chi phí để thực hiện giải pháp, không gây thêm tác động đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh.

- Hạn chế: Vì chưa có quy định rõ ràng mức thanh lý cho các nguồn phóng xạ, các nguồn phóng xạ kín đã qua sử dụng vẫn cần phải được lưu giữ lâu dài hoặc chuyển trả lại nhà sản xuất. Việc này dẫn đến việc lãng phí nguồn lực, chi phí để quản lý/xuất khẩu các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng như phân tích ở trên.

###### **b) Tác động về xã hội**

Giải pháp này không gây ra thêm những tác động đối với xã hội, cộng đồng và các vấn đề khác có liên quan.

###### **c) Tác động về thủ tục hành chính**

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

###### **d) Tác động về giới**

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

###### **đ) Tác động hệ thống pháp luật**

- Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống pháp luật.

- Hạn chế:

+ Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, toàn diện liên quan đến thanh lý nguồn phóng xạ, bao gồm: quy định mức thanh lý và hướng dẫn quy trình thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

+ Chưa phù hợp với hướng dẫn của Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA).

##### **4.2. Phương án 2:**

###### **a) Tác động về kinh tế**

- Theo thống kê của Cục ATBXHN, chỉ riêng trong năm 2023, Cục đã cấp giấy phép xuất khẩu cho khoảng 100 nguồn phóng xạ Ir-192 đã qua sử dụng trả

về nhà sản xuất<sup>3</sup>. Theo quy định tại Thông tư 287/2016/TT-BTC<sup>4</sup> ngày 15/11/2016 và Thông tư số 116/2021/TT-BTC<sup>5</sup> ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, tổng mức thu phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép vận chuyển, xuất khẩu nguồn phóng xạ là 1,5 triệu đồng. Ngoài ra, để xuất khẩu nguồn phóng xạ trả lại nhà sản xuất, cơ sở tiến hành công việc bức xạ sẽ phải mất các chi phí liên quan đến vận chuyển quốc tế, thuê người áp tải, đo đánh giá an toàn trong quá trình vận chuyển, thuê phương tiện vận chuyển trong nước, kho bãi trong quá trình vận chuyển, ... Theo thông tin khảo sát từ các đơn vị nhập khẩu nguồn phóng xạ được cấp giấy phép, tổng chi phí ước tính trung bình để xuất khẩu 01 nguồn là khoảng 10 triệu đồng. Như vậy, nếu quy định về mức thanh lý cho nguồn phóng xạ được ban hành, có thể tiết kiệm kinh phí khoảng 1 tỷ đồng cho doanh nghiệp. Ngoài ra các doanh nghiệp tiết kiệm được nguồn lực đáng kể cho việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến xuất khẩu nguồn phóng xạ và các chi phí khác. Con số này có thể sẽ tăng hơn nữa trong các năm tiếp theo do nhu cầu sử dụng ngày càng cao của loại hình công việc chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, xạ trị áp sát và nguồn đã qua sử dụng từ các ứng dụng khác. Ngoài ra, cơ quan quản lý nhà nước cũng phải phân bổ nguồn lực và chi phí (chi phí chưa tính toán định lượng cụ thể được) để thực hiện các công việc liên quan đến xử lý hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính theo đề nghị của các cơ sở tiến hành công việc bức xạ khi thực hiện các thủ tục xuất khẩu nguồn phóng xạ đã qua sử dụng để trả lại nhà sản xuất.

- Phần kinh phí trên chưa tính đến việc giảm giá mua nguồn phóng xạ do nhà cung cấp nước ngoài không phải nhận lại nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Bên cạnh đó còn giảm được nguồn lực, kinh phí liên quan đến việc xử lý hồ sơ của Cơ quan quản lý nhà nước cũng như chi phí quản lý/lưu giữ (liên quan đến yêu cầu bảo đảm an toàn an ninh nguồn phóng xạ đã qua sử dụng).

- Cơ sở tiến hành công việc bức xạ có thêm lựa chọn trong việc quản lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Bên cạnh việc chuyển nguồn đi lưu giữ tập trung hoặc chuyển trả nhà sản xuất, cơ sở có thể lựa chọn lưu giữ nguồn tại chỗ một thời gian cho đến khi hoạt độ nguồn phân rã tới dưới mức thanh để có thể xử lý như rác thải không phóng xạ thông thường.

#### b) Tác động về xã hội:

<sup>3</sup> Số liệu thống kê từ hoạt động cấp phép của Cục ATBXHN.

<sup>4</sup> Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực NLNT.

<sup>5</sup> Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 287/2016/TT-BTC.

Khi phải thực hiện các thủ tục liên quan đến thanh lý nguồn phóng xạ, cơ sở tiến hành công việc sẽ chủ động quản lý, kiểm kê, đánh giá hoạt độ của các nguồn phóng xạ, từ đó góp phần nâng cao nhận thức, bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

c) Tác động thủ tục hành chính

Giải pháp này sẽ giúp giảm chi phí thực hiện các thủ tục liên quan đến việc vận chuyển, xuất khẩu (trả lại nhà sản xuất) các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng hoặc phải lưu giữ lâu dài tại cơ sở lưu giữ tập trung.

- Phát sinh thêm thủ tục hành chính về thẩm định, đánh giá, phê chuẩn các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ;

d) Tác động về giới:

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Cần bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ trong Luật, giao Chính phủ quy định chi tiết về nội dung này;

- Cần xây dựng, bổ sung các quy định về mức thanh lý, thủ tục thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ;

- Góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến quản lý nguồn phóng xạ trong tất cả giai đoạn từ sử dụng, vận chuyển, lưu giữ cho đến khi thanh lý bảo đảm sự hài hòa giữa trách nhiệm của cơ quan quản lý và lợi ích của cơ sở.

### 4.3. Phương án 3:

a) Tác động về kinh tế:

- Cơ bản như phân tích ở phương án 2;

- Ngoài ra, còn giúp tiết kiệm nguồn lực, chi phí liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính về thẩm định, đánh giá, phê chuẩn các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ.

b) Tác động về xã hội:

Tương tự như phương án 2.

c) Tác động thủ tục hành chính

Giải pháp không phát sinh thêm thủ tục hành chính: do Cơ quan quản lý nhà nước không thực hiện việc thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ, chỉ yêu cầu Cơ sở tiến hành công việc bức xạ gửi thông báo về việc thanh lý nguồn phóng xạ (tương tự như quy định đối với nguồn phóng

xạ, thiết bị bức xạ thuộc mức miễn trừ khai báo, cấp phép). Cơ sở thực hiện quy trình thanh lý theo mức thanh lý đã quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước, thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước để biết, theo dõi và cập nhật hệ thống. Ví dụ: các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng có thời gian sống ngắn như Ir 192 thông thường thông tin về hồ sơ nguồn tương đối rõ ràng, trên cơ sở thông tin trên chứng chỉ nguồn phóng xạ của nhà sản xuất và mức thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng được quy định và hướng dẫn về quy trình thanh lý và việc lưu hồ sơ thì việc đề xuất phương án để Cơ sở chủ động tiến hành việc thanh lý nguồn và thông báo đến Cơ quan quản lý nhà nước là một phương án chấp nhận được.

d) Tác động về giới:

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Cần bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ trong Luật, giao Chính phủ quy định chi tiết về nội dung này;

- Cần xây dựng các quy định về mức thanh lý, ban hành văn bản Hướng dẫn về quy trình thanh lý và quy định trách nhiệm gửi thông báo cho cơ quan quản lý khi cơ sở tiến hành công việc bức xạ thực hiện việc thanh lý nguồn phóng xạ.

## 5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2**: Bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ và các hướng dẫn liên quan. Đây là phương án đem lại nhiều tác động tích cực về xã hội, hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, bảo đảm sự hài hòa giữa trách nhiệm quản lý an toàn, an ninh của cơ quan quản lý và lợi ích của cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong hoạt động quản lý, thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

## III. CHÍNH SÁCH 3: THANH SÁT VÀ KHÔNG PHỔ BIẾN HẠT NHÂN

### 1. Xác định vấn đề bất cập

*Thanh sát hạt nhân* là việc kiểm soát sử dụng vật liệu hạt nhân, vật liệu và thiết bị sử dụng trong chu trình nhiên liệu hạt nhân và hoạt động khác có liên quan nhằm ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân, vận chuyển và sử dụng bất hợp pháp vật liệu hạt nhân, vật liệu và thiết bị trong chu trình nhiên liệu hạt nhân. Thanh sát hạt nhân do Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) áp dụng là một yếu tố quan trọng của cơ chế không phổ biến vũ khí hạt nhân toàn cầu. Cơ sở pháp lý cho việc thanh sát hạt nhân của IAEA bao gồm Quy chế của IAEA, các hiệp ước yêu cầu xác minh các cam kết không phổ biến vũ khí hạt nhân, các hiệp ước liên quan khác, các tài liệu thanh sát cơ bản, các thỏa thuận thanh sát và các nghị định

thư liên quan cũng như các hướng dẫn liên quan đến việc thực hiện các thanh sát của IAEA; trong đó các quốc gia thành viên hoặc tham gia được yêu cầu nội luật hóa các nghĩa vụ quốc gia của mình.

Việt Nam đã phê chuẩn và thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ, cam kết trong vai trò thành viên của nhiều điều ước quốc tế quan trọng về an toàn, an ninh, thanh sát và không phổ biến hạt nhân như Hiệp ước không phổ biến hạt nhân (NPT) năm 1982, Công ước về cảnh báo sớm sự cố hạt nhân năm 1987, Hiệp định Thanh sát toàn diện giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) theo Hiệp ước không phổ biến hạt nhân năm 1989 (sau đây gọi là Hiệp định Thanh sát) và Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định Thanh sát phê chuẩn năm 2012 (sau đây gọi là Nghị định thư bổ sung), Hiệp ước khu vực Đông Nam Á phi hạt nhân, Hiệp ước về cấm thử hạt nhân toàn diện năm 2006, Bộ quy tắc ứng xử về an toàn, an ninh nguồn phóng xạ năm 2006, Công ước An toàn hạt nhân năm 2010, Công ước bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và phân sửa đổi (CPPNM/A) năm 2012, Công ước chung về quản lý an toàn nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và chất thải phóng xạ năm 2013, Công ước về ngăn chặn các hành động khủng bố hạt nhân năm 2016.

Việt Nam đang vận hành 01 lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu công suất 500kW đặt tại Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt và 02 cơ sở hạt nhân có liên quan đến hoạt động nghiên cứu, lưu giữ vật liệu hạt nhân (Viện Khoa học và kỹ thuật hạt nhân, Viện Công nghệ xạ hiếm). Các cơ sở này trực thuộc Viện NLNTVN, chịu sự thanh sát của IAEA về sử dụng, vận chuyển và lưu giữ nhiên liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân theo Hiệp định Thanh sát và Nghị định thư bổ sung mà Việt Nam đã phê chuẩn.

Việc Luật NLNT 2008 có hiệu lực đã tạo ra cơ sở pháp lý<sup>6</sup> để xây dựng các văn bản dưới Luật từng bước giúp cho việc thực hiện nghĩa vụ, cam kết quốc gia của Việt Nam về thanh sát và không phổ biến hạt nhân, cụ thể:

- Quyết định số 45/2010/QĐ-TTg ngày 14/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động kiểm soát hạt nhân;
- Thông tư số 02/2011/TT-BKHHCN ngày 16/3/2011 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thực hiện Kiểm soát vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn;

---

<sup>6</sup> Điều 10. Kiểm soát hạt nhân:

*“1. Việc kiểm soát sử dụng vật liệu hạt nhân, kiểm soát vật liệu và thiết bị sử dụng trong chu trình nhiên liệu hạt nhân và kiểm soát hoạt động có liên quan nhằm ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân, vận chuyển và sử dụng bất hợp pháp vật liệu hạt nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật.*

*Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động kiểm soát hạt nhân.*

*2. Tổ chức, cá nhân quản lý cơ sở hạt nhân, vật liệu hạt nhân, vật liệu và thiết bị sử dụng trong chu trình nhiên liệu hạt nhân, tiến hành hoạt động có liên quan phải tuân thủ yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện hoạt động kiểm soát hạt nhân.”*

- Thông tư số 25/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định Danh mục và yêu cầu kiểm soát vật liệu và thiết bị trong chu trình nhiên liệu hạt nhân;

- Thông tư số 17/2013/TT-BKHCN ngày 30/7/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thực hiện quy định về khai báo của Nghị định thư bổ sung của Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cơ quan Năng lượng nguyên tử Quốc tế về việc áp dụng thanh sát theo Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân.

Ngoài ra, một số vi phạm trong lĩnh vực kiểm soát hạt nhân đã được quy định tại Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ).

Việc ban hành và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về thanh sát hạt nhân đã giúp cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân - là cơ quan đầu mối về thanh sát hạt nhân nói riêng, và Việt Nam nói chung thực hiện hoạt động thanh sát hạt nhân đáp ứng 02 mục tiêu, bao gồm mục tiêu quốc tế và mục tiêu quốc gia:

- Mục tiêu quốc tế là bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam trong cam kết với quốc tế về không phổ biến hạt nhân, bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân, tạo cơ sở và điều kiện cho IAEA thực hiện thanh sát hạt nhân theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và IAEA về việc áp dụng thanh sát theo Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân (Hiệp định Thanh sát) (ký năm 1989, có hiệu lực từ tháng 02/1990) và Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định Thanh sát (Nghị định thư bổ sung) (ký năm 2007 và phê chuẩn năm 2012).

- Mục tiêu quốc gia là tạo ra hành lang pháp lý phù hợp, xác định tập trung đối tượng, hoạt động trong nước thuộc điều chỉnh của Hiệp định thanh sát và Nghị định thư bổ sung, từ đó xây dựng các hệ thống kế toán, kiểm soát hạt nhân, góp phần vào việc phát hiện mất mát, di dời hoặc sử dụng trái phép vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn; kiểm soát các vật liệu và thiết bị được chế tạo đặc biệt để sử dụng trong chu trình nhiên liệu hạt nhân; kiểm soát các hoạt động nghiên cứu, triển khai liên quan đến chu trình nhiên liệu hạt nhân.

Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện, Luật chỉ có Điều 10 quy định cơ bản về hoạt động thanh sát hạt nhân nhằm chống phổ biến vũ khí hạt nhân (khái niệm cũ là “kiểm soát hạt nhân”) đã bộc lộ những bất cập, cụ thể:

- **Vấn đề 01:** Khái niệm “Kiểm soát hạt nhân” trước đây được hiểu là kiểm soát việc vật liệu hạt nhân, cơ sở hạt nhân có sử dụng hạt nhân vì mục đích hòa bình hay không, qua đó đạt được mục tiêu sau cùng là không phổ biến vũ khí hạt nhân. Từ ngữ “kiểm soát” được lấy trong cụm ‘accounting for and control of



nuclear material” là cụm từ được sử dụng chính thức trong Hiệp định thanh sát, có nghĩa là biện pháp kế toán và kiểm soát vật liệu hạt nhân, giải nghĩa về 2 mục tiêu để xác định số lượng và mục đích sử dụng vật liệu hạt nhân tại Việt Nam. Tuy nhiên, việc kế toán hạt nhân không được đề cập đầy đủ ở khái niệm này mà được quy định trong các văn bản dưới Luật. Trong quá trình xây dựng Luật NLNT 2008, việc sử dụng thuật ngữ “kiểm soát” còn gây cách hiểu chưa chính xác về phạm vi quản lý nhà nước của cùng một đối tượng quản lý và vật liệu hạt nhân, trùng lặp với một số công tác khác biệt khác như an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân và ứng phó sự cố.

- Trong khi đó khái niệm “Thanh sát hạt nhân”- “Safeguards” là việc áp dụng các biện pháp “thanh sát” (là chuỗi các hoạt động thực hiện bởi thanh sát viên quốc tế, và hoạt động thực hiện bởi Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam) đối với “vật liệu hạt nhân” và hoạt động có liên quan trong chu trình nhiên liệu hạt nhân, để xác minh tính đúng đắn và đầy đủ của hoạt động hạt nhân vì hòa bình nhằm mục đích không phổ biến hạt nhân theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (ở đây là NPT và Hiệp định Thanh sát). Việc này sẽ được hiện thông qua hoạt động kế toán, kiểm toán vật liệu hạt nhân, xác minh đối với vật liệu, thông tin và hoạt động liên quan trong chu trình nhiên liệu hạt nhân, do IAEA và Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện. Mục đích của thanh sát hạt nhân (theo Điều 28 Hiệp định Thanh sát) nhằm phát hiện kịp thời việc chuyển hướng sử dụng đáng kể vật liệu hạt nhân từ mục đích sử dụng hòa bình sang việc chế tạo vũ khí hạt nhân, thiết bị nổ hạt nhân, hoặc không rõ mục đích, và cuối cùng là ngăn chặn, xét trên nguy hiểm có thể nhận thấy từ việc phát hiện sớm việc chuyển hướng này.

Như vậy, về nội hàm, **cả hai khái niệm “kiểm soát hạt nhân” và “thanh sát hạt nhân” là tương đồng**, hướng đến việc áp dụng các biện pháp để xác minh vật liệu hạt nhân, hoạt động có liên quan nhằm ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân. Tuy nhiên, việc chỉ đưa khái niệm “kiểm soát hạt nhân” chưa thể giải nghĩa đầy đủ yêu cầu của văn kiện quốc tế liên quan (NPT, Hiệp định Thanh sát) chính là thực hiện các biện pháp “thanh sát hạt nhân”. Các biện pháp này phải được quy định, liệt kê và ký kết thông qua một văn bản thỏa thuận giữa quốc gia với IAEA (Hiệp định thanh sát). Các biện pháp thanh sát hạt nhân do thanh sát viên IAEA và do thanh sát viên trong nước thực hiện nhằm xác định không có vật liệu hạt nhân nào không được khai báo, và hoạt động hạt nhân của quốc gia được chứng minh là chính xác, đầy đủ và minh bạch với quốc tế. “Thanh sát hạt nhân” là cụm từ thông dụng đã được sử dụng chính thức trong các Hiệp định thanh sát giữa IAEA ký kết với hơn 180 quốc gia thành viên.

- **Vấn đề 02:** Luật chưa có các quy định mang tính nguyên tắc về hoạt động thanh sát, cụ thể: chưa xác định các chủ thể pháp luật cần thiết như: cơ quan/đơn

vị đầu mối thực hiện chức năng thanh sát trong nước, thanh sát viên quốc tế, đối tượng điều chỉnh chịu thanh sát hạt nhân (*bao gồm: cơ sở hạt nhân, các địa điểm ngoài cơ sở theo Hiệp định Thanh sát; các hoạt động nghiên cứu, triển khai liên quan đến chu trình nhiên liệu hạt nhân, hoạt động khai thác mỏ urani và thori, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu phi hạt nhân, các thiết bị đặc biệt được thiết kế và chế tạo để sử dụng cho chu trình nhiên liệu hạt nhân theo Nghị định thư bổ sung*). Luật cũng chưa có quy định về thẩm quyền, hoạt động của thanh sát viên IAEA trong việc xác minh thông tin, kiểm chứng tính đúng đắn, đầy đủ của thông tin về các hoạt động ứng dụng hạt nhân vì hòa bình tại Việt Nam; Việc bổ sung các quy định này là cần thiết nhằm kiểm soát vật liệu hạt nhân, vật liệu và thiết bị sử dụng trong chu trình nhiên liệu hạt nhân và hoạt động khác có liên quan nhằm ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân, vận chuyển và sử dụng bất hợp pháp vật liệu hạt nhân theo phạm vi quy định và nghĩa vụ của Việt Nam tại các điều ước quốc tế về thanh sát và không phổ biến hạt nhân mà Việt Nam là thành viên, đồng thời quản lý hiệu quả các đối tượng chịu thanh sát hạt nhân;

- **Vấn đề 03:** Luật chưa thể hiện đầy đủ quy định quản lý nhà nước về cấp phép đối với các hạng mục chịu thanh sát hạt nhân. Hiện tại, ngoài vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn, thiết bị hạt nhân thuộc đối tượng bắt buộc thực hiện thủ tục khai báo cấp giấy phép thì phạm vi điều chỉnh của thanh sát và không phổ biến hạt nhân còn mở rộng tới các loại hình vật liệu phi hạt nhân, thiết bị được thiết kế, chế tạo cho chu trình nhiên liệu hạt nhân. Cần bổ sung quy định cấp phép đối với hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu thiết bị thuộc chu trình nhiên liệu hạt nhân.

- **Vấn đề 04:** Hoạt động thanh tra an toàn bức xạ hạt nhân mới tập trung vào công tác quản lý của cơ sở đối với vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân theo quy định tại Nghị định 107/2013/NĐ-CP 20/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021), mà chưa có quy định thanh tra đối với các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định thanh sát, Nghị định thư bổ sung, cụ thể: vi phạm về khai báo thông tin hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu, thiết bị được thiết kế sử dụng trong chu trình nhiên liệu hạt nhân, khai báo thông tin về hoạt động nghiên cứu, triển khai liên quan đến chu trình nhiên liệu hạt nhân. Luật cũng chưa có quy định nhằm phân biệt rõ ràng công tác thanh tra với hoạt động thanh sát do IAEA thực hiện và công tác kiểm tra, xác minh thông tin của cơ quan đầu mối thực hiện thanh sát. Do đó, việc triển khai theo quy định tại các văn bản dưới Luật còn bị hạn chế về hiệu lực thực thi và hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thanh sát hạt nhân.

- **Vấn đề 05:** Luật chưa có quy định về việc phối hợp và trách nhiệm của các Bộ ngành liên quan (Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Tài chính) để thực hiện

hoạt động thanh sát hạt nhân của thanh sát viên IAEA theo đặc quyền và quy định tại Hiệp định Thanh sát, Nghị định thư bổ sung; bảo đảm cung cấp thông tin, quyền tiếp cận, xác minh khai báo đối với những hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Bộ ngành liên quan.

## **2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động thanh sát hạt nhân (trong đó xác định nguyên tắc hoạt động, đối tượng áp dụng, hoạt động thanh sát hạt nhân quốc tế, trách nhiệm của cơ quan đầu mối về thanh sát hạt nhân trong công tác quản lý, thi hành pháp luật, vai trò phối hợp của Bộ, ngành liên quan) nhằm đạt được các mục tiêu sau:

- Thay đổi cách vận dụng và cách hiểu khái niệm “Kiểm soát hạt nhân” thành “thanh sát hạt nhân” theo tên gọi của Chương này để bảo đảm giải nghĩa đầy đủ về nội hàm của hoạt động thanh sát, căn cứ dựa trên mục tiêu của NPT về không phổ biến, vai trò của hoạt động thanh sát do IAEA thực hiện, và vai trò của Quốc gia đã được quy định rõ trong NPT và các văn bản Hiệp định, Nghị định thư bổ sung. Khái niệm “thanh sát hạt nhân” được quy định giúp giải thích sát nghĩa hơn về hoạt động thực hiện nhằm mục tiêu không phổ biến vũ khí hạt nhân, xác định rõ ràng phạm vi thực hiện, cơ quan thực hiện và đối tượng điều chỉnh, mục đích thực hiện, tránh cách hiểu chưa đầy đủ như trước đây, tạo cơ chế hành lang pháp lý cho cơ quan pháp quy thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về vấn đề này mà trước đây tại văn bản Luật chưa đề cập. Nếu dẫn chiếu theo Luật NLNT 2008, thì việc thực hiện thanh sát do IAEA thực hiện để bảo đảm đáp ứng NPT thì với khái niệm thanh sát hạt nhân tại Luật NLNT sửa đổi, hoạt động thanh sát được hiểu đầy đủ hơn là sự phối hợp giữa IAEA và Việt Nam (theo Điều 3 Hiệp định Thanh sát), trong đó IAEA kiểm chứng độc lập, Việt Nam có trách nhiệm báo cáo cho IAEA theo phạm vi Hiệp định, và chịu trách nhiệm về thông tin khai báo từ hoạt động quản lý nhà nước của mình. Tại thời điểm xây dựng Luật NLNT 2008, khái niệm “thanh sát hạt nhân” có thể gây cách hiểu chưa đầy đủ, trùng lặp với công tác thanh tra, giám sát. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian 15 năm trở lại đây, sau khi Luật NLNT 2008 ban hành, khái niệm “thanh sát hạt nhân”, “thanh sát viên” đã được phổ cập rộng rãi trong quá trình triển khai thi hành Luật từ cơ sở, cơ quan quản lý, trên các phương tiện thông tin, truyền thông, và thực tiễn triển khai tại các quốc gia thành viên của IAEA, ký kết Hiệp định thanh sát với IAEA đều sử dụng.

- Bảo đảm nội luật hóa các quy định về nghĩa vụ quốc gia tại các điều ước quốc tế về không phổ biến hạt nhân và thanh sát hạt nhân mà Việt Nam là thành viên. Thời điểm Luật NLNT 2008 được xây dựng, Việt Nam chưa nội luật hóa các quy định của thanh sát hạt nhân, chưa tham gia đầy đủ các văn kiện của IAEA về không phổ biến (như Nghị định thư bổ sung được phê chuẩn và có hiệu lực

2012). Là quốc gia không có vũ khí hạt nhân, nghĩa vụ của Việt Nam trong việc tuân thủ NPT là phải chấp nhận ký thỏa thuận với IAEA về việc áp dụng thanh sát hạt nhân (tại Điều 3 NPT) – sau này Việt Nam và IAEA đã ký kết Hiệp định Thanh sát có hiệu lực từ năm 1992. Tại Điều 7 Hiệp định Thanh sát, Việt Nam có trách nhiệm xây dựng hệ thống quản lý, kế toán vật liệu hạt nhân, và IAEA có thể tận dụng hệ thống này trong việc tổng hợp, đánh giá thông tin dựa trên báo cáo chính thức của Việt Nam, hỗ trợ thực hiện hoạt động thanh sát độc lập của IAEA. Việc nội luật hóa các quy định của Hiệp định Thanh sát, Nghị định thư bổ sung, do đó là cần thiết nhằm hai mục tiêu: (i) xây dựng hệ thống quản lý nhà nước về vật liệu hạt nhân, tổ chức triển khai hoạt động thanh sát, đánh giá tính đúng đắn, đầy đủ thông tin để củng cố hệ thống dữ liệu quản lý, phát hiện và xử lý vi phạm trong lĩnh vực này, và (ii) thực hiện các cam kết quốc tế về khai báo thông tin, thực hiện hoạt động thanh sát của IAEA theo các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý, nâng cao vai trò thực thi của cơ quan quản lý nhà nước nhằm triển khai hiệu quả hoạt động thanh sát hạt nhân;

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về thanh sát hạt nhân, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân có các hoạt động, hạng mục chịu thanh sát nhằm bảo đảm thực hiện các quy định về thanh sát và không phổ biến hạt nhân;

- Đáp ứng đầy đủ quy định tại các điều ước quốc tế về thanh sát hạt nhân và không phổ biến hạt nhân mà Việt Nam là thành viên, phù hợp với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực NLNT, và các Luật chuyên ngành có liên quan khác (Luật Xuất nhập cảnh, Bộ Luật hình sự, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Phòng, chống khủng bố, ...).

### **3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

#### **3.1. Phương án 1:**

Sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động thanh sát hạt nhân, bao gồm:

- Bổ sung quy định thể hiện các nguyên tắc cơ bản của hoạt động thanh sát hạt nhân cùng với chức năng, nhiệm vụ cơ quan đầu mối quốc gia về thanh sát;

- Bổ sung quy định về đối tượng chịu điều chỉnh của thanh sát hạt nhân;

- Bổ sung quy định về thẩm quyền, hoạt động của thanh sát viên IAEA;

- Bổ sung quy định hoạt động quản lý nhà nước về cấp phép các hạng mục chịu thanh sát hạt nhân;

- Bổ sung quy định về thanh tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực thanh sát hạt nhân.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các Bộ ngành và cơ quan liên quan;

### **3.2. Phương án 2:**

Giữ nguyên như quy định hiện hành.

## **4. Đánh giá tác động của các phương án**

### **4.1. Phương án 1**

a) Tác động đối với kinh tế:

- *Tích cực:* Giải pháp này không phát sinh thêm chi phí để thực hiện các yêu cầu mới về thanh sát hạt nhân, do về nội hàm việc đáp ứng các nghĩa vụ quốc gia về thanh sát, không phổ biến hạt nhân đã được thực hiện tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu của IAEA trong giai đoạn trước đây. Đồng thời, việc hoàn thiện các quy định về thanh sát hạt nhân sẽ tạo cơ sở pháp lý để tạo điều kiện đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, triển khai ứng dụng năng lượng nguyên tử vì hòa bình, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và cam kết quốc gia, mở rộng hợp tác quốc tế, góp phần phát triển kinh tế-xã hội, tạo nguồn thu, việc làm đối với một số hoạt động, ngành nghề đặc thù đặc biệt trong lĩnh vực trước đây chưa có cơ chế quản lý chặt chẽ như việc xuất, nhập khẩu thiết bị, vật liệu trong chu trình nhiên liệu không bao gồm vật liệu hạt nhân, hoạt động khai thác, chế biến mỏ Uran, thô ri, đất hiếm. Trong bối cảnh nước ta chuẩn bị xây dựng Lò nghiên cứu mới và cần nhắc khả năng phát triển về hạt nhân trong tương lai, việc minh bạch hoạt động hạt nhân từ cơ chế quản lý hoàn thiện, tập trung tạo đà cho các thành phần kinh tế phát triển, tạo ra giá trị thặng dư cho xã hội.

- *Hạn chế:* Giải pháp này làm phát sinh chi phí như: kinh phí để lập kế hoạch và triển khai thi hành luật, kinh phí tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực thanh sát không phổ biến hạt nhân. Ngoài ra, việc phổ biến pháp luật cho toàn bộ đối tượng chịu thanh sát hạt nhân trong tổng thể các thành phần của nền kinh tế đòi hỏi chi phí và kế hoạch dài hạn.

b) Tác động đối với xã hội:

- *Tích cực:* Đối với nhà nước, thì phương án này quy định rõ vai trò và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về thanh sát hạt nhân, đối tượng chịu thanh sát và thẩm quyền của thanh sát viên quốc tế, qua đó tăng cường tính minh bạch trong hoạt động thanh sát, góp phần nâng cao uy tín quốc tế của Việt Nam, bảo đảm sự phát triển bền vững của ứng dụng NLNT vì hòa bình. Điều này đặc biệt cần thiết trong bối cảnh nước ta chuẩn bị xây dựng Trung tâm Khoa học & Công nghệ hạt nhân với lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu công suất 10MW, các yêu cầu về thanh sát hạt nhân được IAEA quan tâm ngay tại giai đoạn phê duyệt địa điểm.

Ngoài ra, việc quy định phạm vi, quy định thực hiện, chế tài về cấp phép, thanh tra trong hoạt động thanh sát hạt nhân giúp tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động hạt nhân minh bạch vì hòa bình, nâng cao vai trò của Nhà nước trong việc thực thi pháp luật.

Đối với doanh nghiệp và người dân, giải pháp tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp nhận thức về việc ứng dụng NLNT vì hòa bình là nghĩa vụ và cam kết quốc gia đối với mục tiêu không phổ biến hạt nhân, qua đó nâng cao ý thức, trách nhiệm thực hiện các quy định quản lý nhà nước về thanh sát hạt nhân. Doanh nghiệp, người dân tin tưởng vào vai trò của NLNT, đẩy mạnh hoạt động đầu tư, mở rộng ứng dụng năng lượng nguyên tử, phục vụ nhu cầu xã hội. Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN cũng không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

- *Hạn chế*: Giải pháp này không có hạn chế.

c) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- *Tích cực*: Tạo khung pháp lý hoàn thiện, giúp cơ quan có thẩm quyền thuận lợi hơn trong việc áp dụng Luật và tổ chức thực hiện trên thực tế, khắc phục việc thiếu các quy định đặc thù đối với hoạt động thanh sát hạt nhân; bảo đảm thực hiện tốt vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về thanh sát hạt nhân, đặc biệt là thực hiện các nghĩa vụ quốc gia, đáp ứng quy định tại các điều ước quốc tế trong lĩnh vực không phổ biến hạt nhân và thanh sát hạt nhân mà Việt Nam là nước thành viên; đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan.

- *Hạn chế*: Phương án này không có hạn chế.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

*Tích cực*: Giải pháp này không phát sinh TTHC mới khác biệt với hệ thống TTHC hiện tại trong lĩnh vực thanh sát hạt nhân. Hiện tại, hệ thống TTHC trong lĩnh vực thanh sát hạt nhân đã được quy định tại các văn bản Thông tư dưới Luật (nêu tại Mục 1), bao gồm các Biểu mẫu TTHC áp dụng cho đối tượng, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh, thời hạn và cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Do đó, việc xây dựng chính sách và đánh giá tác động chưa phát sinh nhu cầu xem xét về sự cần thiết, chi phí liên quan thực hiện TTHC mới, hoặc bãi bỏ, bổ sung TTHC hiện hành.

*Hạn chế*: Việc không phát sinh TTHC mới dẫn đến việc áp dụng giữ nguyên các yêu cầu thực hiện TTHC trong lĩnh vực thanh sát hạt nhân hiện hành, tuy nhiên các TTHC này đang được quy định tại các văn bản dưới Luật. Việc áp dụng TTHC hiện tại được viện dẫn từ Luật cũ được sửa đổi gây khó khăn nhất định trong việc quy định chuyển tiếp và hiệu lực có liên quan sau khi Luật sửa đổi được ban hành.

e) Tác động về giới:

Phương án này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

#### **4.2. Phương án 2**

a) Tác động đối với kinh tế:

- *Tích cực*: Phương án này không phát sinh chi phí để thực hiện các chính sách, quy định.

- *Hạn chế*: Với bất cập của hệ thống pháp luật về thanh sát hạt nhân hiện tại, việc áp dụng giải pháp về lâu dài, có khả năng gây tăng chi phí phát sinh để giải quyết hậu quả của việc không bảo đảm các nghĩa vụ quốc gia, quy định tại các điều ước quốc tế trong lĩnh vực không phổ biến hạt nhân và thanh sát hạt nhân mà Việt Nam là nước thành viên (nếu xảy ra).

b) Tác động đối với xã hội:

- *Tích cực*: Đối với Nhà nước, việc giữ nguyên hệ thống pháp luật sẽ không gây tổn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và nguồn lực đẩy mạnh việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy định của pháp luật về thanh sát hạt nhân. Đối với các tổ chức, cá nhân, đơn vị thuộc đối tượng điều chỉnh do đó cũng không mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

- *Hạn chế*: Việc thiếu quy định trong luật dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc gia, quy định tại các điều ước quốc tế trong lĩnh vực không phổ biến hạt nhân và thanh sát hạt nhân mà Việt Nam là nước thành viên, công tác phối hợp giữa các bộ, ngành có liên quan trong quá trình thực hiện hoạt động thanh sát hạt nhân cũng gặp khó khăn, vướng mắc.

c) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ *Tích cực*: Không cần điều chỉnh, sửa đổi hệ thống các văn bản dưới luật kèm theo.

+ *Hạn chế*: Thiếu cơ sở pháp lý để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền triển khai hiệu quả hoạt động thanh sát hạt nhân và nhiều bất cập khác như đã được phân tích tại mục 1 – xác định vấn đề bất cập của Báo cáo này.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

- *Tích cực*: Phương án này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

- *Hạn chế*: Các quy định về TTHC trong lĩnh vực thanh sát hạt nhân được quy định ở các văn bản dưới Luật. Trong phương án này, việc thiếu quy định trong Luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện tại gây khó khăn cho cơ quan quản lý trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tới toàn thể đối tượng thuộc các thành phần khác nhau của nền kinh tế xã hội. Ngoài ra các vấn đề bất

cập của Luật đã phân tích dẫn đến việc áp dụng TTHC của tổ chức, cá nhân là đối tượng chịu thanh sát chưa đồng bộ, và công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý chưa được nâng cao, đẩy mạnh.

e) Tác động về giới:

Phương án này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

## 5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ KH&CN kiến nghị lựa chọn **Phương án 1** để quy định cụ thể thành các nội dung của dự thảo Luật NLNT (sửa đổi).

## IV. CHÍNH SÁCH 4: QUẢN LÝ CHẤT THẢI PHÓNG XẠ, NHIÊN LIỆU HẠT NHÂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG, NGUỒN PHÓNG XẠ ĐÃ QUA SỬ DỤNG

### 1. Xác định vấn đề bất cập

Chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng là nguồn phát bức xạ, có khả năng gây nguy hại đến sức khỏe con người và môi trường nếu không được quản lý một cách phù hợp trong mỗi giai đoạn của quá trình quản lý chất thải phóng xạ, gồm thu gom, xử lý, điều kiện hóa, vận chuyển, lưu giữ dài hạn và chôn cất.

Hiện nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam mới chỉ có các quy định về quản lý chất thải phóng xạ trước khi chôn cất<sup>7</sup> (tức là mới có quy định về thu gom, xử lý, điều kiện hóa, lưu giữ tạm thời), các quy định cho việc quản lý dài hạn và chôn cất vĩnh viễn chất thải phóng xạ, quản lý nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng vẫn còn thiếu.

Ngoài ra, Việt Nam chưa có một cơ sở tập trung (cơ sở quốc gia) về xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng như khuyến cáo của quốc tế. Kèm theo đó là cơ chế bảo đảm tài chính (phí, quỹ) chưa được tính đến. Điều này dẫn đến việc quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, cụ thể:

- Nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng phát sinh từ Lò nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt sẽ được lưu giữ tạm thời tại Viện nghiên cứu hạt nhân.

- Chất thải phóng xạ được thu gom và lưu giữ tạm thời tại cơ sở làm phát sinh chất thải và định kỳ 03 năm, tổ chức làm phát sinh chất thải phóng xạ phải làm thủ tục gia hạn giấy phép cho việc lưu giữ này.

- Hơn 4.700 nguồn phóng xạ đã qua sử dụng đang được lưu giữ tạm thời tại nhiều cơ sở khác nhau trên cả nước và định kỳ 03 năm, tổ chức này phải làm

<sup>7</sup> Thông tư 22/2014/TT-BKH&CN ngày 25/8/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.



thủ tục gia hạn Giấy phép lưu giữ nguồn phóng xạ. Trong các nguồn phóng xạ trên có:

+ Khoảng 1.200 nguồn phóng xạ đã được điều kiện hóa, chiếm khoảng 25% và khoảng 3.500 nguồn phóng xạ chưa điều kiện hóa chiếm 75%;

+ Khoảng 2.800 nguồn phóng xạ được lưu giữ tạm thời tại 03 kho nguồn thuộc sự quản lý của Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam;

+ Khoảng 1.900 nguồn phóng xạ đang được lưu giữ rải rác tại các cơ sở bức xạ trên cả nước.

Điều này dẫn đến nguy cơ mất nguồn phóng xạ, tiềm ẩn nhiều rủi ro về mất an ninh nguồn phóng xạ. Thực tế cho thấy tại Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới đã có báo cáo về các sự cố mất nguồn phóng xạ. Việc tìm kiếm và phục hồi các nguồn phóng xạ bị mất đã gây ra hậu quả không chỉ về kinh tế, mà còn ảnh hưởng đến cả chính trị, xã hội. Bên cạnh đó, nhiều cơ sở tiến hành công việc bức xạ khi không còn nhu cầu sử dụng mong muốn được chuyển nguồn phóng xạ về kho lưu giữ tập trung để giảm tải gánh nặng trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh và thủ tục cấp phép lưu giữ. Tuy nhiên, do chưa có quy định về việc thu phí lưu giữ nguồn phóng xạ nên đây là khó khăn cho cả cơ sở có nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và đơn vị có năng lực lưu giữ nguồn phóng xạ.

Mặt khác, trong những năm qua, một số thiết bị bức xạ gắn nguồn phóng xạ đã được chuyển giao giữa các tổ chức, doanh nghiệp trong nước như nguồn phóng xạ Cs-137, Am-241/Be, Ni-63, Ir-192, Am-241. Việc chuyển giao này giúp tiết kiệm được một nguồn lực đáng kể cho tổ chức, doanh nghiệp, tuy nhiên từ phía cơ quan quản lý nhà nước lại chưa có quy định cho việc chuyển giao này.

Theo quy định tại Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và an toàn quản lý chất thải phóng xạ<sup>8</sup> (sau đây viết tắt là Công ước chung) mà Việt Nam là thành viên từ năm 2014, hướng dẫn của IAEA<sup>9</sup> cũng như thông lệ quốc tế, mỗi quốc gia phải xây dựng hệ thống pháp luật để quản lý tất cả các giai đoạn khác nhau của quá trình quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Theo đó:

(1) Việt Nam thiếu chính sách quốc gia về quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng: Chính sách này bao gồm các mục tiêu hoặc yêu cầu để bảo đảm việc quản lý chất thải phóng xạ một cách an toàn và hiệu quả. Chính sách chủ yếu do chính phủ ban hành và có thể được luật hóa trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quốc gia. Quy định

<sup>8</sup> Joint Convention on the Safety of Spent Fuel Management and on the Safety of Radioactive Waste Management.

<sup>9</sup> IAEA, Policies and Strategies for Radioactive Waste Management.

này được nêu tại Điều 32 Công ước chung và được IAEA khuyến cáo khi thực hiện đánh giá về cơ sở hạ tầng hạt nhân của Việt Nam năm 2009 và 2014.

(2) Chưa quy định một cách đầy đủ các nguyên tắc quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng: Các nguyên tắc này quy định những nội dung cần phải tuân thủ trong quá trình xây dựng và áp dụng của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất thải phóng xạ và chỉ phụ thuộc vào đối tượng điều chỉnh.

Thực tế, trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam, một số nguyên tắc về quản lý chất thải phóng xạ đã được nêu tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NLNT 2008, tuy nhiên nội dung đưa ra chưa đầy đủ, chưa bao gồm các nguyên tắc an toàn và an ninh cơ bản theo khuyến cáo của IAEA<sup>10</sup>.

Ngoài ra, các quy định về quản lý dài hạn và chôn cất vĩnh viễn chất thải phóng xạ quản lý nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng còn thiếu, do đó không thể tuân thủ các nguyên tắc về quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng theo khuyến cáo của IAEA và thông lệ quốc tế.

(3) Chưa có quy định về cơ chế bảo đảm tài chính (phí, quỹ) cho việc quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng:

Theo kinh nghiệm quốc tế<sup>11</sup>, quỹ được hình thành do sự tham gia đóng góp của nhà nước, tổ chức làm phát sinh chất thải, tổ chức quản lý chất thải với tỉ lệ đóng góp theo từng giai đoạn của quá trình quản lý chất thải phóng xạ và phụ thuộc vào đặc tính của loại chất thải phóng xạ được đưa vào quản lý.

Cơ chế hoạt động của Quỹ này có thể được thành lập dưới dạng quỹ quốc gia về quản lý chất thải phóng xạ. Quỹ này sẽ không nằm trong ngân sách nhà nước và hoạt động dưới sự quản lý của một tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ/Bộ Công thương. Nó bao gồm hai quỹ riêng biệt: Quỹ cung cấp tài chính và Quỹ nghiên cứu chuyên môn nhằm nâng cao năng lực quản lý và các hoạt động liên quan khác.

(4) Chưa quy định rõ ràng, đầy đủ và còn bỏ sót trách nhiệm của một số Bộ, ngành như Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính Đối về công tác quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Theo quy định hiện hành<sup>12</sup>, công tác quản lý nhà nước về chất thải phóng xạ được giao cho Bộ KH&CN và

<sup>10</sup> Handbook on Nuclear Law, IAEA 2010.

<sup>11</sup> Hàn Quốc, Radioactive waste management Act

<sup>12</sup> Điểm e khoản 1 Điều 14, khoản 9 Điều 25 Luật NLNT 2008 và Điều 2 Quyết định số 2376/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Định hướng quy hoạch địa điểm lưu giữ, chôn cất chất thải phóng xạ đến năm 2030, tầm nhìn tới năm 2050

Bộ Xây dựng. Theo đó, Bộ Xây dựng chủ trì lập quy hoạch địa điểm chôn cất, lưu giữ chất thải phóng xạ và phê duyệt địa điểm kho lưu giữ chất thải phóng xạ quốc gia, địa điểm chôn cất chất thải phóng xạ. Bộ KH&CN chịu trách nhiệm về các vấn đề an toàn bức xạ và hạt nhân. Tuy nhiên, đây vẫn là trách nhiệm chung trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân nên cần làm rõ trách nhiệm cụ thể của Bộ KH&CN về quản lý chất thải phóng xạ.

Như vậy, kinh nghiệm, khuyến cáo của quốc tế và thực tiễn của Việt Nam cho thấy yêu cầu cấp thiết đối với việc sửa đổi quy định về quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng nhằm xử lý được các vấn đề bất cập như đã nêu ở trên.

## 2. Mục tiêu của chính sách

- Bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về chất thải phóng xạ cho tất cả các giai đoạn từ thu gom, xử lý, điều kiện hóa, lưu giữ, vận chuyển và chôn cất chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

- Xây dựng cơ chế bảo đảm tài chính cho việc quản lý tập trung và chôn cất chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng;

- Quy định về quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng phù hợp với thông lệ, quy định của quốc tế và điều kiện về kinh tế, xã hội của Việt Nam.

- Nội luật hóa các cam kết tại Công ước chung về quản lý an toàn nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và quản lý an toàn chất thải phóng xạ mà Việt Nam đã là thành viên từ năm 2014.

## 3. Các giải pháp thực hiện chính sách

Có 02 phương án giải pháp thực hiện chính sách:

**3.1. Phương án 1:** Giữ nguyên quy định hiện hành.

**3.2. Phương án 2:** Sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, theo hướng:

- Bổ sung các quy định về xây dựng chính sách quốc gia về quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng (với 4 định hướng lớn, quan trọng của quốc gia), nguyên tắc quản lý chất thải phóng xạ (khẳng định tuân thủ các nguyên tắc đã có trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết), thành lập quỹ quản lý chất thải phóng xạ

(giải quyết bài toán lâu dài, căn cơ) và quy định về việc xuất khẩu chất thải phóng xạ.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 25: Xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, trong đó tách riêng trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải phóng xạ và cơ sở quản lý chất thải phóng xạ; lược bỏ các quy định chi tiết về kỹ thuật; bổ sung quy định về chuyển giao chất thải phóng xạ;

- Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan, gồm: Bộ KH&CN, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

Các quy định này được thiết kế thành một chương riêng thay vì nằm rải rác tại một số Điều, khoản của Luật NLNT 2008.

#### **4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

##### ***4.1. Phương án 1***

###### *a) Tác động về kinh tế:*

###### *\* Tích cực:*

- Nhà nước không mất nguồn lực để nghiên cứu xây dựng các chính sách, thành lập tổ chức quỹ quản lý chất thải phóng xạ, cơ quan quốc gia về quản lý chất thải phóng xạ và xây dựng quy hoạch về chôn cất chất thải phóng xạ.

- Doanh nghiệp không tốn chi phí để cập nhật quy định mới, thay đổi phương thức quản lý.

###### *\* Tiêu cực:*

- Đối với Nhà nước: Việc chưa có Quỹ quản lý chất thải phóng xạ quốc gia dẫn đến nhà nước tốn kinh phí từ nguồn ngân sách cho việc thu gom, xử lý các nguồn phóng xạ vô chủ, các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng mà chủ sở hữu bị phá sản, giải thể, không còn năng lực lưu giữ, quản lý. Khi xảy ra trường hợp mất nguồn phóng xạ thì việc tìm kiếm, phục hồi các nguồn phóng xạ bị mất gây tổn thất rất lớn về mặt kinh tế. Theo Báo cáo của Trung tâm nghiên cứu nguyên tử Bhabha, Ấn Độ: chi phí cho việc phục hồi nguồn phóng xạ bị mất và được tìm thấy từ dưới sông lên tới khoảng 10.000 đô la<sup>13</sup>.

- Đối với doanh nghiệp:

- + Gây gánh nặng cho doanh nghiệp trong việc lưu giữ chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng tại cơ sở do phải mất kinh phí và nguồn lực cho việc duy trì công tác bảo đảm an toàn, an ninh và thủ tục cấp phép lưu giữ. Do đó,

<sup>13</sup> Loss and recovery of radiation sources in India, U.C. Mishra, A.S. Pradhan. Bhabha Atomic Research Centre, Mumbai, India.

việc này có thể ảnh hưởng đến sự phát triển ứng dụng NLNT trong phát triển kinh tế - xã hội.

+ Việc không có quy định về chuyển quyền sở hữu nguồn phóng xạ gây lãng phí cho cơ sở trong trường hợp nguồn phóng xạ vẫn còn có thể sử dụng lại phải thải bỏ (do cơ sở không có nhu cầu sử dụng nữa) kèm kinh phí không nhỏ cho cơ sở lưu giữ tập trung, trong khi nhiều cơ sở khác phải mua nguồn tương tự từ nước ngoài với kinh phí cao hơn...),

*b) Tác động về xã hội:*

\* *Tích cực:* không gây tác động mới cho xã hội.

\* *Tiêu cực:*

- Đối với Nhà nước:

+ Việc chưa có chính sách rõ ràng về quản lý chất thải phóng xạ, đã ảnh hưởng đến việc thực hiện cam kết của Việt Nam theo Công ước chung.

+ Việc chưa thiết lập được hành lang pháp lý đầy đủ về quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng từ lúc phát sinh cho đến khi chôn cất vĩnh viễn chất thải phóng xạ. Gây ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước.

- Đối với doanh nghiệp và người dân: Khi các nguồn phóng xạ còn lưu giữ rải rác tại các doanh nghiệp trên cả nước, gần với nơi người dân sinh sống sẽ phát sinh các nguy cơ mất, thất lạc, hay lấy cắp nguồn phóng xạ. Các nguy cơ này sẽ gây tâm lý hoang mang, lo sợ và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

*c) Tác động về giới:*

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách hiện hành không có sự phân biệt về giới.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách không làm phát sinh mới thủ tục hành chính.

*đ) Tác động về hệ thống pháp luật:*

Không tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

## **4.2. Phương án 2**

*a) Tác động về kinh tế:*

\* *Tích cực:*

- Đối với Nhà nước: Việt Nam có cơ chế xây dựng quỹ quản lý chất thải phóng xạ, được huy động từ nhiều nguồn khác nhau; chất thải phóng xạ, nguồn

phóng xạ đã qua sử dụng được thu gom, xử lý và lưu giữ tập trung cho đến khi lựa chọn được phương án chôn cất và đóng cửa cơ sở chôn cất bằng nguồn tiền từ quỹ; làm cơ sở để quyết định việc quản lý nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng phát sinh từ lò phản ứng nghiên cứu mới hay lò phản ứng hạt nhân trong tương lai. Từ đó sẽ giảm gánh nặng về tài chính cho cơ quan quản lý nhà nước.

- Đối với doanh nghiệp:

+ Xác định mức chi phí về quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng ngay từ giai đoạn đầu áp dụng kỹ thuật hạt nhân, sử dụng nguồn phóng xạ giúp chủ động trong thu xếp tài chính; giảm thời gian, chi phí cho việc tự quản lý.

+ Có cơ hội chuyển giao chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng cho cơ sở quản lý tập trung. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp không mất các chi phí về xây dựng kho lưu giữ tạm thời tại cơ sở; không phải trả lương cho nhân viên bức xạ, cán bộ phụ trách an toàn; Không phải chi phí đào tạo định kỳ 03 năm/lần cho nhân viên bức xạ và cán bộ phụ trách an toàn và không mất chi phí cho việc xin cấp phép lưu giữ lần đầu và định kỳ 03 năm/lần.

+ Có cơ hội chuyển giao, thu lại 1 phần kinh phí đã đầu tư khi không có nhu cầu sử dụng cũng như không phải mất phí cho cơ sở lưu giữ tập trung.

+ Có cơ hội sử dụng nguồn phóng xạ với chi phí thấp hơn và thủ tục đơn giản hơn khi tiếp nhận/mua lại các nguồn phóng xạ từ các cơ sở đã mua nhưng không có nhu cầu sử dụng nữa.

- Đối với người dân và xã hội:

\* *Tiêu cực:*

- Đối với Nhà nước:

+ Phát sinh chi phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản nhằm hệ thống, đồng bộ, thống nhất hoạt động quản lý nhà nước từ khi chất thải phóng xạ phát sinh đến khi chôn cất vĩnh viễn;

+ Nhà nước phát sinh thêm chi phí để thẩm định, xác định mức kinh tế về quản lý chất thải phóng xạ.

*b) Tác động về xã hội*

\* *Tích cực:*

- Đối với Nhà nước:

+ Chính sách này điều chỉnh, phân công lại trách nhiệm về quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý, tạo tính hệ thống,

đồng bộ, thống nhất trong quá trình quản lý; giúp tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước đối với chất thải phóng xạ;

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm tra, thanh tra hoạt động quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng từ khi phát sinh đến khi đưa vào chôn cất;

- Đối với doanh nghiệp: Việc quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng thống nhất tạo điều kiện cho doanh nghiệp tuân thủ các quy định;

- Đối với người dân và xã hội: Việc hoàn thiện quy định về quản lý chất thải phóng xạ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quản lý chất thải phóng xạ. Từ đó, người dân và xã hội được bảo vệ tốt hơn khỏi tác hại của bức xạ sinh ra từ chất thải phóng xạ trong tất cả giai đoạn của quá trình quản lý chất thải phóng xạ và tạo tâm lý yên tâm cho người dân khi nhà nước, doanh nghiệp, hay cá nhân ứng dụng kỹ thuật hạt nhân vào trong kinh tế - xã hội.

*\* Tiêu cực:*

Nhà nước cần đầu tư thêm thời gian, nhân lực để xây dựng, quản lý và vận hành cơ sở tập trung (cơ sở quốc gia) quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng

*c) Tác động về giới:*

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do các quy định về quản lý chất thải phóng xạ là quy định chung, không phân biệt giới. Tuy nhiên, khi xét về hiệu ứng sinh học của bức xạ nhất là quá trình hình thành cơ quan (tuổi thai từ 2 đến 7 tuần) và trong ba tháng đầu của thời kỳ mang thai. Vì vậy, việc quy định chính sách rõ ràng, cụ thể sẽ giảm tác động của bức xạ đến phụ nữ trong giai đoạn mang thai. Do đó, bảo đảm sức khỏe, sự công bằng trong tiếp cận các cơ hội nghề nghiệp để phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống của các nhóm đối tượng này.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách không làm phát sinh mới thủ tục hành chính.

*đ) Tác động về hệ thống pháp luật:*

Cần sự rà soát, hệ thống hoá toàn diện các quy định và sửa đổi, bổ sung các quy định trong Luật sửa đổi, bao gồm quy định về quản lý chất thải phóng xạ một cách hệ thống, đồng bộ, từ xây dựng chính sách của nhà nước đến xây dựng văn bản dưới luật cho tất cả các giai đoạn của quản lý chất thải phóng xạ từ khi phát

sinh đến khi chôn cất và xây dựng về cơ chế thành lập quỹ quản lý chất thải phóng xạ, trong đó quy định rõ ràng trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan.

## 5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích nêu trên, Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2** là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, phù hợp với thông lệ quốc tế, giúp nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước đối với vấn đề quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

## V. CHÍNH SÁCH 5: ỨNG PHÓ SỰ CỐ BỨC XẠ, SỰ CỐ HẠT NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI THIẾT HẠI HẠT NHÂN

### V.1. ỨNG PHÓ SỰ CỐ BỨC XẠ, SỰ CỐ HẠT NHÂN

#### 1. Vấn đề bất cập

*Thứ nhất*, kế hoạch ứng phó sự cố được xây dựng cho cả 2 giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn ứng phó, do đó cần xem xét đến nguy cơ, mức độ rủi ro của các công việc bức xạ hoặc các hoạt động có thể dẫn đến sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân. Các nhóm tình huống quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật NLNT chỉ xác định hậu quả sự cố khi xảy ra trên thực tế nhằm mục đích phân định mức độ áp dụng triển khai các biện pháp ứng phó sự cố nên **không phù hợp** làm căn cứ xây dựng kế hoạch ứng phó.

Trong hệ thống Tiêu chuẩn an toàn của Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA), Yêu cầu an toàn cơ bản (GSR) có vai trò rất quan trọng và được hầu hết các quốc gia tham khảo khi xây dựng hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực NLNT. Đối với công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố, Tiêu chuẩn an toàn về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân “*Preparedness and Response for a Nuclear or Radiological Emergency*” của IAEA, 2006 (GSR Part 7) đặt ra các yêu cầu quan trọng nhất cần thiết lập, trong đó Yêu cầu số 4 Hướng dẫn việc đánh giá mức độ nguy hiểm và từ đó đưa ra cách tiếp cận theo cấp độ trong việc chuẩn bị và ứng phó sự cố theo **5 nhóm nguy cơ** với định nghĩa là tập hợp các cơ sở, các hoạt động có khả năng gây sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân với mức độ nghiêm trọng tương đương nhau, cụ thể: (1) Nhóm I: nhà máy điện hạt nhân, bể chứa nhiên liệu đã qua sử dụng, cơ sở lưu giữ chất phóng xạ lớn có thể gây ra hiệu ứng tât định; (2) Nhóm II: Lò nghiên cứu, cơ sở lưu giữ chất phóng xạ nguy hiểm cần hành động bảo vệ khẩn cấp ngoài khu vực; (3) Nhóm III: lò nghiên cứu nhỏ (lò nghiên cứu Đà Lạt, cơ sở chiếu xạ công nghiệp); (4) Nhóm IV: các công việc bức xạ và hoạt động khác có thể dẫn đến sự cố liên quan đến nguồn phóng xạ nằm ngoài kiểm soát; (5) Nhóm V: các vùng trong khu vực lập kế hoạch ứng phó sự cố đối với sự cố xuyên biên giới.



Bên cạnh đó, tại Điều 7 Luật Phòng thủ dân sự 2023 (PTDS) chia cấp độ phòng thủ dân sự thành 3 cấp nhằm phân định mức độ áp dụng các biện pháp của các cấp chính quyền trong phạm vi quản lý để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, làm cơ sở xác định trách nhiệm, biện pháp, nguồn lực của các cấp chính quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng thủ dân sự. Để tương thích với Luật PTDS và cũng phù hợp với mục tiêu triển khai ứng phó sự cố ở 3 cấp (cơ sở, cấp tỉnh, cấp quốc gia) thì trong nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố các cấp cần xác định và phân loại cụ thể cấp độ sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân. Các nội dung mang tính chất kỹ thuật này (phạm vi ảnh hưởng, khả năng lan rộng, hậu quả xảy ra; đặc điểm vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, dân cư, ...; khả năng ứng phó, khắc phục hậu quả của các cấp) sẽ được quy định và hướng dẫn chi tiết ở văn bản cấp Chính phủ hoặc cấp Bộ.

*Thứ hai*, khoản 5 Điều 83 Luật NLNT quy định tất cả các loại hình công việc bức xạ cần xây dựng và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố, nhưng chưa có sự xem xét đến đặc thù hoạt động và các công việc bức xạ đơn giản, không thể gây ra sự cố đáng kể. Điều này dẫn đến tăng gánh nặng về thủ tục và yêu cầu công tác triển khai cho cơ sở. Do đó, về nguyên tắc các tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ vẫn cần xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở để bảo đảm tính chủ động trong công tác chuẩn bị và ứng phó khi xảy ra sự cố trên thực tế. Tuy nhiên việc yêu cầu về phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở cần được phân loại phù hợp với nguy cơ, mức độ rủi ro trong công việc bức xạ.

Khoản 5 Điều 83 Luật NLNT cũng quy định: “Bộ KH&CN hướng dẫn việc lập kế hoạch và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh”. Thông tư số 12/2023/TT-BKH&CN của Bộ KH&CN đưa ra hướng dẫn cụ thể cho quy định này. Việc Bộ KH&CN phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh cho thấy sự bảo đảm vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực NLNT. Cho đến nay 58/63 địa phương đã được phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh, theo dự kiến đến 2025 tất cả các địa phương trong cả nước sẽ hoàn thành Kế hoạch ứng phó sự cố. Do đó, sau khi Kế hoạch ứng phó sự cố được Bộ KH&CN phê duyệt, việc cập nhật, bổ sung Kế hoạch nên được xem xét định kỳ (có thể theo chu kỳ 5 năm) và giao thẩm quyền cho UBND cấp tỉnh phê duyệt trên cơ sở có ý kiến chuyên môn của Bộ KH&CN (qua Cục ATBXHN). Cách thức này sẽ duy trì được sự phối hợp chặt chẽ giữa địa phương với Bộ KH&CN, đồng thời thể hiện được trách nhiệm cao nhất, trực tiếp của địa phương, qua đó tăng cường tính chủ động, xây dựng năng lực ứng phó sự cố trong phạm vi của tỉnh.

*Thứ ba*, các khoản 2, 3 và 4 Điều 83 Luật NLNT quy định tần suất tổ chức diễn tập ứng phó sự cố ở cấp cơ sở, cấp tỉnh định kỳ hàng năm, cấp quốc gia định kỳ 2 năm. Quy định này trong thực tiễn chưa phù hợp với đặc thù cơ sở (sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ loại hình khác nhau), quy mô triển khai cấp tỉnh

và cấp quốc gia, đặc biệt là việc bố trí nguồn lực để triển khai. Theo thống kê đến năm 2023, chỉ có khoảng 20 địa phương tổ chức diễn tập ít nhất 01 lần kể từ khi được phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố, dưới 10 địa phương tổ chức diễn tập thường xuyên hàng năm theo tần suất quy định tại Luật NLNT (TP. Hà Nội, Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Lâm Đồng, ...), nhiều cơ sở tiến hành công việc bức xạ chưa thực hiện việc diễn tập định kỳ hàng năm (phần lớn là các cơ sở có loại hình công việc bức xạ đơn giản như sử dụng máy phát tia X trong công nghiệp, thiết bị huỳnh quang tia X, thiết bị X- quang ứng dụng trong y tế, nguồn phóng xạ hoạt độ thấp, ...). Trong quá trình khảo sát, đánh giá tình hình thi hành Luật NLNT, nhiều địa phương đã đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xem xét việc giảm tần suất diễn tập hoặc giao chủ động cho địa phương, cơ sở trong việc tổ chức diễn tập định kỳ nhưng tần suất phụ thuộc vào mức độ nguy cơ xảy ra sự cố, quy mô các ứng dụng bức xạ và hạt nhân trên địa bàn.

## 2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

a) Bảo đảm các quy định về công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố đồng bộ với quy định tại các Luật mới ban hành (Luật PTDS) và các quy định về ứng phó sự cố, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phù hợp với thực tiễn của hoạt động ứng dụng NLNT và bảo đảm hài hòa với các hướng dẫn của quốc tế về ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.

b) Khắc phục bất cập, khó khăn trong thực tiễn triển khai các quy định của Luật về công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố trên phạm vi cả nước ở cả ba cấp: cấp cơ sở, cấp tỉnh và cấp quốc gia.

## 3. Giải pháp giải quyết vấn đề

**3.1. Phương án 1.** Giữ nguyên như hiện nay quy định về công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố.

**3.2. Phương án 2.** Điều chỉnh, bổ sung một số quy định phù hợp với mục tiêu và giải quyết các vấn đề bất cập, khó khăn trong công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố, cụ thể:

a) Bổ sung quy định về nhóm nguy cơ và cấp độ sự cố, thay thế cho nhóm tình huống, để làm cơ sở xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

b) Giao thẩm quyền cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh (sau khi được Bộ KH&CN phê duyệt) về UBND cấp tỉnh. Giao Chính phủ quy định việc phân loại cụ thể việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở theo loại hình, quy mô hoạt động.

c) Điều chỉnh quy định về tần suất diễn tập ứng phó sự cố. Giao Chính phủ quy định tần suất diễn tập ứng phó sự cố các cấp phù hợp với nguy cơ, quy mô, phạm vi công việc bức xạ.

## 4. Đánh giá tác động của các phương án

### 4.1. Phương án 1. Giữ nguyên như hiện nay.

#### a) Tác động kinh tế

##### \* Đối với nhà nước:

- Tích cực: không phát sinh thêm chi phí nghiên cứu, xây dựng và hướng dẫn các văn bản pháp luật liên quan đến ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.

- Hạn chế: khó khăn về bố trí nguồn lực, thời gian và kinh phí liên quan đến việc triển khai kế hoạch ứng phó sự cố cấp quốc gia, cấp tỉnh (tăng cường trang thiết bị, tổ chức diễn tập định kỳ), đặc biệt đối với các tỉnh có quy mô dân số không lớn và ứng dụng NLNT không nhiều.

##### \* Đối với người dân, doanh nghiệp:

- Tích cực: không mất thêm chi phí liên quan đến xây dựng và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở.

- Hạn chế: khó khăn về bố trí nguồn lực, thời gian và kinh phí để đáp ứng các quy định hiện hành về tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở như việc tổ chức diễn tập định kỳ hàng năm, nhất là đối với một số loại hình ứng dụng bức xạ đơn giản như thiết bị huỳnh quang tia X ứng dụng trong công nghiệp và y tế, nguồn phóng xạ hoạt độ thấp, ....

#### b) Tác động xã hội

##### \* Đối với nhà nước:

- Tích cực: Góp phần nâng cao nhận thức, công tác ứng phó sự cố dần đi vào nề nếp, có sự phân cấp kế hoạch ứng phó sự cố, quy định trách nhiệm của Chính phủ, Bộ ngành và địa phương.

##### - Hạn chế:

+ Cơ chế phối hợp giữa cơ quan Trung ương và địa phương chưa rõ ràng, chặt chẽ đặc biệt khi sự cố xảy ra.

+ Tính khả thi về tần suất tổ chức diễn tập ở cấp quốc gia và cấp tỉnh đối với nhiều địa phương không cao.

##### \* Đối với người dân, doanh nghiệp:

- Tích cực: góp phần nâng cao nhận thức, tầm quan trọng về công tác chuẩn bị và sẵn sàng ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân của cơ sở và toàn xã hội.

- Hạn chế: Các yêu cầu về chuẩn bị và ứng phó sự cố còn nặng tính kỹ thuật về thuật ngữ, khái niệm và trang thiết bị, gây khó khăn đối với việc triển khai tại nhiều cơ sở và địa phương. Bên cạnh đó, việc chưa đồng bộ trách nhiệm

trong hệ thống pháp luật về ứng phó sự cố dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện, có thể gây tâm lý hoang mang, thiếu tin tưởng của người dân liên quan đến vấn đề an toàn, an ninh trong ứng dụng bức xạ, nguồn phóng xạ.

*c) Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*d) Tác động thủ tục hành chính:* Không thay đổi thủ tục hành chính của 3 cấp cơ sở, địa phương và quốc gia

*đ) Tác động hệ thống pháp luật:*

- Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật.

- Hạn chế:

+ Tính khả thi không cao khi thực hiện quy định về bảo đảm tần suất diễn tập ở cả ba cấp.

+ Chưa có sự đồng bộ với Luật PTDS và một số văn bản mới ban hành về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

**4.2. Phương án 2.** Điều chỉnh, bổ sung một số quy định phù hợp với mục tiêu và giải quyết các vấn đề bất cập trong công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố.

*a) Tác động kinh tế*

\* Đối với Nhà nước:

- Tích cực

+ Giảm chi phí chung (nguồn nhân lực, trang thiết bị, kinh phí,...) liên quan đến việc thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở (cho các loại hình đơn giản); tạo sự thuận tiện và giảm thiểu chi phí, thời gian khi giao thẩm quyền cho UBND cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh được bổ sung, cập nhật định kỳ theo quy định.

+ Tiết kiệm nguồn lực, thời gian do điều chỉnh quy định về tổ chức diễn tập định kỳ ở cấp tỉnh, cấp quốc gia.

- Hạn chế: Cơ bản không có hạn chế của phương án này.

\* Đối với người dân, doanh nghiệp

- Tích cực:

+ Giảm chi phí tài chính cho việc xây dựng và phê duyệt đối với các loại hình cơ sở tiến hành công việc bức xạ đơn giản.

+ Giảm chi phí tổ chức diễn tập ứng phó sự cố định kỳ hàng năm ở cấp cơ sở thông qua việc giảm số lượng cơ sở cần phải tổ chức diễn tập (như các cơ sở

sử dụng thiết bị bức xạ có mức độ nguy hiểm bức xạ không đáng kể) và phân mức tần suất diễn tập theo các loại hình cơ sở khác nhau (theo dự kiến thì chỉ các cơ sở lớn thuộc nhóm nguy cơ I, II, III phải tổ chức diễn tập định kỳ hàng năm, các cơ sở khác có thể tổ chức với tần suất 3 năm).

- Hạn chế: Cơ bản không có hạn chế của phương án này.

*b) Tác động xã hội:*

\* Đối với Nhà nước

- Tích cực: Đồng bộ với các quy định tại Luật PTDS và một số văn bản mới ban hành về ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, qua đó tạo thuận lợi cho công tác phối hợp ứng phó sự cố từ Trung ương đến địa phương, góp phần đẩy mạnh việc thực hiện các yêu cầu chuẩn bị và ứng phó sự cố trong cả nước, tăng tính chủ động sẵn sàng của bộ ngành và địa phương.

- Hạn chế: Cơ bản không có hạn chế của phương án này.

\* Đối với người dân, doanh nghiệp

- Tích cực:

+ Nâng cao niềm tin cho người dân, xã hội về đẩy mạnh ứng dụng năng lượng nguyên tử vì hòa bình.

+ Doanh nghiệp tiếp tục có cơ hội nâng cao nhận thức và trách nhiệm với công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố.

- Hạn chế:

+ Doanh nghiệp cần nâng cao văn hóa an toàn, an ninh và chủ động hơn trong công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố.

*c) Tác động về giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*d) Tác động về thủ tục hành chính*

- Không tạo thêm thủ tục hành chính mới, giảm thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh.

- Giảm số cơ sở phải phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố, Bộ KH&CN không phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh sẽ tiết kiệm nhân lực, thời gian cho việc thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến thẩm định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố.

*đ) Tác động đến hệ thống pháp luật*

Tạo khung pháp lý hoàn thiện, đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành có liên quan, hướng dẫn của quốc tế; khắc phục những bất cập hiện nay và tạo sự ổn định của hệ thống, giúp cơ quan có thẩm quyền, các đối tượng chịu sự tác động thuận tiện hơn trong việc áp dụng Luật trên thực tế.

Phương án này không phát sinh bộ máy quản lý, nhân sự trong quá trình thực thi. Tuy nhiên cần phải xem xét quy định tần suất diễn tập kế hoạch ứng phó sự cố phù hợp với loại hình cơ sở tiến hành công việc bức xạ, quy mô ứng dụng bức xạ tại từng địa phương.

## **5. Kiến nghị lựa chọn phương án**

Từ việc phân tích, đánh giá về ưu, nhược điểm của các giải pháp nêu trên, Bộ KH&CN đề nghị lựa chọn **Phương án 2**. Điều chỉnh, bổ sung một số quy định phù hợp với mục tiêu và giải quyết các vấn đề bất cập trong công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố.

## **V.2. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ (TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG) THIỆT HẠI BỨC XẠ, THIỆT HẠI HẠT NHÂN**

### **1. Xác định vấn đề bất cập**

1.1. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại là một vấn đề quan trọng được cộng đồng quốc tế nói chung và rất nhiều quốc gia rất quan tâm khi phát triển các ứng dụng NLNT, đặc biệt là triển khai chương trình điện hạt nhân. Trong quá trình thực hiện Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận, các đối tác Nhật, Nga và các bên liên quan khác như Hoa Kỳ, Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA), Cộng đồng châu Âu (EC) cũng rất quan tâm đến các quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân của luật pháp Việt Nam. Họ cũng chỉ ra các quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân của Việt Nam chưa phù hợp, chưa đầy đủ theo quy định của pháp luật quốc tế, cụ thể là Công ước Viên về Trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại hạt nhân (Công ước Viên) và Công ước Bồi thường bổ sung đối với thiệt hại hạt nhân (CSC). Đây là hai công ước mà Việt Nam phải lựa chọn tham gia nếu có kế hoạch tái khởi động dự án điện hạt nhân. Luật hạt nhân của hầu hết các nước đều có một chương riêng về trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm bồi thường đối với thiệt hại hạt nhân.

Sự cố hạt nhân, mặc dù được đánh giá là có nguy cơ xảy ra thấp, nhưng có thể gây ra thiệt hại hạt nhân lớn, dẫn đến yêu cầu bồi thường rất lớn. Vì vậy, pháp luật dân sự truyền thống hoặc pháp luật hình sự được coi là không đủ để giải quyết các yêu cầu bồi thường thiệt hại hạt nhân.

Do đó, việc quy định thiệt hại bức xạ cùng một điều với thiệt hại hạt nhân của Luật NLNT 2008 (Điều 87, Điều 88, Điều 89) là không phù hợp vì bồi thường thiệt hại bức xạ được quy định theo pháp luật dân sự, còn bồi thường thiệt hại hạt nhân – do tính đặc thù của mình – được quy định tại Luật NLNT 2008.

1.2. Quy định tại khoản 2 Điều 87 về đối tượng chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân chưa phù hợp với quy định của luật pháp quốc tế. Đối tượng chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân của Việt Nam chưa quy về một đối tượng cụ thể, duy nhất. Việc này đã khiến cho nhiều nhà thầu, công ty kinh doanh công nghệ, thiết bị, vật liệu hạt nhân và những đối tác quan trọng của Việt Nam bày tỏ nhiều lo ngại khi hợp tác với Việt Nam trong quá trình xây dựng nhà máy điện hạt nhân. Theo quy định quốc tế, chỉ có duy nhất tổ chức được cấp giấy phép vận hành (*operator*) chịu trách nhiệm bồi thường khi xảy ra thiệt hại hạt nhân.

1.3. Mức bồi thường thiệt hại hạt nhân của Luật hiện hành không phù hợp với quy định chung của quốc tế. Điểm c khoản 2 Điều 88 Luật NLNT 2008 quy định tổng mức bồi thường thiệt hại đối với mỗi sự cố xảy ra tại nhà máy điện hạt nhân không vượt quá 150 triệu SDR<sup>14</sup>. Theo quy định tại điều ước quốc tế<sup>15</sup> và khuyến cáo của Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA), tổng mức bồi thường tối thiểu cho mỗi sự cố hạt nhân xảy ra tại mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm 300 triệu SDR.<sup>16</sup>

Từ những bất cập nêu trên, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định về bồi thường thiệt hại tại Luật NLNT 2008, tạo ra hành lang pháp lý để Chính phủ, các Bộ có thể quy phạm hóa các quy định về bồi thường thiệt hại bức xạ, thiệt hại hạt nhân để thực thi đồng bộ chính sách về bồi thường thiệt hại, phù hợp với pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế.

## 2. Mục tiêu của chính sách

a) Khắc phục các bất cập của các quy định tại Luật NLNT 2008 về trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại) đối với thiệt hại hạt nhân;

b) Phân biệt giữa thiệt hại bức xạ (được điều chỉnh theo pháp luật dân sự) và thiệt hại hạt nhân (được điều chỉnh tại pháp Luật NLNT 2008);

c) Bảo đảm phù hợp với các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế, góp phần tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, tạo niềm tin của các đối tác, nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia vào các dự án về NLNT, về điện hạt nhân ở Việt Nam;

d) Nâng cao trách nhiệm của tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân trong việc bảo đảm an toàn và phòng ngừa sự cố xảy ra đối với cơ sở hạt nhân;

đ) Bảo đảm tính khả thi trong việc xác định thiệt hại, bảo đảm nguồn tài chính để bồi thường thiệt hại hạt nhân.

<sup>14</sup>SDR quy định tại khoản này là đơn vị tiền tệ do Quỹ tiền tệ quốc tế xác định, là quyền rút vốn đặc biệt, được quy đổi thành tiền Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm thanh toán bồi thường.

<sup>15</sup> Công ước Viên về Trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại hạt nhân năm 1963, sửa đổi, bổ sung năm 1997; Điều I.A.

<sup>16</sup> Handbook on Nuclear Law, IAEA 2010, Chương 11, trang 107.

### 3. Đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề

Đề xuất 2 phương án giải pháp thực hiện chính sách:

#### 3.1. Phương án 1:

Giữ nguyên như quy định của Luật hiện hành.

#### 3.2. Phương án 2:

a) Sửa đổi các quy định sau của Luật NLNT 2008:

- Tách quy định về bồi thường thiệt hại bức xạ thành một Điều riêng và quy định “*trách nhiệm bồi thường thiệt hại bức xạ được xác định theo quy định của pháp luật dân sự.*”; các điều khác chỉ quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân.

- Sửa quy định về chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân từ “*Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu giao quyền lưu giữ, sử dụng vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân*” thành “*Tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân.*”

- Quy định mức trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân đối với mỗi sự cố xảy ra tại nhà máy điện hạt nhân là 300 SDR.

b) Bỏ quy định về Quỹ bồi thường thiệt hại hạt nhân để giảm gánh nặng cho tổ chức vận hành và nhà nước (nhà nước phải thành lập và duy trì hoạt động bộ máy quản lý Quỹ).

#### 3.3. Phương án 3:

a) Sửa đổi các quy định sau của Luật NLNT 2008:

- Tách quy định về bồi thường thiệt hại bức xạ thành một Điều riêng và quy định “*trách nhiệm bồi thường thiệt hại bức xạ được xác định theo quy định của pháp luật dân sự.*”; các điều khác chỉ quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân.

- Sửa quy định về chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân từ “*Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu giao quyền lưu giữ, sử dụng vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân*” thành “*Tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân.*”

- Quy định mức trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân đối với mỗi sự cố xảy ra tại nhà máy điện hạt nhân là 300 SDR.

b) Vẫn duy trì cả Quỹ bồi thường thiệt hại hạt nhân và hình thức bảo hiểm để bảo đảm tài chính. Giao Chính phủ quy định về Quỹ.

### 4. Đánh giá tác động của các giải pháp

#### 4.1. Tác động của Phương án 1

a) Tác động về kinh tế:



*\* Lợi ích:*

- Với Nhà nước: Không phát sinh thêm các chi phí và ngân sách.
- Với tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân: Không thay đổi so với hiện trạng.
- Với người dân: Không thay đổi so với hiện trạng.

*\* Chi phí:*

- Với Nhà nước: Không thay đổi so với hiện trạng.
- Với doanh nghiệp:

Nếu giữ nguyên quy định hiện tại, tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân vừa phải mua bảo hiểm nghề nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm dân sự và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường là ba loại hình bảo hiểm bảo đảm cho doanh nghiệp chi trả để bồi thường thiệt hại hạt nhân. Việc này gây gánh nặng tài chính cho tổ chức.

- Với người dân: Không phát sinh chi phí.

*b) Tác động về xã hội:*

Không có tác động về xã hội.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:*

Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

*d) Tác động về hệ thống pháp luật:*

Không phát sinh sự thay đổi trong hệ thống pháp luật hiện hành; Không gây ra chồng chéo, xung đột với các hệ thống pháp luật hiện hành. Tuy nhiên việc Chính phủ phải quy định về việc mua bảo hiểm sẽ tác động đến pháp luật về bảo hiểm.

*đ) Tác động về giới: Không phát sinh các vấn đề về giới.*

**4.2. Tác động của Phương án 2**

*a) Tác động về kinh tế:*

- Đối với nhà nước:

Nhà nước sẽ giảm được ngân sách để đóng góp và duy trì Quỹ hỗ trợ bồi thường thiệt hại hạt nhân.

- Đối với doanh nghiệp

Đối với tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân, chi phí cho việc mua bảo hiểm có thể tăng lên gấp đôi, tuy nhiên sẽ tiết giảm được chi phí đóng góp cho Quỹ hỗ trợ bồi thường thiệt hại hạt nhân.

Tuy nhiên, nếu không có doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm trong lĩnh vực này, tổ chức vận hành có nhu cầu sẽ không thể mua được bảo hiểm và đứng trước nguy cơ sẽ phải bồi thường lớn, thậm chí phá sản khi thiệt hại hạt nhân xảy ra. (Đặc biệt trong trường hợp nhà nước chưa tham gia và thực hiện nghĩa vụ theo Công ước về bồi thường thiệt hại hạt nhân).

- Đối với người dân

Trong trường hợp xảy ra sự cố hạt nhân, người dân sẽ bảo đảm được nhận bồi thường trên cơ sở ưu tiên cho thiệt hại về tính mạng và tổn thương đối với sức khỏe con người.

*b) Tác động về xã hội*

Việc sửa đổi các quy định theo Giải pháp 2 sẽ tạo tâm lý an tâm cho xã hội, giảm bớt sự lo ngại đối với nguy cơ xảy ra sự cố hạt nhân; tạo niềm tin của các đối tác, nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia vào các dự án về NLNT, về điện hạt nhân ở Việt Nam; Nâng cao trách nhiệm của tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân trong việc bảo đảm an toàn và phòng ngừa sự cố xảy ra đối với cơ sở hạt nhân.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:*

Giải pháp này không phát sinh tác động về thủ tục hành chính.

*d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Giải pháp này sẽ bảo đảm quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân của Việt Nam phù hợp với các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế, góp phần tăng cường hội nhập quốc tế. Tuy nhiên cần phải xem xét sửa đổi pháp luật kinh doanh bảo hiểm để bổ sung loại hình “*bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân.*”

*đ) Tác động về giới:*

Phương án 2 không phát sinh tác động về giới.

### **4.3. Tác động của Phương án 3**

*a) Tác động về kinh tế:*

- Đối với nhà nước:

Ngân sách Nhà nước sẽ phải dành một khoản để đóng góp và tham gia duy trì Quỹ hỗ trợ bồi thường thiệt hại hạt nhân theo quy định của Luật.

- Đối với doanh nghiệp

Tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân sẽ phải dành kinh phí để mua bảo hiểm, đồng thời đóng góp Quỹ.

- Đối với người dân

Trong trường hợp xảy ra sự cố hạt nhân, người dân sẽ bảo đảm được nhận bồi thường trên cơ sở ưu tiên cho thiệt hại về tính mạng và tổn thương đối với sức khỏe con người.

*b) Tác động về xã hội:*

Việc sửa đổi các quy định theo Giải pháp 3 sẽ tạo tâm lý an tâm cho xã hội, giảm bớt sự lo ngại đối với nguy cơ xảy ra sự cố hạt nhân; tạo niềm tin của các đối tác, nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia vào các dự án về NLNT, về điện hạt nhân ở Việt Nam; Nâng cao trách nhiệm của tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân trong việc bảo đảm an toàn và phòng ngừa sự cố xảy ra đối với cơ sở hạt nhân.

*c) Tác động về thủ tục hành chính:*

Giải pháp này không phát sinh tác động về thủ tục hành chính.

*d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Giải pháp này sẽ bảo đảm quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân của Việt Nam phù hợp với các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế, góp phần tăng cường hội nhập quốc tế. Tuy nhiên cần phải xem xét sửa đổi pháp luật kinh doanh bảo hiểm để bổ sung loại hình “*bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân*”; đồng thời cần phải có quy định cụ thể về nguồn thu và quản lý Quỹ.

*đ) Tác động về giới:*

Phương án 3 không phát sinh tác động về giới.

## **5. Kiến nghị lựa chọn phương án**

Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 3** vì các lý do sau:

- Xác định rõ đối tượng chịu trách nhiệm duy nhất trong việc bồi thường thiệt hại hạt nhân.

- Bảo đảm tài chính cho việc bồi thường thiệt hại hạt nhân; giảm gánh nặng bồi thường cho tổ chức vận hành khi có thiệt hại hạt nhân. Ngoài trách nhiệm bồi thường của tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân; Nhà nước sẽ sử dụng Ngân sách để hỗ trợ trong một số trường hợp. Trong trường hợp không có tổ chức bảo hiểm hoặc nhà vận hành không mua được bảo hiểm, Quỹ bồi thường thiệt hại hạt nhân sẽ chi trả.

- Các quy định sửa đổi là phù hợp với luật pháp quốc tế, pháp luật Việt Nam; tạo ra sự an tâm của các đối tác, nhà đầu tư nước ngoài, các tổ chức quốc tế tham gia các hoạt động ứng dụng NLNT vì mục đích hòa bình tại Việt Nam, đặc biệt khi tái khởi động chương trình điện hạt nhân.

- Tác động tốt đến tâm lý xã hội.

- Chi phí thực thi chính sách là nhỏ so với tác động tích cực đạt được.

## **VI. CHÍNH SÁCH 6: HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

### **VI.1. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CẤP PHÉP**

#### **VI.1.1. HOẠT ĐỘNG KHAI BÁO**

##### **VI.1.1A. THẨM QUYỀN VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHAI BÁO**

###### **1. Xác định vấn đề bất cập**

Chính sách quản lý nhà nước trong lĩnh vực NLNT về khai báo hiện nay theo quy định tại Điều 72 Luật NLNT 2008. Tổ chức và thực hiện khai báo chất phóng xạ hoặc chất thải phóng xạ với hoạt độ trên mức miễn trừ khai báo, thiết bị bức xạ có công suất trên mức miễn trừ khai báo, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân về số lượng, loại, đặc tính, xuất xứ và các thông tin khác quy định tại khoản 3 Điều 22 của Luật NLNT 2008. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức triển khai các chính sách này trong thực tế đã xuất hiện những vấn đề bất cập như sau:

*Vấn đề 1:* Theo thẩm quyền và phân cấp quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện chính sách về quản lý và cấp phép liên quan đến thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. Việc khai báo theo quy định hiện hành của Luật NLNT 2008: khai báo về Cơ quan an toàn bức xạ (Cục ATBXHN) đối với thiết bị X-quang trong chẩn đoán y tế là không phù hợp với thực tế xã hội và gây khó khăn cho công tác quản lý tại địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ không có thông tin để quản lý và triển khai thực hiện chính sách tổ chức khai báo, cấp phép liên quan.

*Vấn đề 2:* Việc tổ chức thực hiện “*khai báo chất phóng xạ hoặc chất thải phóng xạ với hoạt độ trên mức miễn trừ khai báo, thiết bị bức xạ có công suất trên mức miễn trừ khai báo*” được thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - miễn trừ khai báo, cấp giấy phép (QCVN 5: 2010/BKHCN). Tuy nhiên, Quy chuẩn này không bao gồm các quy định liên quan đến: Chất thải phóng xạ dạng khí hoặc dạng lỏng sinh ra trong công việc bức xạ được thải vào môi trường theo kế hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Thực phẩm, nước uống, thức ăn gia súc và các nguyên liệu được dùng trong chế biến thực phẩm và thức ăn gia súc, hàng hóa tiêu dùng; Chất phóng xạ trong vận chuyển. Các đối tượng này chưa có chính sách quản lý này là những đối tượng thường gặp trong thực tiễn và cần thiết phải có chính sách quản lý để bảo đảm an toàn cho xã hội và cũng như thúc đẩy phát triển kinh tế, Ví dụ: Một số hàng hóa có chứa chất phóng xạ (đầu dò báo khói, báo cháy chứa nguồn phóng xạ như: Am-241, Kr-85, Ra-226 và một số hàng hóa sử dụng một số lượng nhỏ chất phóng xạ đều trên mức miễn trừ khai báo, cấp phép), việc khai báo, cấp phép đối với các

thiết bị chứa các nguồn phóng xạ này có bất cập và khó thực thi trong thực tế. Luật NLNT 2008 chưa quy định việc ban hành các hàng hóa chứa chất phóng xạ thuộc chức năng quản lý nhà nước của các Bộ khác cần ban hành.

## 2. Mục tiêu của chính sách

a) Góp phần nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cũng như của Cơ quan quản lý về an toàn bức xạ và hạt nhân trong việc đảm bảo an toàn về sức khỏe, tính mạng cho con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội;

b) Góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, đóng góp tích cực trong cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao hiệu suất, chất lượng sản xuất kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

## 3. Giải pháp giải quyết vấn đề

**3.1. Phương án 1:** Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật NLNT 2008 và giữ nguyên các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

**3.2. Phương án 2:** Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về khai báo. Theo đó, Luật NLNT (sửa đổi) cần quy định cụ thể:

a) *Đối với vấn đề 1:* Đối với việc khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế: Quy định khai báo về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc phân cấp cho Cơ quan chuyên môn quản lý về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân cấp tỉnh;

b) *Đối với vấn đề 2:* Đối với việc tổ chức thực hiện “khai báo chất phóng xạ hoặc chất thải phóng xạ với hoạt độ trên mức miễn trừ khai báo, thiết bị bức xạ có công suất trên mức miễn trừ khai báo”: Chính phủ /Bộ KH&CN có trách nhiệm quy định chi tiết vấn đề này. Theo đó sẽ bổ sung quy định về miễn trừ đối với: Chất thải phóng xạ dạng khí hoặc dạng lỏng sinh ra trong công việc bức xạ được thải vào môi trường theo kế hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Thực phẩm, nước uống, thức ăn gia súc và các nguyên liệu được dùng trong chế biến thực phẩm và thức ăn gia súc, hàng hóa tiêu dùng; Chất phóng xạ trong vận chuyển.

## 4. Đánh giá tác động của các giải pháp

**4.1. Phương án 1:** Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật và giữ nguyên các văn bản dưới Luật như hiện nay.

a) *Tác động về kinh tế*

- Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

- Chi phí: Vì chưa có quy định khai về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nên tổ chức, cá nhân phải tiếp tục thực hiện khai báo lần nữa đối với Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh trong việc thực hiện thủ tục hành chính này. Việc này dẫn đến việc lãng phí kinh phí của tổ chức, cá nhân.

*b) Tác động về xã hội*

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

*c) Tác động về giới*

Không tác động đến vấn đề giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)*

Thủ tục hành chính không hợp lý, làm tăng chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

- Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật.

- Tiêu cực: Khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là không thực hiện được hoặc không nhất quán, hợp lý trong công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

**4.2. Phương án 2:** Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về khai báo.

*a) Tác động về kinh tế*

- Lợi ích: Không phát sinh thêm chi phí mới để thực hiện theo giải pháp này.

- Chi phí: Giảm chi phí thực hiện theo giải pháp này.

*b) Tác động về xã hội*

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

*c) Tác động về giới*

Không tác động đến vấn đề giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)*

- Hoàn thiện tính hợp pháp, hợp lý của thủ tục hành chính.

- Góp phần giảm chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

- Tích cực: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật. Tăng khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nhất quán, hợp lý trong công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Tiêu cực: Phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật (quy định trong Luật và văn bản dưới luật).

## **5. Kiến nghị lựa chọn phương án**

Từ những phân tích ở trên, Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2**: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về khai báo.

## **VI.1.1B. KHAI BÁO VIỆC CHUYỂN GIAO NGUỒN BỨC XẠ**

### **1. Xác định vấn đề bất cập**

Thực tiễn hiện nay cho thấy, các cơ sở tiến hành công việc bức xạ khi không có nhu cầu sử dụng hoặc dừng hoạt động đã tiến hành bán (chuyển giao, chuyển nhượng) nguồn bức xạ cho đơn vị khác có nhu cầu sử dụng. Khoản 1, Điều 13, Thông tư 22/2014/TT-BKH&CN quy định chủ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng có thể lựa chọn chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng nếu nguồn còn nguyên vẹn, không bị rò rỉ phóng xạ. Tuy nhiên, hoạt động mua bán, chuyển nhượng nguồn bức xạ có một số vấn đề bất cập như sau:

1. Khi thực hiện việc mua bán, chuyển nhượng như trên, cơ sở tiến hành công việc bức xạ chỉ thực hiện báo cáo cơ quan quản lý căn cứ theo điều kiện giấy phép, các văn bản hiện hành chưa quy định trách nhiệm báo cáo và có cơ chế kiểm soát chặt chẽ hoạt động chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ. Khi nguồn bức xạ chuyển giao, buôn bán không được kiểm soát có thể dẫn đến việc sử dụng sai mục đích hoặc sử dụng cho các mục đích xấu, có thể gây nguy cơ nhiễm xạ, tiềm ẩn nguy cơ về bức xạ đối với con người và môi trường, gây bất ổn chính trị xã hội nếu xảy ra sự cố nghiêm trọng. Thực tiễn khi triển khai Luật NLNT đã xảy ra một số trường hợp buôn bán, chuyển giao nguồn bức xạ nhưng không báo cáo cơ quan quản lý nhà nước, hoặc chỉ báo cáo sau khi đã chuyển giao, dẫn đến việc đơn vị nhận chuyển giao không đủ điều kiện để tiến hành công việc bức xạ, dẫn đến nguy cơ mất an toàn, an ninh.

2. Một số trường hợp khi mua, nhận chuyển giao, chuyển nhượng nguồn bức xạ, đơn vị tiếp nhận chưa có đầy đủ nhận thức hoặc không có đủ nguồn lực về cơ sở vật chất, nhân lực, dẫn đến có nguy cơ mất an toàn, an ninh.

3. Pháp lệnh An toàn và kiểm soát bức xạ 1996 đã quy định việc chuyển nhượng nguồn bức xạ là một công việc bức xạ (quy định tại khoản 5, Điều 3); đồng thời tổ chức, cá nhân tiến hành các công việc bức xạ phải xin giấy phép tiến hành công việc bức xạ (quy định tại khoản 1, Điều 24). Thực tiễn đã chứng minh:

quy định kiểm soát hoạt động mua bán, chuyển nhượng nguồn bức xạ là phù hợp, giúp giảm thiểu những nguy cơ tiềm ẩn về mất an toàn, an ninh.

Từ các vấn đề nêu trên, Bộ KH&CN đề xuất bổ sung quy định liên quan đến việc khai báo khi có kế hoạch chuyển giao nguồn bức xạ.

## **2. Mục tiêu của chính sách**

Góp phần hoàn thiện chính sách về quản lý nhà nước đối với nguồn bức xạ, từ đó góp phần nâng cao công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

## **3. Các giải pháp đề xuất**

**3.1. Phương án 1:** Giữ nguyên quy định trong Luật và các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

Như vậy, tổ chức, cá nhân khi tiến hành chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ chỉ thực hiện báo cáo cơ quan quản lý theo yêu cầu tại điều kiện giấy phép.

**3.2. Phương án 2:** Bổ sung quy định việc mua bán, chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ là một công việc bức xạ phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

Theo đó, Luật NLNT sẽ quy định việc chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ là một công việc bức xạ; cũng như xây dựng bổ sung các quy định, hướng dẫn về trình tự, thủ tục cấp giấy phép về chuyển giao nguồn bức xạ. Như vậy, cơ sở trước khi chuyển giao nguồn bức xạ sẽ phải thực hiện thủ tục cấp phép liên quan đến chuyển giao nguồn bức xạ.

**3.3. Phương án 3:** Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân khi có kế hoạch chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ phải tiến hành thủ tục khai báo cơ quan quản lý.

Tổ chức cá nhân khi có kế hoạch chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ bắt buộc phải thực hiện khai báo cơ quan quản lý, đồng thời có cam kết của đơn vị tiếp nhận về việc bảo đảm các quy định về an toàn, an ninh. Phương án này không yêu cầu việc nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

## **4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

**4.1. Phương án 1:** Giữ nguyên như quy định hiện hành

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không phát sinh thêm chi phí để thực hiện giải pháp, không gây thêm tác động đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh.



- Hạn chế: Vì không có quy định điều kiện việc chuyển giao nguồn bức xạ, các thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ kín có thể được chuyển giao, buôn bán không được kiểm soát, dẫn đến sử dụng sai mục đích hoặc sử dụng vào mục đích xấu có thể gây nguy cơ nhiễm xạ, tiềm ẩn ảnh hưởng bức xạ cho con người và môi trường, gây bất ổn chính trị, xã hội nếu sự cố nghiêm trọng xảy ra.

b) Tác động về xã hội

Giải pháp này không gây ra thêm những tác động đối xã hội, cộng đồng và các vấn đề khác có liên quan.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống pháp luật.

- Tiêu cực: Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, toàn diện liên quan đến việc chuyển nhượng, chuyển giao nguồn phóng xạ.

**4.2. Phương án 2:** Bổ sung quy định việc mua bán, chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ là một công việc bức xạ phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

a) Tác động về kinh tế

Đối với người dân và doanh nghiệp: việc này có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp khi phải nộp phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép về chuyển giao nguồn bức xạ. Bên cạnh đó, việc thực hiện thủ tục hành chính về cấp phép dẫn đến mất thời gian của doanh nghiệp và ảnh hưởng kinh tế nhưng không thể được định lượng chi tiết.

Nhà nước: thu được khoản phí không đáng kể. Ước tính từ thống kê của Cục ATBXHN cho thấy, trung bình một năm khoảng 70-100 nguồn bức xạ được chuyển giao từ các đơn vị được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ sang cho các đơn vị khác có nhu cầu. Việc này có thể đem lại nguồn thu phí từ 200-300 triệu. Tuy nhiên, sẽ mất các chi phí khác liên quan đến việc bố trí nhân lực thẩm định hồ sơ, đi thẩm định thực tế trước cấp phép, thanh kiểm tra và các hoạt động khác có liên quan.

b) Tác động về xã hội:

Việc thực hiện thủ tục cấp phép trước khi thực hiện chuyển giao là cơ sở để cơ quan quản lý có thông tin, quản lý, kiểm tra, thanh tra đơn vị tiếp nhận nguồn bức xạ để tăng cường công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

c) Tác động thủ tục hành chính

- Giải pháp này sẽ làm tăng chi phí thực hiện các thủ tục liên quan đến việc xin cấp giấy phép chuyển nhượng, chuyển giao nguồn phóng xạ.

- Phát sinh thêm thủ tục hành chính về cấp phép tiến hành công việc bức xạ về chuyển nhượng, chuyển giao nguồn phóng xạ.

d) Tác động về giới:

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Bổ sung quy định việc mua bán, chuyển giao nguồn phóng xạ là một công việc bức xạ trong Luật NLNT, giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ về chuyển nhượng, chuyển giao nguồn phóng xạ.

- Yêu cầu việc xây dựng bổ sung các quy định cụ thể về điều kiện mua bán, chuyển giao nguồn phóng xạ, trình tự, thủ tục về thẩm định, cấp phép chuyển giao nguồn phóng xạ. Tuy nhiên, việc này sẽ dẫn đến sự trùng lặp trong công tác quản lý nhà nước, cụ thể: sau khi ký thỏa thuận/hợp đồng chuyển giao, phía đơn vị chuyển giao sẽ phải tiến hành thủ tục cấp giấy phép vận chuyển; bên tiếp nhận sẽ phải nộp hồ sơ đề nghị sử dụng, lưu giữ; hoặc các đơn vị nhập khẩu sẽ phải thực hiện thêm thủ tục cấp phép chuyển giao nguồn bức xạ cho đơn vị tiếp nhận (mặc dù các thuyết minh về bảo đảm an toàn, an ninh của đơn vị tiếp nhận đã có trong báo cáo đánh giá an toàn đối với hoạt động nhập khẩu).

**4.2. Phương án 3:** Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân khi có kế hoạch chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ phải tiến hành thủ tục khai báo cơ quan quản lý (bao gồm các cam kết của đơn vị tiếp nhận về việc bảo đảm các quy định về an toàn, an ninh).

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Việc thực hiện thủ tục khai báo dự kiến không mất phí, chỉ phát sinh chi phí rất nhỏ liên quan đến nhân lực, thời gian thực hiện thủ tục khai báo (đơn giản hơn thủ tục cấp phép). Vì vậy quy định này hầu như không phát sinh thêm chi phí để thực hiện giải pháp, không gây thêm tác động đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh.

- Hạn chế: doanh nghiệp sẽ cần mất các chi phí liên quan đến người phụ trách thực hiện việc khai báo, thời gian thực hiện khai báo, đi lại, in ấn... Tuy nhiên, chi phí này là không đáng kể.

b) Tác động về xã hội

Việc thực hiện khai báo cơ quan quản lý khi thực hiện chuyển giao là cơ sở giúp Cơ quan quản lý nhà nước có thông tin khai báo; từ đó có thể tiến hành đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra, thanh tra đơn vị tiếp nhận nguồn bức xạ, giúp nâng cao nhận thức của Cơ sở cũng như tăng cường công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này phát sinh thủ tục hành chính về thực hiện khai báo hoạt động chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ. Tuy nhiên, thủ tục khai báo sẽ đơn giản hơn nhiều so với thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực: giúp hoàn thiện hệ thống văn bản quy pháp pháp luật liên quan đến quản lý nguồn bức xạ nói chung và việc chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ nói riêng.

- Tiêu cực: không.

## 5. Kiến nghị lựa chọn phương án:

Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 3**: Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân khi có kế hoạch chuyển nhượng, chuyển giao nguồn bức xạ phải tiến hành thủ tục khai báo cơ quan quản lý. Đây là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, giúp nâng cao công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ, đồng thời góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản QLNN, thúc đẩy việc ứng dụng NLNT vào trong đời sống kinh tế xã hội, đồng thời hạn chế tối đa các tác hại bức xạ không mong muốn đối với con người và môi trường.

## VI.1.2 CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ

### 1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định hiện hành, tổ chức, cá nhân có nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trên mức miễn trừ khai báo phải tiến hành các thủ tục khai báo, cấp phép tiến hành công việc bức xạ. Tuy nhiên, thực tế một số lượng không nhỏ thiết bị bức xạ thuộc diện trên mức miễn trừ có thiết kế tự che chắn, có khóa liên động (chỉ

vận hành được khi khoang phát tia được đóng kín), suất liều trong quá trình sử dụng chỉ xấp xỉ bằng phong môi trường, an toàn cho người sử dụng (ví dụ: các thiết bị phân tích huỳnh quang tia X, soi kiểm tra bo mạch điện tử, thiết bị phân tích sắc ký khí...). Vì vậy, việc yêu cầu tất cả các thiết bị phát tia X trên mức miễn trừ phải tiến hành thủ tục cấp phép và tiến hành gia hạn sau mỗi 03 năm<sup>17</sup> là không cần thiết và gây lãng phí nguồn lực của cơ sở tiến hành công việc bức xạ (liên quan đến phí thẩm định cấp phép, thời gian, nguồn lực để thực hiện các thủ tục cấp phép,...). Việc này đồng thời cũng làm tăng khối lượng công việc của cơ quan quản lý, lãng phí trong việc phân bổ nguồn lực xử lý, lưu giữ hồ sơ.

Đối với nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trên mức miễn trừ, Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) đã đưa ra khuyến cáo về việc quản lý dưới hình thức khai báo, đăng ký và cấp phép.

Cụ thể, trong tài liệu GSR Part 3<sup>18</sup>. Tiêu chuẩn an toàn cơ bản, trong Yêu cầu số 7 về Thông báo và Cấp phép đã đưa ra khuyến cáo như sau:

*“Một số công việc sau phù hợp với việc đăng ký:*

*- Vấn đề an toàn phần lớn có thể được bảo đảm do thiết kế của cơ sở và thiết bị;*

*- Quy trình vận hành thiết bị đơn giản để thực hiện;*

*- Yêu cầu tối thiểu về đào tạo an toàn;*

*- Trong thực tiễn, có ít các vấn đề, sự cố liên quan đến an toàn trong quá trình vận hành thiết bị;*

*- Quy trình vận hành ít có thay đổi đáng kể.”*

Như vậy, các thiết bị có thiết kế tự che chắn, có khóa liên động (chỉ vận hành được khi khoang phát tia được đóng kín) như các thiết bị phân tích huỳnh quang tia X, soi kiểm tra bo mạch điện tử, phân tích sắc ký khí hoàn toàn phù hợp để quản lý dưới hình thức đăng ký theo hướng dẫn của IAEA.

## **2. Mục tiêu của chính sách**

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí thực hiện các thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp,...

- Hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính liên quan đến khai báo, cấp phép phù hợp với khuyến cáo quốc tế và thực tiễn quản lý.

<sup>17</sup> Thời hạn của giấy phép tiến hành công việc bức xạ được quy định tại Điều 37, Nghị định 142/2020/ND-CP.

<sup>18</sup> Radiation Protection and Safety of Radiation Sources: International Basic Safety Standards General Safety Requirements Part 3 (GSR Part 3), IAEA, Vienna, 2014.

### 3. Các giải pháp đề xuất

***Giải pháp 1: Giữ nguyên Luật và văn bản hướng dẫn như hiện nay***

***Giải pháp 2: Áp dụng hình thức đăng ký đối với thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ trong công việc bức xạ có mức độ rủi ro thấp.***

Theo đó, bên cạnh hình thức quản lý khai báo và cấp phép như hiện nay, tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ đối với công việc bức xạ với các nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ có mức độ rủi ro thấp (quy trình vận hành đơn giản ít thay đổi, yêu cầu bảo đảm an toàn đơn giản,...) sẽ thực hiện thủ tục đăng ký với Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (thời hạn đăng ký 05 năm).

### 4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

#### ***4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định như hiện nay***

##### a) Tác động về kinh tế

\* Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

\* Chi phí: công việc bức xạ với các thiết bị bức xạ tự che chắn, mức độ rủi ro thấp việc quản lý sẽ đơn giản hơn rất nhiều so với các thiết bị/nguồn phóng xạ khác, việc yêu cầu cơ sở tiến hành công việc bức xạ thực hiện thủ tục cấp phép (thời hạn giấy phép 03 năm) gây lãng phí nguồn lực, chi phí của cơ sở tiến hành công việc bức xạ cũng như của cơ quan quản lý, cụ thể:

- Hoạt động của doanh nghiệp bị ảnh hưởng khi phải phân bổ nguồn lực để tiến hành các thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ;

- Cơ quan quản lý đang quá tải trong việc phân bổ nguồn nhân lực cần thiết để xử lý các hồ sơ cấp phép tiến hành công việc bức xạ liên quan. Cơ quan quản lý sẽ không tối ưu hóa được nguồn nhân lực do phải phân bổ thực hiện thủ tục cấp phép đối với công việc bức xạ có mức độ rủi ro thấp.

##### b) Tác động về xã hội

Giải pháp không gây ra thêm những tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

##### c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

##### d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

\* Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống pháp luật.

\* Tiêu cực: Chưa thực hiện theo hướng dẫn quốc tế.

#### **4.2. Giải pháp 2:**

a) Tác động về kinh tế

\* Đối với nhà nước: tiết kiệm thời gian, nguồn lực thẩm định hồ sơ, từ đó tối ưu hóa nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ chính trị khác. Tuy nhiên, nếu áp dụng hình thức đăng ký với thời hạn 05 năm có thể làm giảm khoản thu ngân sách từ việc thu phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

\* Đối với doanh nghiệp: Tính đến thời điểm cuối năm 2023, theo thống kê của Cục ATBXHN, hiện trên cả nước có khoảng 1000<sup>19</sup> thiết bị phân tích huỳnh quang tia X có cơ cấu tự che chắn. Phí thẩm định đối với thủ tục cấp phép liên quan cho mỗi thiết bị là 3 triệu đồng<sup>20</sup> (thời hạn giấy phép 03 năm) và 3 tỷ đồng cho 1000 thiết bị trong 3 năm, lấy trung bình 1 tỷ đồng trong 1 năm. Như vậy, nếu quy định về thủ tục đăng ký (phí đăng ký có thể giữ nguyên hoặc giảm xuống so với thủ tục cấp phép), thời hạn đăng ký kéo dài lên thành 05 năm. Như vậy, phí thẩm định để đăng ký 1000 thiết bị trong 05 năm là 3 tỷ đồng, lấy trung bình 600 triệu đồng trong 1 năm. Như vậy, nếu áp dụng việc đăng ký với thời hạn đăng ký 05 năm, có thể tiết kiệm kinh phí khoảng 400 triệu đồng cho doanh nghiệp mỗi năm. Ngoài ra, theo định hướng trong dự thảo Luật sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành luật thì thủ tục đăng ký sẽ đơn giản hóa về thành phần hồ sơ và các quy định khác liên quan đến kiểm xạ, đọc liều chiếu xạ cá nhân... Do đó, các doanh nghiệp tiết kiệm được nguồn lực đáng kể (mà chưa tính toán định lượng được) để thực hiện thủ tục hành chính và các quy định khác liên quan. Con số này có thể sẽ tăng hơn nữa nếu giảm mức phí của thủ tục đăng ký so với thủ tục cấp phép và áp dụng cho các loại thiết bị bức xạ tự che chắn trong các công việc khác.

b) Tác động về xã hội

Giải pháp không gây ra thêm những tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động thủ tục hành chính

<sup>19</sup> Số liệu thống kê từ hệ thống quản lý RAISVN của Cục ATBXHN.

<sup>20</sup> Mức phí quy định tại Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

Giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính, cụ thể: thủ tục đăng ký đơn giản hơn so với thủ tục cấp phép. Cơ sở tiến hành công việc bức xạ khi thực hiện thủ tục đăng ký thì không phải thực hiện thủ tục cấp phép.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật: giúp hoàn thiện hệ thống pháp luật theo đúng hướng dẫn, khuyến cáo quốc tế (của IAEA).

## 5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích ở trên, việc lựa chọn giải pháp ***Giải pháp 2: Áp dụng hình thức đăng ký đối với thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ trong công việc bức xạ có mức độ rủi ro thấp*** là phù hợp.

## VI.1.3 CẤP GIẤY PHÉP TIẾN HÀNH CÔNG VIỆC BỨC XẠ

### VI.1.3.A. CÁC VẤN ĐỀ TRONG LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CẤP GIẤY PHÉP TIẾN HÀNH CÔNG VIỆC BỨC XẠ

#### 1. Xác định vấn đề bất cập

a) *Vấn đề 1*: Liên quan đến các tổ chức nước ngoài tiến hành công việc bức xạ tại Việt Nam: Theo quy định tại Điều 2 Luật NLNT 2008 thì “*Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tiến hành các hoạt động trong lĩnh vực NLNT tại Việt Nam.*” Điểm a, khoản 1, Điều 75: điều kiện cấp phép: “*Được thành lập theo quy định của pháp luật*”. Thực tế trong thời gian qua, có những công ty nước ngoài không có Văn phòng đại diện hoặc Chi nhánh ở Việt Nam đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ tại Việt Nam. Tuy nhiên, quy định về điều kiện cấp phép đối với tổ chức nước ngoài: được thành lập theo quy định pháp luật là chưa rõ ràng. Do vậy, cần quy định rõ yêu cầu về thành lập đối với các tổ chức nước ngoài tiến hành công việc bức xạ ở Việt Nam. Ví dụ như việc cấp phép cho hãng hàng không nước ngoài vận chuyển vật liệu hạt nhân quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam sẽ không thể thực thi theo chính sách này.

b) *Vấn đề 2*: Liên quan đến việc vận chuyển vật liệu phóng xạ:

*Kiểm soát vận chuyển quá cảnh vật liệu phóng xạ* theo quy định tại Điều 64. Kiểm soát an toàn đối với vận chuyển quá cảnh vật liệu phóng xạ và hoạt động của tàu biển, phương tiện khác có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân. “*Việc vận chuyển vật liệu phóng xạ quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, hoạt động của tàu biển, phương tiện khác có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân trên lãnh thổ Việt*

*Nam phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép và phải chịu sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền”.*

Khoản 1 Điều 9 Nghị định 07/2010/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NLNT 2008 quy định “*Việc vận chuyển vật liệu phóng xạ quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, hoạt động của tàu biển, phương tiện khác có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân trên lãnh thổ Việt Nam phải được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép sau khi đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bằng văn bản”.*

Tuy nhiên, qua việc triển khai thực tế, việc vận chuyển quá cảnh các nguồn phóng xạ kín nhóm 2, 3, 4 và 5 phải được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bằng văn bản có thể là không cần thiết và quá khắt khe. Do vậy, chỉ sửa đổi các quy định này và chỉ cần thiết quy định việc xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ vận chuyển quá cảnh đối với nguồn phóng xạ nhóm 1, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân phải xin ý kiến của Thủ tướng.

## **2. Mục tiêu của chính sách**

a) Góp phần thúc đẩy khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đầu tư vào hoạt động trong lĩnh vực NLNT phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

b) Góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, đóng góp tích cực trong cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao hiệu suất, chất lượng sản xuất kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

## **3. Các giải pháp đề xuất**

**3.1. Phương án 1:** Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật NLNT 2008 và giữ nguyên các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

**3.2. Phương án 2:** Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy phép. Theo đó, Luật NLNT (sửa đổi) cần quy định cụ thể:

*Đối với Vấn đề 1:* Liên quan đến các tổ chức nước ngoài tiến hành công việc bức xạ tại Việt Nam: Cần quy định rõ yêu cầu về thành lập đối với các tổ chức nước ngoài tiến hành công việc bức xạ ở Việt Nam.

*Đối với Vấn đề 2:*

Cần xem xét loại bỏ các quy định không hợp lý trong thực tiễn như là “việc vận chuyển quá cảnh các nguồn phóng xạ kín nhóm 2, 3, 4 và 5 phải được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bằng văn bản”, chỉ cần thiết quy định việc xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ vận chuyển quá cảnh đối với nguồn phóng xạ nhóm 1, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân.



## 4. Đánh giá tác động các giải pháp

**4.1. Phương án 1:** Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật NLNT 2008 và giữ nguyên các văn bản dưới Luật như hiện nay.

### a) Tác động về kinh tế

\* Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

\* Chi phí: Vì chưa có quy định cụ thể đối với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoạt động ở Việt Nam nên nhiều hoạt động ứng dụng NLNT không thể triển khai. Một số dự án về đầu tư ứng dụng NLNT như sản xuất, lắp ráp và thử nghiệm thiết bị bức xạ không thể triển khai. Các quy định về xin ý kiến Thủ tướng bằng văn bản đối với việc quá cảnh các nguồn phóng xạ nhóm 2, 3, 4, 5 dẫn đến việc gây khó khăn cho các doanh nghiệp thực hiện các công việc kinh doanh ở các nước lân cận như (Lao, Campuchia).

### b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di sản, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

### c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

### d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

Thủ tục hành chính không hợp lý, làm tăng chi phí, thời gian tuân thủ của thủ tục hành chính.

### đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

\* Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật.

\* Tiêu cực: Khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là không thực hiện được hoặc không thúc đẩy ứng dụng NLNT vào phát triển kinh tế - xã hội.

**4.2. Phương án 2:** Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy phép.

### a) Tác động về kinh tế

\* Lợi ích: Không phát sinh thêm chi phí mới để thực hiện theo giải pháp này. Tạo tiền đề thuận lợi cho việc thúc đẩy các ứng dụng NLNT vào phát triển kinh tế - xã hội.

\* Chi phí: Giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính theo giải pháp này.

### b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

*c) Tác động về giới*

Không tác động đến vấn đề giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)*

- Hoàn thiện tính hợp pháp, hợp lý của thủ tục hành chính.
- Góp phần giảm chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tích cực: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật. Tăng khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nhất quán, hợp lý trong công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

\* Tiêu cực: Phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật (quy định trong Luật và văn bản dưới luật).

## **5. Kiến nghị lựa chọn phương án**

Từ những phân tích ở trên, Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2:** Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy phép.

## **VI.1.3.B. CẤP GIẤY PHÉP THỬ NGHIỆM THIẾT BỊ BỨC XẠ**

### **1. Xác định vấn đề bất cập**

Luật Năng lượng nguyên tử về cơ bản đã bao quát được phần lớn các hoạt động ứng dụng bức xạ ion hóa trong xã hội. Tuy nhiên trong thực tiễn quản lý đã phát sinh thêm một loại hình công việc mà nó chưa được quy định đầy đủ và rõ ràng tại Luật Năng lượng nguyên tử, đó là hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ. Hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ thường được thực hiện bởi các tổ chức nhập khẩu, hoặc gia công, lắp ráp thiết bị bức xạ mà chủ yếu là các thiết bị X-quang y tế. Sau khi mua thiết bị nguyên chiếc từ nhà sản xuất hoặc tiến hành gia công, lắp ráp các linh kiện thành thiết bị hoàn chỉnh, các tổ chức thương mại tiến hành kiểm tra, đánh giá xác định một số đặc tính kỹ thuật liên quan đến an toàn bức xạ của thiết bị tại xưởng hoặc nhà máy của mình trước khi bán lại cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu mua để sử dụng. Việc xác định, đánh giá các đặc tính kỹ thuật của thiết bị thường chỉ tập trung kiểm tra bộ phận phát bức xạ xem có vận hành bình thường và ổn định theo hay không, các bước thực hiện đơn giản không đòi hỏi phải đầy đủ các nội dung như kiểm định thiết bị được quy định tại các Quy chuẩn Việt Nam. Toàn bộ việc thử nghiệm được diễn ra tại các xưởng hoặc nhà máy của các tổ chức thử nghiệm, trong quá trình thử nghiệm các thiết bị được vận hành để

phát bức xạ phục vụ việc kiểm tra, đánh giá theo quy trình kỹ thuật của cơ sở. Sau khi thiết bị đạt yêu cầu về thử nghiệm, các thiết bị được chuyển đến cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng. Thông thường, khoảng thời gian từ lúc thử nghiệm cho đến khi bàn giao thiết bị cho các tổ chức, cá nhân là người sử dụng cuối diễn ra khá ngắn, chỉ khoảng từ 3-7 ngày.

Từ những phân tích ở trên có thể thấy, về bản chất hoạt động thử nghiệm gây ra chiếu xạ nghề nghiệp và công chúng và có những đặc điểm gần giống với hoạt động sử dụng thiết bị bức xạ. Tuy nhiên nếu đối chiếu theo quy định tại Điều 18 của Luật Năng lượng nguyên tử thì loại hình này lại có một số đặc thù riêng và không được điều chỉnh một cách rõ ràng, tường minh trong danh mục công việc bức xạ như:

Thử nghiệm thiết bị bức xạ những đặc điểm giống với việc sử dụng thiết bị bức xạ nhưng bản chất công việc này khác biệt, vì tổ chức thử nghiệm không có mục đích sử dụng thiết bị bức xạ mà chỉ là kiểm tra đánh giá một số đặc tính kỹ thuật của bộ phận bức xạ của thiết bị, trong khi đó chủ thể sử dụng thiết bị lại là khách hàng của họ.

Mặt khác, hoạt động thử nghiệm cũng chưa phải là hoạt động kiểm định thiết bị bức xạ do không đánh giá đầy đủ các định mức kỹ thuật theo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN. Sau khi tổ chức, cá nhân là khách hàng sử dụng thiết bị bức xạ nhận được thiết bị thì sẽ phải tiến hành kiểm định thiết bị và lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ. Ngoài ra thời hạn của giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ theo quy định chỉ cấp cho một thiết bị cụ thể và có thời hạn từ 3-5 năm, trường hợp thiết bị bức xạ bị thay thế hoặc không còn sử dụng thì cơ sở tiến hành công việc bức xạ phải làm lại giấy phép mới. Điều này rõ ràng là không phù hợp nếu đánh đồng hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ với công việc sử dụng thiết bị bức xạ (nếu căn cứ theo quy định của Luật năng lượng nguyên tử) bởi vì như đã nêu ở trên loại hình thử nghiệm thiết bị chỉ diễn ra trong thời gian rất ngắn (chỉ từ 3-5 ngày) và cũng không có định cho với thiết bị cụ thể nào do thiết bị sẽ được chuyển giao ngay cho người dùng cuối khi hoàn tất việc thử nghiệm.

Trong quá trình triển khai công tác quản lý theo chức năng, từ những năm 2018 Cục ATBXHN đã phải đối mặt với các bất cập như đã nêu khi phải giải quyết bài toán quản lý cấp phép đối với một số tổ chức có hoạt động thử nghiệm thiết bị X-quang y tế từ lâu, có thể kể đến như Công ty Liên doanh Y học Việt – Hàn, Công ty TNHH Thiết bị Việt Ba, Công ty TNHH Thiết bị y tế 130 Armephaco. Ngay bản thân các tổ chức này cũng gặp khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng loại hình công việc nào trong Luật để thực hiện việc đề nghị cấp phép cũng như các công tác quản lý, bảo đảm an toàn bức xạ này trong hoạt động thử nghiệm. Những bất cập như trên xuất phát từ việc Luật Năng lượng nguyên

tử chưa “tính đến” và dẫn đến chưa có các quy định rõ ràng cho hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ.

Để có phương án giải quyết tạm thời vấn đề này, Chính phủ ban hành Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 “quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử” qua đó quy định loại hình hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ là một loại hình dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. Tuy nhiên, giải pháp này chỉ mang tính giải quyết tình thế và có phần khiên cưỡng vì không giải quyết đến bản chất công việc thử nghiệm thiết bị bức xạ (tổ chức thực hiện theo quy định này không liên quan trực tiếp đến hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử).

## **2. Mục tiêu của chính sách**

Như đã trình bày ở trên, với bối cảnh hiện nay khi các doanh nghiệp về trang thiết bị y tế ngày càng phát triển và có xu hướng tiếp cận sâu hơn với các khía cạnh công nghệ thay vì chỉ thực hiện việc xuất nhập khẩu đơn thuần thì công việc lắp ráp, gia công, thử nghiệm thiết bị bức xạ ngày càng phổ biến, điều này dẫn đến cơ quan lập pháp cần hoàn thiện thể chế để cập nhật các quy định tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức cá nhân hoạt động một cách chính thống nhằm tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đồng thời đáp ứng được nhu cầu quản lý đảm bảo an toàn bức xạ cho môi trường và nhân dân.

Nội dung về hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ cần phải được điều chỉnh và đưa vào danh mục các công việc bức xạ (hiện đang được quy định tại Điều 18 của Luật Năng lượng nguyên tử 2008).

Ngoài các quy định mang tính nguyên lý chung để đảm bảo an toàn bức xạ, đưa ra các quy định dựa trên xem xét các yếu tố đặc thù của loại hình công việc này như: thời hạn tiến hành công việc bức xạ đối với một thiết bị cụ thể là ngắn và thường xuyên thay đổi thiết bị bức xạ.

## **3. Các giải pháp đề xuất**

### **3.1. Phương án 1:**

Không thay đổi quy định hiện hành

### **3.2. Phương án 2:**

Bổ sung loại hình thử nghiệm thiết bị bức xạ vào danh mục công việc bức xạ và các quy định về điều kiện cấp phép, thời hạn của giấy phép:

**Điều XXXX.** Công việc bức xạ

Công việc bức xạ bao gồm các hoạt động sau đây:

i) Thử nghiệm thiết bị bức xạ

**Điều XXXX.** Giấy phép tiến hành công việc bức xạ

ii) Thử nghiệm thiết bị bức xạ;

**Điều XXX.** Thời hạn của Giấy đăng ký, Giấy phép

iii) Giấy phép thử nghiệm thiết bị bức xạ có thời hạn 03 năm;

#### **4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

##### **4.1. Phương án 1: Không thay đổi quy định hiện hành**

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Quy định hiện tại được ban hành như là giải pháp tình thế và đã được ban hành, áp dụng một thời gian dài, một số tổ chức cá nhân không phải đầu tư thời gian, công sức cập nhật lại các quy định mới khi sửa lại.

- Hạn chế: Như đã trình bày việc đưa hoạt động thử nghiệm và loại hình dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng chỉ là biện pháp tình thế để đợi sau này sửa Luật. Do đó nếu không thay đổi quy định cho phù hợp thì không có một khuôn khổ pháp lý vững chắc, khoa học và minh bạch, các doanh nghiệp sẽ dễ gặp các vấn đề tranh chấp pháp lý dẫn đến phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh.

b) Tác động về xã hội

- Lợi ích: Không.

- Hạn chế: Không.

c) Tác động về thủ tục hành chính: không.

d) Tác động về giới: không

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực: không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành

- Tiêu cực: không bảo đảm tính rõ ràng của pháp luật, gây chồng chéo về thẩm quyền quản lý của các cơ quan chức năng; khó đồng bộ với các hướng dẫn quốc tế.

**4.2. Phương án 2: Đề xuất bổ sung hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ vào danh sách các công việc bức xạ.**

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Việc quy định rõ loại hình công việc thử nghiệm trong tạo cơ sở pháp lý minh bạch, định hướng phát triển một ngành nghề mới của các tổ chức, cá nhân. Xu hướng của hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ hiện nay và tương lai ngày càng phát triển, việc xây dựng quy định quản lý có liên quan vừa để quản

lý chặt chẽ vừa để thúc đẩy sự phát triển của các tổ chức cá nhân hoạt động trong lĩnh vực này.

Việc tạo hành lang pháp lý minh bạch và rõ ràng cho hoạt động này cũng là một điểm tích cực để các nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực thiết bị (nhất là thiết bị bức xạ trong y tế) ưu tiên đầu tư vào Việt Nam.

- Hạn chế: Không

b) Tác động về xã hội

- Lợi ích: Hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ có tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn bức xạ nếu không có sự quản lý chặt chẽ theo các quy định của pháp luật. Việc đưa nội dung công việc này vào Luật sửa đổi sẽ giúp cho công tác đảm bảo an toàn cho môi trường và con người được quản lý tốt hơn, tạo điều kiện cho xã hội văn minh và phát triển.

- Hạn chế: Không.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính nhưng có thay đổi thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới: không

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực: Tăng cường hành lang pháp lý minh bạch và rõ ràng. Các quy phạm điều chỉnh lĩnh vực ứng dụng năng lượng nguyên tử ngày càng được hoàn thiện trên cơ sở xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của xã hội.

Việc quy định cụ thể, rõ ràng và phân nhóm loại đúng bản chất khoa học của loại hình công việc thử nghiệm thiết bị bức xạ cũng làm cho việc áp dụng pháp luật được dễ dàng và “trong sáng” hơn, hạn chế được những tranh cãi pháp lý sau này.

- Tiêu cực: Không.

## 5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2**

## VI.1.4. CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ HỖ TRỢ ỨNG DỤNG NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ

### 1. Xác định vấn đề bất cập

Nghị định số 142/2020/NĐ-CP quy định các tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử phải được cấp Giấy đăng ký. Qua

quá trình thực thi, việc sử dụng tên gọi Giấy đăng ký đã xuất hiện một số bất cập, cần xem xét sửa đổi để bảo đảm tính rõ ràng, tính đồng bộ của pháp luật. Các bất cập có thể kể đến như sau:

Thứ nhất, hầu hết các loại Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử hiện nay đều có thời hạn 05 năm (ngoại trừ các giấy đăng ký về hoạt động đào tạo). Các tổ chức đăng ký thực hiện hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử cần đáp ứng yêu cầu về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình bảo đảm chất lượng...và phải được cơ quan quản lý cấp phép. Như vậy, về bản chất, các loại giấy đăng ký dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử hiện nay là Giấy phép.

Thứ hai, việc sử dụng tên gọi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử có thể gây nhầm lẫn với các loại giấy đăng ký khác (giấy đăng ký hoạt động doanh nghiệp, giấy đăng ký hoạt động khoa học công nghệ, giấy đăng ký chứng nhận khoa học công nghệ...) dẫn đến việc các tổ chức thực hiện dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử nhận thức chưa đầy đủ về hiệu lực của giấy phép (nhầm lẫn về hồ sơ cấp phép, thời hạn của giấy phép...) Ngoài ra, việc sử dụng tên gọi Giấy đăng ký cũng có thể dẫn đến việc không thống nhất trong phối hợp giữa các cơ quan chức năng, chông chéo về thẩm quyền quản lý.

Thứ ba, Luật Năng lượng nguyên tử 2008 (NLNT) không có quy định về Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử mà chỉ quy định: "*Tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử phải đăng ký hoạt động theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.*" (Khoản 3 Điều 69 Luật NLNT). Tên gọi Giấy đăng ký cũng đã được định nghĩa theo cách thức khác tại Pháp lệnh an toàn và kiểm soát bức xạ số 50-L/CTN ngày 25 tháng 6 năm 1996: "*Tổ chức, cá nhân có nguồn bức xạ, địa điểm cất giữ chất thải phóng xạ phải xin giấy đăng ký nguồn bức xạ, giấy đăng ký địa điểm cất giữ chất thải phóng xạ của mình với cơ quan quản lý nhà nước về an toàn và kiểm soát bức xạ, trừ trường hợp được miễn đăng ký (Điều 23)*" và "*Giấy đăng ký có hiệu lực cho tới khi nguồn bức xạ, địa điểm cất giữ chất thải phóng xạ được cơ quan quản lý nhà nước về an toàn và kiểm soát bức xạ có thẩm quyền cấp giấy đăng ký công nhận là đủ điều kiện và tiêu chuẩn để được miễn đăng ký hoặc nguồn bức xạ, địa điểm cất giữ chất thải phóng xạ được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng có trách nhiệm làm thủ tục xin cấp đăng ký (Khoản 1 Điều 25)*". Như vậy, tên gọi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử có thể gây nhầm lẫn về khái niệm, không bảo đảm tính rõ ràng của pháp luật.

Thứ tư, Luật mẫu tham khảo của Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) không có định nghĩa về giấy đăng ký dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng

nguyên tử. Như vậy, việc sử dụng tên gọi Giấy đăng ký cũng sẽ gây khó khăn trong việc đồng bộ các quy định của Việt Nam với các hướng dẫn quốc tế.

Trên đây là những bất cập nổi trội đối với việc sử dụng tên gọi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. Những bất cập này cần được xem xét sửa đổi để bảo đảm tính rõ ràng và tính đồng bộ của pháp luật.

## **2. Mục tiêu của chính sách**

Thay đổi tên gọi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử sẽ được thay đổi thành Giấy phép hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử nhằm bảo đảm tính rõ ràng, thống nhất của pháp luật, nâng cao nhận thức của các cơ sở thực hiện dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử, tránh chồng chéo trong quản lý và đồng bộ với hướng dẫn của quốc tế.

## **3. Các giải pháp đề xuất**

### **3.1. Phương án 1:**

Không thay đổi quy định hiện hành

### **3.2. Phương án 2:**

Đề xuất thay đổi tên gọi Giấy đăng ký thành Giấy phép: các loại Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử sẽ được thay đổi thành Giấy phép hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Đề xuất đưa ra quy định về các loại giấy phép, thời hạn giấy phép, điều kiện cấp giấy phép hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử và điều kiện chuyển tiếp, cụ thể:

***- Quy định các loại giấy phép hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử, bao gồm:***

- a) Tư vấn kỹ thuật và công nghệ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.
- b) Đánh giá, giám định công nghệ bức xạ, công nghệ hạt nhân.
- c) Lắp đặt nguồn phóng xạ; lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân,
- d) Đo liều chiếu xạ cá nhân, đánh giá hoạt độ phóng xạ.
- đ) Kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị ghi đo bức xạ, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân.
- e) Tẩy xạ.
- g) Thay, đảo nhiên liệu cho lò phản ứng hạt nhân.



h) Đào tạo an toàn bức xạ; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với cá nhân thực hiện các dịch vụ quy định từ điểm a đến điểm g khoản này (sau đây gọi tắt là đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ).

i) Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác.

**- Quy định về thời hạn của giấy phép hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử:**

Giấy phép hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử có thời hạn 05 năm.

**- Quy định về điều kiện cấp giấy phép hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử:**

1. Tổ chức có đủ các điều kiện sau đây thì được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, giấy phép hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử:

a) Thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Tiến hành công việc bức xạ hoặc hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử phù hợp với chức năng hoạt động;

c) Có đội ngũ nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật phù hợp;

d) Đáp ứng đủ các điều kiện bảo đảm an toàn, an ninh;

đ) Hoàn thành hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép.

2. Cá nhân có đủ các điều kiện quy định sau đây thì được cấp giấy phép:

a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đã được miễn trách nhiệm hình sự;

b) Tiến hành công việc bức xạ, dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc phù hợp;

d) Hoàn thành hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép.

3. Chính phủ quy định chi tiết các quy định tại Điều này.

**- Quy định về điều kiện chuyển tiếp:**

Đối với các tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử, khi gia hạn giấy đăng ký sẽ được đổi thành giấy phép.

#### **4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

##### **4.1. Phương án 1: Không thay đổi quy định hiện hành**

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không gây ra tác động kinh tế đối với nhà nước và các tổ chức, cá nhân.

- Hạn chế: Không gây ra hạn chế đối với nhà nước, các tổ chức, cá nhân.

b) Tác động về xã hội

- Lợi ích: một số tổ chức hoạt động lâu năm trong lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử sẽ quen thuộc đối với các thủ tục hiện hành.

- Hạn chế: dễ gây nhầm lẫn với các loại giấy đăng ký khác (giấy đăng ký hoạt động doanh nghiệp, giấy đăng ký hoạt động khoa học công nghệ, giấy đăng ký chứng nhận khoa học công nghệ...) dẫn đến việc các tổ chức thực hiện dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử nhận thức chưa đầy đủ về hiệu lực của giấy phép (nhầm lẫn về hồ sơ cấp phép, thời hạn của giấy phép...).

c) Tác động về thủ tục hành chính: không thay đổi thủ tục hành chính

d) Tác động về giới: không

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực: không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành

- Tiêu cực: không bảo đảm tính rõ ràng của pháp luật, gây chông chéo về thẩm quyền quản lý của các cơ quan chức năng; khó đồng bộ với các hướng dẫn quốc tế.

**4.2. Phương án 2:** Đề xuất thay đổi tên gọi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử thành Giấy phép hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không gây ra tác động kinh tế đối với nhà nước và các tổ chức, cá nhân.

- Hạn chế: Không gây ra hạn chế đối với nhà nước, các tổ chức, cá nhân

b) Tác động về xã hội

- Lợi ích:

- + Đối với nhà nước: bảo đảm tính rõ ràng của pháp luật.

- + Đối với các tổ chức, cá nhân: giảm thiểu việc nhầm lẫn với các loại giấy đăng ký khác (giấy đăng ký hoạt động doanh nghiệp, giấy đăng ký hoạt động khoa học công nghệ, giấy đăng ký chứng nhận khoa học công nghệ...); nâng cao nhận thức của các tổ chức thực hiện dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử nhận thức về hiệu lực của giấy phép (hồ sơ cấp phép, thời hạn của giấy phép...).

- Hạn chế:

+ Đối với nhà nước: trong thời gian đầu thực thi cần phổ biến quy định về việc thay đổi tên gọi, nhưng không phải hạn chế quá đáng kể.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Phương án này chỉ thay đổi tên gọi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử thành Giấy phép hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. Ngoài ra, đề xuất quy định về các loại giấy phép, thời hạn giấy phép, điều kiện cấp giấy phép hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử và điều kiện chuyển tiếp không gây phát sinh thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới:

Phương án này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực: bảo đảm tính rõ ràng của pháp luật, giảm thiểu sự chồng chéo về thẩm quyền quản lý của các cơ quan chức năng; bảo đảm tính đồng bộ với các hướng dẫn quốc tế.

- Tiêu cực: không, sự thay đổi này không ảnh hưởng tới cấu trúc của hệ thống pháp luật về năng lượng nguyên tử.

## 5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2**.

### VI.1.5. CẤP GIẤY PHÉP CHO CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ

#### VI.1.5.A. GIẤY PHÉP CHO CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ

##### 1. Xác định vấn đề bất cập

Luật NLNT, Điều 73 về Giấy phép tiến hành công việc bức xạ, khoản 1 quy định: “tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ phải có giấy phép, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này”. Ngoài ra, đối với cá nhân, Điều 28 của Luật NLNT quy định về chứng chỉ nhân viên bức xạ và Điều 70 quy định về chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực thi Luật, có một số vấn đề bất cập, chưa phù hợp, cụ thể như sau:

Thứ nhất, các văn bản hướng dẫn dưới Luật, bao gồm Thông tư 08/2010/TT-BKHCN hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ, Thông tư 06/2016/TT-BKHCN quy định về

việc cấp giấy đăng ký và cấp chứng chỉ hành nghề đối với một số hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử (là các văn bản đã hết hiệu lực), Nghị định 142/2020/NĐ-CP (văn bản hiện hành) chưa quy định thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho cá nhân. Nghị định 142/2020/NĐ-CP chỉ quy định thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (tại Điều 35) và chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử (tại Điều 56 và Điều 57).

Thứ hai, việc cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử là quá trình xác nhận cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; có trình độ chuyên môn và kiến thức về an toàn phù hợp (đối với chứng chỉ nhân viên bức xạ) hoặc có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc phù hợp và đã qua khóa đào tạo dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử tại cơ sở đào tạo (đối với chứng chỉ hành nghề). Sau khi được cấp chứng chỉ, cá nhân được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ sẽ được phép tiến hành các công việc liên quan đến bức xạ và cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề sẽ được phép thực hiện các công việc, hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử. Như vậy về bản chất, các loại chứng chỉ cho cá nhân như trình bày ở trên là giấy phép cho cá nhân tiến hành các công việc trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, tương tự như giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh được quy định trong Luật Khám bệnh, chữa bệnh 2023 (thời hạn là 05 năm được quy định tại Điều 27 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh 2023) hoặc giấy phép lái xe. Trong quá khứ, Pháp lệnh An toàn và kiểm soát bức xạ (1996) cũng không quy định chứng chỉ nhân viên bức xạ và chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử, chỉ quy định “*giấy phép cho nhân viên làm công việc bức xạ đặc biệt*”.

Thứ ba, việc sử dụng thuật ngữ chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ hành nghề dịch vụ hoạt động hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử gây nhầm lẫn với các loại chứng chỉ, chứng nhận khác. Cụ thể: hiện trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ hành nghề hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử có yêu cầu về chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ, chứng chỉ chuyên môn, chứng nhận chuyên môn phù hợp. Ví dụ: hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ cho nhân viên chụp ảnh phóng xạ công nghiệp sẽ yêu cầu chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ cho nhân viên chụp ảnh phóng xạ công nghiệp và chứng chỉ đào tạo chuyên môn về chụp ảnh phóng xạ công nghiệp; hoặc hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kiểm xạ sẽ yêu cầu chứng chỉ đào tạo chuyên môn về kiểm xạ. Như vậy đối với một cá nhân sẽ có nhiều loại chứng chỉ khác nhau, bao gồm các chứng chỉ chuyên môn (do các tổ chức đào tạo cấp) và chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ hành nghề do Cơ quan quản lý cấp. Việc này gây nhầm lẫn giữa các loại chứng chỉ, gây khó khăn cho các tổ chức tiến hành công việc bức xạ trong quá trình chuẩn bị hồ sơ cũng như quản lý hồ sơ, triển khai các hoạt động sau cấp phép.

Thứ tư, Luật NLNT hiện chưa quy định thời hạn của chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. Tuy nhiên, thực tiễn quản lý cho thấy, một số lượng không nhỏ các cá nhân sau được cấp chứng chỉ hành nghề nhưng không tiến hành các hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử theo chứng chỉ đã được cấp. Trong khi đó, công nghệ liên tục phát triển và được cập nhật, ứng dụng vào trong đời sống, các trang thiết bị, dụng cụ sử dụng cho các dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử và các văn bản quy phạm pháp luật cũng có những thay đổi cập nhật để phù hợp với thực tiễn. Việc không thực hiện dịch vụ hỗ trợ trong thời gian dài sẽ dẫn đến việc mai một kiến thức, không cập nhật kiến thức kỹ thuật cũng như kiến thức pháp luật, không đáp ứng năng lực để thực hiện dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Trên đây là những bất cập đối với việc sử dụng thuật ngữ Chứng chỉ nhân viên bức xạ và Chứng chỉ hành nghề hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. Những bất cập này cần được xem xét sửa đổi để bảo đảm tính rõ ràng và tính đồng bộ của pháp luật.

## **2. Mục tiêu của chính sách**

Thay đổi tên gọi Chứng chỉ nhân viên bức xạ và Chứng chỉ hành nghề hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử thành: “Giấy phép cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử” để bảo đảm tính rõ ràng, thống nhất của pháp luật, tránh gây nhầm lẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định của pháp luật.

## **3. Các giải pháp đề xuất**

### **3.1. Phương án 1:**

Không thay đổi quy định hiện hành

### **3.2. Phương án 2:**

Đề xuất thay đổi tên gọi Chứng chỉ nhân viên bức xạ và Chứng chỉ hành nghề hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử thành “Giấy phép cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử”, giữ nguyên thời hạn là “không thời hạn” như hiện nay.

### **3.3. Phương án 3:**

Đề xuất thay đổi tên gọi Chứng chỉ nhân viên bức xạ và Chứng chỉ hành nghề hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử thành “Giấy phép cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử”. Quy định về thời hạn của Giấy phép cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử như sau:

- 05 năm đối với các cá nhân tiến hành dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

- 10 năm đối với các công việc còn lại.

#### **4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

**4.1. Phương án 1:** Không thay đổi, giữ nguyên quy định hiện hành đối với chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không.

- Hạn chế: Không.

b) Tác động về xã hội

Giải pháp này không gây ra thêm những tác động đối xã hội, cộng đồng và các vấn đề khác có liên quan.

c) Tác động về thủ tục hành chính: không thay đổi thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới: không gây tác động về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực: không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

- Tiêu cực: không bảo đảm tính rõ ràng của pháp luật, dễ gây nhầm lẫn giữa chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử với chứng chỉ chuyên môn, chứng nhận đào tạo khác của cá nhân.

**4.2. Phương án 2:** Đề xuất thay đổi tên gọi Chứng chỉ nhân viên bức xạ và Chứng chỉ hành nghề hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử thành “Giấy phép cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử”, giữ nguyên thời hạn là “không thời hạn” như hiện nay.

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không.

- Hạn chế: Không.

b) Tác động về xã hội

Giải pháp này không gây ra thêm những tác động đối xã hội, cộng đồng và các vấn đề khác có liên quan.

c) Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính, chỉ thay đổi tên gọi thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử thành thủ tục cấp giấy phép cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

d) Tác động về giới: không gây tác động về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực:

+ Bảo đảm tính rõ ràng của các quy định pháp luật, giảm thiểu việc nhầm lẫn giữa chứng chỉ của cá nhân trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử (chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử) với các loại chứng chỉ chuyên môn, chứng nhận đào tạo khác của cá nhân;

+ Đồng bộ với quy định trong lĩnh vực khác (ví dụ: giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, giấy phép lái xe).

- Tiêu cực: không.

**4.3. Phương án 3:** Đề xuất thay đổi tên gọi Chứng chỉ nhân viên bức xạ và Chứng chỉ hành nghề hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử thành “Giấy phép cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử”. Quy định về thời hạn của Giấy phép cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử như sau:

- 05 năm đối với các cá nhân tiến hành dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

- 10 năm đối với các công việc còn lại.

a) Tác động về kinh tế

Việc đổi tên chứng chỉ hành nghề thành giấy phép cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử và quy định thời hạn 05 năm sẽ giúp tăng khoản thu ngân sách nhà nước đối với việc thu phí, lệ phí cấp giấy phép cho cá nhân. Tuy nhiên, với mức thu 200.000 đồng như hiện nay, việc tăng thu ngân sách là không đáng kể. Tương tự như trên, cá nhân tiến hành công việc bức xạ, dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử sẽ mất phí cấp giấy phép cá nhân 200.000 đồng sau mỗi 05 năm, bên cạnh đó là các chi phí khác (di chuyển, in ấn,...). Tuy nhiên, chi phí phát sinh là không đáng kể.

b) Tác động về xã hội

Việc quy định thời hạn của giấy phép cá nhân đối với cá nhân tiến hành dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử sẽ giúp bảo đảm các cá nhân sau khi cấp phép thực hiện trách nhiệm liên tục cập nhật công nghệ, cũng như các quy định pháp luật để bảo đảm năng lực thực hiện dịch vụ. Từ đó giúp tăng cường chất lượng dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

c) Tác động về giới: không gây tác động về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội làm việc, quyền và lợi ích hợp pháp của mỗi giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính, chỉ thay đổi tên gọi thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử thành thủ tục cấp giấy phép cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử và tăng tần suất thực hiện thủ tục hành chính (đối với các cá nhân thực hiện các dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử).

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực: tương tự như phương án 2:

+ Bảo đảm tính rõ ràng của các quy định pháp luật, giảm thiểu việc nhầm lẫn giữa chứng chỉ của cá nhân trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử (chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử) với các loại chứng chỉ chuyên môn, chứng nhận đào tạo khác của cá nhân;

+ Đồng bộ với quy định trong lĩnh vực khác (ví dụ: giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, giấy phép lái xe).

- Tiêu cực: không.

## 5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 3**.

## VI.1.5.B. DANH MỤC VÀ CÔNG NHẬN TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI GIẤY PHÉP CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ

### 1. Xác định vấn đề bất cập

Ngoài vấn đề bất cập đã được trình bày tại Mục A “cấp giấy phép cho cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử” dẫn đến đề xuất đổi tên các loại hình “chứng chỉ nhân viên bức xạ” và “chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử” (quy định hiện hành) thành “giấy phép cá nhân cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử” (dự thảo Luật NLNT sửa đổi), hiện còn tồn tại một số bất cập khác liên quan đến chứng chỉ nhân viên bức xạ (giấy phép cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử), cụ thể như sau:

**Vấn đề 1:** Theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Luật NLNT 2008, các công việc cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ bao gồm: “*Kỹ sư trưởng lò phản ứng hạt nhân; Trưởng ca vận hành lò phản ứng hạt nhân; Người phụ trách an toàn; Người phụ trách tây xạ; Người phụ trách ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; Người quản lý nhiên liệu hạt nhân; Nhân viên vận hành lò phản ứng hạt nhân; Nhân viên vận hành máy gia tốc; Nhân viên vận hành thiết bị chiếu xạ sử dụng nguồn phóng xạ; Nhân viên sản xuất đồng vị phóng xạ; Nhân viên chụp ảnh phóng xạ*”



*công nghiệp*”. Trong thực tế có những loại hình như: nhân viên phân liều được chất phóng xạ tại các khoa Y học hạt nhân của các Bệnh viện; nhân viên sử dụng các thiết bị đo hạt nhân di động (ví dụ như: thiết bị đo độ ẩm, độ chặt nền đường, đất đá, bê tông; thiết bị địa vật lý giếng khoan) không được quy định phải có chứng chỉ nhân viên bức xạ (giấy phép cá nhân cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử). Tuy nhiên, đối với các nhân viên trên khi tiến hành công việc bức xạ thì liều họ nhận được cao tương tự như chụp ảnh phóng xạ công nghiệp. Ngoài ra, các chức danh như “*Kỹ sư trưởng lò phản ứng hạt nhân; Trưởng ca vận hành lò phản ứng hạt nhân*” hiện không có trong hệ thống lò ứng hạt nhân của Nga cũng như ở một số quốc gia mà là một chức danh khác.

**Vấn đề 2:** Về việc công nhận chứng chỉ nhân viên bức xạ (giấy phép cá nhân cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử) và một số tài liệu khác do tổ chức nước ngoài cấp: Theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 33 về Trách nhiệm quy định chi tiết về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh các nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, cơ sở hạt nhân. Bộ KH&CN có trách nhiệm quy định và hướng dẫn “*Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ, thời hạn của chứng chỉ, việc gia hạn chứng chỉ nhân viên bức xạ và việc công nhận chứng chỉ nhân viên bức xạ do tổ chức nước ngoài cấp*”. Hiện nay, một số loại hình Việt Nam chưa đào tạo được (ví dụ: lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa máy gia tốc, thiết bị xạ trị áp sát,...) phải công nhận chứng chỉ đào tạo của các tổ chức nước ngoài. Ngoài ra, đối với một số tổ chức nước ngoài tiến hành công việc bức xạ tại Việt Nam, khi thực hiện việc cấp phép, cơ quan quản lý cũng phải công nhận một số tài liệu do tổ chức nước ngoài cấp (ví dụ: kế hoạch ứng phó sự cố).

## **2. Mục tiêu của chính sách**

Góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật.

## **3. Các giải pháp đề xuất**

**Giải pháp 1:** Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật và giữ nguyên các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

**Giải pháp 2:** Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy phép cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử. Theo đó, Luật NLNT cần quy định cụ thể:

**Vấn đề 1:** Cần rà soát và quy định lại các công việc cấp giấy phép cá nhân cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử theo thực tế và kinh nghiệm quốc tế.

**Vấn đề 2:** Cần rà soát và bổ sung quy định, hướng dẫn về việc công nhận giấy phép cá nhân cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, các tài liệu do tổ chức nước ngoài cấp.

#### **4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

**Giải pháp 1:** Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật và giữ nguyên các văn bản dưới Luật như hiện nay.

*a) Tác động về kinh tế*

\* Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

\* Chi phí: Không.

*b) Tác động về xã hội*

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di sản, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

*c) Tác động về giới*

Không tác động đến vấn đề giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)*

Không tác động đến thủ tục hành chính.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật.

\* Tiêu cực: Khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân gặp khó khăn.

**Giải pháp 2:** Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về giấy phép cá nhân cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

*a) Tác động về kinh tế*

\* Lợi ích: Không phát sinh thêm chi phí mới để thực hiện theo giải pháp.

\* Chi phí: Không phát sinh thêm chi phí thực hiện.

*b) Tác động về xã hội*

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di sản, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

*c) Tác động về giới*

Không tác động đến vấn đề giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)*

Hoàn thiện tính hợp pháp, hợp lý của thủ tục hành chính.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tích cực: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật. Tăng khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nhất quán, hợp lý trong công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

\* Tiêu cực: Phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật (quy định trong Luật và văn bản dưới luật).

## **5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Từ những phân tích ở trên, việc lựa chọn *Giải pháp 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy phép cá nhân cá nhân hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử* là phù hợp.

## **VI.2. BỔ SUNG QUY ĐỊNH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHIẾU NẠI TỐ CÁO TRONG LĨNH VỰC NLNT**

### **1. Xác định vấn đề bất cập**

Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm là công cụ quan trọng trong công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực NLNT, lĩnh vực có tính đặc thù, gắn liền với công tác bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân. Tuy nhiên, các quy định liên quan đến hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực này tại Luật NLNT 2008 tử còn rất hạn chế, hoạt động thanh tra, xử lý vi phạm mới chỉ được quy định trong chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân (khoản 4 Điều 8 của Luật NLNT 2008), hoạt động kiểm tra được quy định rải rác ở một số điều, khoản ở các chương khác nhau của Luật. Trong khi nhiều luật chuyên ngành khác đều có chương riêng về hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm (như: Luật Bảo vệ môi trường năm 2022, Bộ Luật lao động năm 2019, Luật quản lý thuế năm 2019, Luật Đo lường năm 2011...). Do thiếu quy định trong Luật NLNT, công tác thanh tra và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực NLNT thời gian qua chủ yếu được thực hiện trên cơ sở quy định chung của Luật Thanh tra (năm 2010 và năm 2022), Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và đang thiếu quy định đặc thù, chưa đáp ứng khuyến cáo của Cơ quan NLNT Quốc tế (IAEA) tại Luật mẫu và các yêu cầu quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (như Công ước An toàn hạt nhân<sup>21</sup>; Công ước Quốc tế về ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân; ...). Việc này đã ít nhiều ảnh hưởng

<sup>21</sup> Theo Điều 7 Công ước an toàn hạt nhân: “Mỗi Bên thành viên thiết lập và duy trì một khuôn khổ pháp lý đủ mạnh để quản lý vấn đề an toàn của các công trình hạt nhân. Khuôn khổ pháp lý đó phải quy định về “Thiết lập cơ chế thanh tra và đánh giá các công trình hạt nhân nhằm đánh giá việc tuân thủ pháp luật và các điều kiện quy định trong giấy phép”

trực tiếp đến hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về ATBXHN, cụ thể:

- Chưa có quy định đặc thù về thẩm quyền trong việc chỉ đạo, tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT. Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn đã có của cơ quan thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra, nhằm bảo đảm thực thi hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT, ngăn chặn sớm sự cố bức xạ và hạt nhân, theo yêu cầu của IAEA<sup>22</sup>, cơ quan thanh tra chuyên ngành về ATBXHN cần có các thẩm quyền đặc thù như: yêu cầu, kiến nghị tổ chức, cá nhân thực hiện khẩn cấp biện pháp khắc phục (tẩy xạ môi trường, tìm kiếm nguồn phóng xạ bị thất lạc, dừng công việc bức xạ...) trong trường hợp phát hiện vi phạm gây mất an toàn, an ninh; có quyền tiếp cận mọi địa điểm liên quan, vào bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thanh tra; thanh tra ngay lập tức không cần báo trước trong trường hợp khẩn cấp khi phát hiện tình trạng mất an toàn bức xạ và hạt nhân hoặc trường hợp có sự cố bức xạ, hạt nhân<sup>23</sup>.

- Chưa có quy định đặc thù về nội dung, hình thức, tần suất, quy trình thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về ATBXHN: Theo hướng dẫn của IAEA, tần suất thanh tra trong lĩnh vực NLNT phải tương ứng với mức độ nguy hiểm (tiềm tàng) của từng loại hình công việc bức xạ, mức an ninh nguồn phóng xạ (tương ứng với tần suất 1 năm, 2 năm, 3 năm/1 lần)<sup>24</sup>. Đồng thời, theo kinh nghiệm quốc tế, ngoài 02 loại hình thanh tra (thanh tra theo kế hoạch, thanh tra đột xuất theo quy định của Luật Thanh tra) còn có loại hình thanh tra, kiểm tra đặc thù như: Thanh tra thường xuyên, giám sát hằng ngày tại nhà máy điện hạt nhân<sup>25 26</sup>; thanh tra ngay lập tức không cần báo trước trong trường hợp khẩn cấp<sup>27</sup>.

- Chưa có quy định về điều kiện trang thiết bị, nhân lực thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn và thẩm quyền đặc thù đối với thanh tra viên:

+ Hoạt động thanh tra về an toàn bức xạ và hạt nhân đòi hỏi phải có các thiết bị chuyên dụng để đo đạc, đánh giá an toàn, làm căn cứ cho hoạt động xử lý

<sup>22</sup> Mục 3.4 và 3.5 Luật mẫu của IAEA (Handbook on Nuclear Law -2010)

<sup>23</sup> Khoản 3 Điều ## Tiến hành thanh tra, Mục 3.4.1 Luật mẫu của IAEA (Handbook on Nuclear Law-2010)

<sup>24</sup> Yêu cầu 3: Trách nhiệm của cơ quan pháp quy, Yêu cầu số GSR Phần 3 của IAEA: Các yêu cầu an toàn chung

<sup>25</sup> Yêu cầu số 28: Hình thức thanh tra, Yêu cầu số GSR Phần 1 của IAEA: Các yêu cầu an toàn chung

<sup>26</sup> Hướng dẫn số GSG-13 của IAEA: Hướng dẫn an toàn chung: Chức năng và quy trình quản lý của cơ quan quản lý đối với an toàn

<sup>27</sup> Khoản 3 Điều ## Tiến hành thanh tra, Mục 3.4.1 Luật mẫu của IAEA (Handbook on Nuclear Law-2010)

vi phạm (thiết bị đo, lấy mẫu, phân tích về phóng xạ, thiết bị phục vụ cho hoạt động thanh sát hạt nhân...) và dụng cụ bảo hộ lao động cho thanh tra viên (liều xạ kế cá nhân, quần áo bảo hộ...). Các phương tiện và thiết bị này phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, được kiểm định định kỳ để đảm bảo tính chính xác và đáng tin cậy trong quá trình sử dụng. Tuy nhiên, do thiếu quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành dẫn đến thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu công tác thanh tra, nhiều cơ quan thanh tra tại địa phương (Thanh tra Sở KH&CN) chưa có thiết bị hoặc thiết bị không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, thanh tra viên chưa được theo dõi liều chiếu xạ nghề nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

+ Theo hướng dẫn của IAEA, thanh tra viên về an toàn bức xạ và hạt nhân phải được trang bị kiến thức chuyên môn, các quy định, tiêu chuẩn và phương pháp thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực này<sup>28</sup>. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay tại Việt Nam cho thấy phần lớn các thanh tra viên chưa đáp ứng các yêu cầu này. Đồng thời theo quy định hiện hành, Thanh tra viên về an toàn bức xạ và hạt nhân cũng chưa có đầy đủ thẩm quyền theo khuyến cáo của IAEA<sup>29</sup> như: thanh tra viên có quyền truy cập mọi cơ sở, địa điểm tiến hành công việc bức xạ vào mọi thời điểm để tiến hành đánh giá, xác minh nội dung thanh tra<sup>30</sup>.

Ngoài ra, hoạt động khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực NLNT chưa được quy định trong Luật NLNT 2008 qua đó thể hiện sự chưa đồng bộ với các luật có liên quan của Việt Nam đã được ban hành trong thời gian qua (như Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, Luật Tố cáo số 25/2018/QH-14, ...).

## **2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Bổ sung quy định đặc thù về hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực NLNT (bao gồm: chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, điều kiện nhân lực và trang thiết bị kỹ thuật của cơ quan thanh tra về ATBXHN; nội dung, tần suất, quy trình của hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về ATBXHN, thẩm quyền của thanh tra viên) nhằm đạt được các mục tiêu sau:

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý, nâng cao năng lực của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra chuyên ngành nhằm triển khai hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT trên phạm vi cả nước.

- Đáp ứng đầy đủ quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đáp ứng khuyến cáo của IAEA đối với hoạt động thanh tra và xử lý vi phạm,

<sup>28</sup> Mục 3.228 Hướng dẫn số GSG-13 của IAEA: Hướng dẫn an toàn chung: Chức năng và quy trình quản lý của cơ quan quản lý đối với an toàn

<sup>29</sup> Mục 4.52 trong GSR Phần 1 của IAEA

<sup>30</sup> Khoản 2 Điều ## Tiến hành thanh tra, Mục 3.4.1 Luật mẫu của IAEA (Handbook on Nuclear Law-2010)

đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan (Luật Thanh tra, Luật Khiếu nại, Luật Xử lý vi phạm hành chính...) để tránh phát sinh vướng mắc trong quá trình thực thi, áp dụng.

### 3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

#### 3.1. Phương án 1:

Bổ sung đầy đủ các quy định đặc thù đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và khiếu nại tố cáo trong lĩnh vực NLNT, trong đó bao gồm:

- Quy định cụ thể về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc chỉ đạo, tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT. Quy định các nhiệm vụ, quyền hạn đặc thù của cơ quan thanh tra về ATBXHN ngoài nhiệm vụ, quyền hạn đã có theo quy định của pháp luật về thanh tra nhằm bảo đảm thực thi hiệu quả công tác thanh tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT, ngăn chặn sớm sự cố bức xạ và hạt nhân như: yêu cầu, kiến nghị tổ chức, cá nhân thực hiện khẩn cấp biện pháp khắc phục trong trường hợp phát hiện vi phạm, có dấu hiệu mất an toàn, an ninh, bồi thường thiệt hại do sự cố bức xạ gây ra; quy định các hành vi vi phạm trong lĩnh vực NLNT<sup>31</sup> v.v.; bổ cục lại các quy định đã có trong Luật NLNT liên quan đến hoạt động kiểm tra.

- Quy định về nội dung, hình thức, tần suất, quy trình thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân. Đặc biệt là bổ sung hình thức thanh tra, kiểm tra đặc thù đối với lĩnh vực này theo khuyến cáo của quốc tế như: thanh tra, kiểm tra thường xuyên, giám sát hằng ngày đối với nhà máy điện hạt nhân; thanh tra đột xuất không cần báo trước trong trường hợp khẩn cấp có nguy cơ gây mất an toàn bức xạ và hạt nhân, trường hợp có sự cố bức xạ<sup>32</sup>. Nội dung thanh tra phải bao gồm đầy đủ các khía cạnh: an toàn bức xạ; an toàn hạt nhân; an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị và cơ sở hạt nhân; thanh sát hạt nhân; chất lượng hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử v.v..

- Quy định tiêu chuẩn đối với thanh tra viên trong việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân, việc trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho cơ quan thanh tra, cơ quan quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân để bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm<sup>33-34</sup>.

- Quy định về hoạt động khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực NLNT.

<sup>31</sup> Mục 3.4 và 3.5 Luật mẫu của IAEA (Handbook on Nuclear Law -2010).

<sup>32</sup> Mục 3.4.1 Luật mẫu của IAEA (Handbook on Nuclear Law-2010).

- Các quy định chi tiết mang tính kỹ thuật đối với các nội dung nêu trên sẽ được quy định trong văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật (Nghị định, Thông tư của Bộ KH&CN).

### **3.2. Phương án 2:**

Giữ nguyên như quy định hiện hành.

## **4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

### **4.1. Phương án 1**

#### a) Tác động đối với kinh tế:

Giải pháp này có thể phát sinh kinh phí lập kế hoạch và triển khai thi hành Luật sau khi được ban hành như xây dựng, phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy định, hướng dẫn chi tiết Luật; mua sắm trang thiết bị chuyên dụng phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân. Tuy nhiên, về dài hạn, những giá trị kinh tế mà giải pháp này mang lại sẽ lớn hơn rất nhiều so với những chi phí nêu trên, cụ thể: hoạt động thanh tra, kiểm tra được thực hiện hiệu quả sẽ làm tăng nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp, cơ sở bức xạ về an toàn, an ninh, giảm thiểu nguy cơ xảy ra các sự cố bức xạ và hạt nhân, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của ứng dụng NLNT, đóng góp cho phát triển khi tế xã hội. Ngoài ra, giải pháp này sẽ tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho phép cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân được đầu tư phù hợp về nguồn lực con người, trang thiết bị tránh dàn trải, lãng phí và không hiệu quả.

#### b) Tác động đối với xã hội:

##### - Đối với nhà nước:

Tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, quy định rõ vai trò và trách nhiệm của cơ quan thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực NLNT. Việc minh bạch trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cùng với các chế tài xử lý khi có vi phạm sẽ có tính chất răn đe các hành vi vi phạm, góp phần bảo đảm kỷ cương, tăng nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về ATBXHN, bảo đảm sự phát triển bền vững của ứng dụng NLNT.

##### - Đối với doanh nghiệp và người dân:

Phát huy được vai trò giám sát của người dân và doanh nghiệp đối với các cơ quan Nhà nước trong việc thực thi quyền hạn của mình theo quy định pháp luật. Người dân, doanh nghiệp tin tưởng, đẩy mạnh đầu tư ứng dụng NLNT, góp phần phát triển kinh tế đất nước, phục vụ đời sống - xã hội (hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ khám chữa bệnh, ...).

#### c) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- *Tích cực*: Tạo khung pháp lý hoàn thiện, giúp cơ quan có thẩm quyền thuận lợi hơn trong việc áp dụng Luật và tổ chức thực hiện trên thực tế; bảo đảm làm tốt được vai trò quản lý nhà nước về ATBXHN, đặc biệt là triển khai hiệu quả, đồng bộ công tác thanh tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT trên cả nước; đáp ứng quy định tại các điều ước quốc tế Việt Nam là nước thành viên; đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan.

- *Hạn chế*: giải pháp này không có hạn chế.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

e) Tác động về giới:

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

#### **4.2. Phương án 2:**

a) Tác động đối với kinh tế:

Giải pháp này không phát sinh chi phí để thực hiện các chính sách, quy định. Tuy nhiên, về lâu dài, có khả năng gây tăng chi phí phát sinh để giải quyết hậu quả của sự cố bức xạ và hạt nhân (nếu xảy ra). Hơn nữa, việc thiếu quy định, hướng dẫn về các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra của chuyên ngành đặc thù như an toàn bức xạ và hạt nhân có thể dẫn đến sự lúng túng, không đồng bộ trong đầu tư, mua bán trang thiết bị tại các tỉnh/thành phố, ảnh hưởng đến kết quả, hiệu quả của hoạt động thanh tra và gây lãng phí trong đầu tư thiết bị.

b) Tác động đối với xã hội:

Việc thiếu quy định trong luật dẫn đến người dân và doanh nghiệp thiếu thông tin, khó phát huy được vai trò giám sát của người dân và doanh nghiệp đối với các cơ quan Nhà nước trong việc thực thi quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

c) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- *Tích cực*: Không cần điều chỉnh, sửa đổi hệ thống các văn bản dưới luật kèm theo.

- *Hạn chế*: Thiếu cơ sở pháp lý để cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền triển khai hiệu quả công tác thanh tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT và nhiều bất cập khác như đã được phân tích tại mục 1 – xác định vấn đề bất cập của Báo cáo này.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp này không phát sinh thủ tục hành chính mới.



e) Tác động về giới:

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

## **5. Kiến nghị lựa chọn phương án**

Bộ KH&CN kiến nghị lựa chọn **Phương án 1** để quy định cụ thể thành các nội dung của dự thảo Luật NLNT (sửa đổi).

## **C. Ý KIẾN THAM VẤN**

Trong quá trình xây dựng, hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với Đề nghị xây dựng Luật NLNT (sửa đổi), Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số .../BKHCN-ATBXHN ngày .../4/2024 để lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cũng như đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (từ ngày.../.../2024) và Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN (từ ngày.../.../2024) để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân liên quan.

Bộ KH&CN cũng đã tổ chức hội thảo, tọa đàm, trao đổi chính sách với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp để làm rõ nội dung, các chính sách đề xuất trong Đề nghị xây dựng Luật; tổ chức khảo sát trực tiếp tại một số cơ sở bức xạ tại một số địa phương trong cả nước để ghi nhận những bất cập, ý kiến đánh giá, đề xuất về thực tiễn thi hành pháp luật Luật NLNT 2008.

Đến nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận văn bản góp ý của ... cơ quan, gồm: ... Bộ, cơ quan ngang bộ; ... ý kiến của UBND tỉnh, phố trực thuộc Trung ương; ... ý kiến của... Đồng thời, cũng có nhiều ý kiến góp ý rất cụ thể đã được Bộ KH&CN nghiêm túc tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật.

## **D. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

### **I. CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THI HÀNH**

Việc tổ chức thi hành Luật NLNT (sửa đổi) liên quan trực tiếp đến các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Do đó trách nhiệm thi hành luật là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan, trong đó trách nhiệm chính là của Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật. Bộ KH&CN là cơ quan giúp Chính phủ tổ chức thi hành Luật NLNT (sửa đổi).

### **II. CƠ QUAN GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

Giám sát, đánh giá việc thực hiện Luật thuộc trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng

nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Luật trong phạm vi địa phương.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật NLNT 2008 (sửa đổi), Bộ Khoa học và Công nghệ xin kính trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

***Nơi nhận:***

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTgCP Trần Lưu Quang (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, PC, ATBXHN.

**BỘ TRƯỞNG**

**Huỳnh Thành Đạt**